

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 114 /BC-UBND

Bình Định, ngày 02 tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh về kết quả giám sát chuyên đề của Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Thông báo số 11/TB-TTHĐND ngày 23/5/2023 của TTHĐND tỉnh về việc dự kiến nội dung, thời gian kỳ họp thứ 17 HĐND tỉnh khóa XIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026; trên cơ sở báo cáo của các sở, ban ngành, UBND tỉnh báo cáo Kết quả thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh về kết quả giám sát chuyên đề của Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh, gồm các Nghị quyết sau:

1. Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 Kết quả giám sát về công tác quản lý nhà nước đối với các cơ sở y tế ngoài công lập, quản lý các dịch vụ xã hội hóa trong các cơ sở y tế công lập từ năm 2018 đến nay.

2. Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 Kết quả giám sát việc thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định.

3. Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 Kết quả giám sát về công tác quản lý hoạt động quảng cáo, các dịch vụ văn hóa và tình hình triển khai thực hiện các dự án sửa chữa, nâng cấp các di tích trên địa bàn tỉnh Bình Định trong 03 năm, từ năm 2020 đến năm 2022.

4. Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 Kết quả giám sát về công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, công tác phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn tỉnh từ năm 2020 đến 2022.

5. Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 Kết quả giám sát việc triển khai, thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh trong năm 2022 theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

6. Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 về kết quả giám sát công tác quy hoạch, đầu tư hạ tầng kỹ thuật và giao đất, cho thuê đất tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

7. Nghị quyết số 99/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 về kết quả giám sát Công tác quản lý và chấp hành một số quy định của Bộ luật Lao động tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2023.

8. Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 về kết quả giám sát Công tác quản lý, sử dụng biên chế hành chính, sự nghiệp, đề án vị trí việc làm, tình

giản biên chế và thi tuyển công chức.

9. Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 Kết quả giám sát tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về Bảo hiểm y tế đối với đồng bào dân tộc thiểu số từ ngày 01/01/2021 đến 30/9/2023.

(Chi tiết ở Phụ lục đính kèm)

UBND tỉnh kính báo cáo HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, tp;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC

Kết quả thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh về kết quả giám sát chuyên đề của Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

A. NGHỊ QUYẾT SỐ 41/NQ-HĐND NGÀY 14/7/2023 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VỀ KẾT QUẢ GIÁM SÁT VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ Y TẾ NGOÀI CÔNG LẬP, QUẢN LÝ CÁC DỊCH VỤ XÃ HỘI HÓA TRONG CÁC CƠ SỞ Y TẾ CÔNG LẬP TỪ NĂM 2018 ĐẾN NAY TRONG NĂM 2023

1. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn, tạo điều kiện cho các cơ sở y tế ngoài công lập tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; đặc biệt là chuyên môn sâu, hướng tới mục tiêu để người dân được hưởng những lợi ích, dịch vụ tốt nhất về khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe

Ngày 05/7/2023, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2446/QĐ-UBND về Kế hoạch triển khai mô hình “khám bệnh, chữa bệnh sử dụng thẻ căn cước công dân gắn chip điện tử và ứng dụng VNeID tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh” trên địa bàn tỉnh.

Ngày 18/10/2023, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3822/QĐ-UBND về Kế hoạch Phát triển hệ thống phục hồi chức năng giai đoạn 2023 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Công tác cải cách hành chính và chuyển đổi số được UBND tỉnh chú trọng và đẩy mạnh, đã tạo sự chuyển biến rõ rệt so với những năm trước. Có 129/133 thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng giải quyết của Y tế được thực hiện trực tuyến (trực tuyến toàn trình: 27, trực tuyến một phần: 102). 100% hồ sơ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng giải quyết của Sở được thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. UBND tỉnh đã phê duyệt phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực: dược phẩm và khám bệnh, chữa bệnh; qua đó cắt giảm được 32,45% chi phí thủ tục về dược phẩm và 42,3% chi phí thủ tục về khám bệnh, chữa bệnh. Chủ động đề xuất thực hiện cắt giảm thành phần hồ sơ căn cước công dân, phiếu lý lịch tư pháp; thường xuyên rà soát, tái cấu trúc quy trình, điện tử hóa mẫu đơn, tờ khai thủ tục hành chính, kết quả giải quyết thủ tục hành chính. 100% cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã trang bị máy quét thẻ căn cước công dân gắn chip để phục vụ người bệnh; 100% cơ sở y tế đã triển khai thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh không dùng tiền mặt; 100% cơ sở dữ liệu giấy chứng sinh, giấy báo tử, giấy khám sức khỏe lái xe được liên thông lên cổng Giám định BHYT theo đúng quy định, theo thời gian thực.

UBND tỉnh đã triển khai cho một số cơ sở y tế hoàn thành chức năng thanh toán trực tuyến một số thủ tục viện phí trên Cổng dịch vụ công của tỉnh (được Văn phòng Chính phủ đánh giá thực hiện tốt, tại Báo cáo số 8244/BC-VPCP ngày 23/10/2023).

Tiếp tục chỉ đạo các cơ sở y tế triển khai thực hiện việc sử dụng các thiết bị đọc thẻ Căn cước công dân gắn chip tích hợp thông tin bảo hiểm y tế trong hoạt động khám bệnh, chữa bệnh. Tổ chức thẩm định và phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật theo nhu cầu của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT của Bộ Y tế; ban hành danh mục các dịch vụ kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh được xếp tương đương về kỹ thuật và chi phí thực hiện theo quy định của Bộ Y tế.

Kịp thời phổ biến, quán triệt và chỉ đạo, đôn đốc các cơ sở y tế ngoài công lập triển khai thực hiện nghiêm túc các chủ trương, chính sách của Trung ương và văn bản của tỉnh ban hành về những mục tiêu và nhiệm vụ, giải pháp có liên quan đến ngành Y tế; tập trung vào một số văn bản quan trọng sau đây:

+ Nghị quyết số 68/2022/QH15 ngày 10/11/2022 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023.

+ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023.

+ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023.

+ Thông tư số 22/2023/TT-BYT ngày 17/11/2023 của Bộ Y tế quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp.

+ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.

+ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh

- Thực hiện tốt nhiệm vụ tham mưu, trình cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách, văn bản quan trọng của tỉnh về lĩnh vực y tế - dân số có liên quan đến các cơ sở y tế ngoài công lập phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương; nổi bật là:

+ Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh và Quyết định số 33/2023/QĐ-UBND ngày 26/7/2023 của UBND tỉnh về Chính sách hỗ trợ kinh phí đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh.

+ Quyết định số 2446/QĐ-UBND ngày 05/7/2023 của UBND tỉnh về Kế hoạch triển khai mô hình “khám bệnh, chữa bệnh sử dụng thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử và ứng dụng VNeID tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh” trên địa

bàn tỉnh.

+ Quyết định số 63/2023/QĐ-UBND ngày 06/10/2023 của UBND tỉnh về Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định.

+ Quyết định số 3822/QĐ-UBND ngày 18/10/2023 của UBND tỉnh về Kế hoạch Phát triển hệ thống phục hồi chức năng giai đoạn 2023 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Tổ chức tốt công tác phổ biến, tuyên truyền và giáo dục pháp luật. Tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt công tác cải cách hành chính với trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, cải tiến quy trình khám bệnh, chữa bệnh và cung ứng dịch vụ y tế. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý điều hành và cung ứng dịch y tế tại các cơ sở y tế ngoài công lập.

Chỉ đạo các bệnh viện ngoài công lập thực hiện đánh giá sự hài lòng của người bệnh theo quy định của Bộ Y tế và duy trì thực hiện “điện thoại đường dây nóng” và “hòm thư góp ý” để tiếp nhận, tư vấn và kịp thời giải quyết vướng mắc, kiến nghị của người dân về thủ tục hành chính, chất lượng cung ứng dịch vụ và phong cách, thái độ phục vụ của nhân viên y tế.

Chỉ đạo các cơ sở khám, chữa bệnh đã phối hợp với đơn vị cung cấp phần mềm (HIS) nâng cấp chuẩn đầu ra theo Quyết định 130/QĐ-BYT của Bộ Y tế để kết nối liên thông với hệ thống giám định của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Hoàn thành liên thông dữ liệu kết quả giấy chứng sinh đối với 100% cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ công liên thông “Đăng ký khai sinh - Đăng ký thường trú - Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi” trên địa bàn tỉnh (dịch vụ công thiết yếu của Đề án 06).

Chỉ đạo các cơ sở y tế ngoài công lập triển khai thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh không dùng tiền mặt trong khám bệnh, chữa bệnh, thực hiện tốt việc cập nhật dữ liệu Giấy chứng sinh, Giấy báo tử, Giấy khám sức khỏe lái xe được đúng quy định.

Đối với những khó khăn, vướng mắc thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan Trung ương, UBND tỉnh đã kiến nghị Chính phủ chỉ đạo, đôn đốc Bộ Y tế và các bộ, ngành có liên quan triển khai các giải pháp xử lý, có văn bản trả lời và hướng dẫn về các nội dung: sửa đổi Nghị định số 146/2018/NĐ-CP của Chính Phủ; sửa đổi Luật BHYT, Luật Dược; ban hành mới Luật Dân số; Sửa đổi Luật Đầu thầu; xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật và bổ sung thêm chi phí ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào cơ cấu giá dịch vụ y tế được Bảo hiểm y tế thanh toán; sửa đổi các văn bản quy định, hướng dẫn Bộ Y tế về bệnh án điện tử, hoạt động y tế từ xa, hồ sơ sức khỏe điện tử công dân cho phù hợp với tình hình mới.

2. Thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, phổ biến kiến thức pháp luật, quy định, quy chế chuyên môn cho cán bộ làm công tác quản lý nhà nước tại các Phòng Y tế và các cơ sở y tế ngoài công lập. Mở lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, tập huấn về việc ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến vào khám, chữa bệnh và điều trị các bệnh mới... cho đội ngũ y, bác sỹ đang làm việc tại các cơ sở y tế ngoài công lập

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Y tế xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật; theo dõi thi hành pháp luật; kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật đúng theo quy định.

Tổ chức Hội nghị tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 có sự tham gia của Phòng Y tế và các cơ sở y tế ngoài công lập.

Tổ chức tập huấn cung cấp kiến thức các quy định của pháp luật và hướng dẫn một số thủ tục hành chính trong cấp giấy phép hành nghề, giấy phép hoạt động trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

Phối hợp với Hội Dược học tổ chức lớp tập huấn cập nhật kiến thức chuyên môn về dược lâm sàng và kiến thức pháp luật về hành nghề dược cho hơn 200 dược sĩ tại đang hành nghề các nhà thuốc tư nhân vào ngày 25/5/2024; Tổ chức lớp Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng về lãnh đạo, quản lý cho công chức quản lý y tế, có sự tham gia của công chức là lãnh đạo, quản lý của Phòng Y tế các huyện, thị xã, thành phố; Tổ chức Hội nghị đối thoại Doanh nghiệp năm 2023 theo Giấy mời số 336/GM-SYT ngày 13/11/2023 của Sở Y tế có sự tham gia của đại diện các cơ sở kinh doanh dược, thiết bị y tế và các bệnh viện ngoài công lập trên địa bàn tỉnh; Tổ chức tập huấn “Cải tiến chất lượng thực hành chăm sóc Điều dưỡng” cho các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2023 có sự tham gia của các bệnh viện ngoài công lập; Tổ chức tập huấn “Tăng cường năng lực thực hành Điều dưỡng” cho các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2023 có sự tham gia của các bệnh viện ngoài công lập.

Trong khuôn khổ dự án “Hỗ trợ cải thiện chất lượng sống của người khuyết tật tại các tỉnh bị phun rải nặng chất da cam”; thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo liên tục, bồi dưỡng chuyên môn về phục hồi chức năng cho nhân viên y tế, trong đó có nhân viên y tế thuộc cơ sở y tế ngoài công lập.

3. Công tác phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật đối với các cơ sở y tế ngoài công lập, đặc biệt là công tác hậu kiểm, đảm bảo các cơ sở hoạt động đúng quy định của pháp luật, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm để bảo vệ quyền lợi cho người dân

- UBND tỉnh giao Sở Y tế phối hợp với Công an tỉnh trong việc đảm bảo an ninh trật tự tại các cơ sở y tế ngoài công lập; kịp thời giải quyết các vụ việc phức tạp xảy ra tại các cơ sở y tế ngoài công lập; phối hợp tổ chức nhiều cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về y tế, hoạt động hành nghề khám, chữa bệnh, kinh doanh dược phẩm và các lĩnh vực liên quan đến y tế tại các cơ sở y tế ngoài công lập trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác thẩm định cấp giấy phép hoạt động cho các Bệnh viện ngoài công lập theo yêu cầu của Bộ Y tế. Chỉ đạo Phòng Y tế các huyện, thị xã, thành phố tăng cường thực hiện công tác quản lý hoạt động của các cơ sở y tế ngoài công lập không để xảy ra các hoạt động vi phạm pháp luật trên địa bàn.

- Phối hợp với các sở, ngành tham mưu, đề xuất UBND tỉnh chấp nhận chủ trương đầu tư các bệnh viện ngoài công lập trên địa bàn; quản lý các hoạt động chuyên môn, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy...

- Phối hợp với Công an tỉnh tiến hành kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong hoạt động hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, kinh doanh thuốc và sản xuất, kinh doanh mỹ phẩm, thực phẩm chức năng của các cơ sở trên địa bàn tỉnh:

+ Số cơ sở được kiểm tra: 33 cơ sở

+ Số cơ sở vi phạm: 04 cơ sở

+ Tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính: 55.000.000 đồng. (Năm mươi lăm đồng).

+ Tổng số tiền vi phạm, kiến nghị thu hồi về ngân sách nhà nước: Không phát sinh.

+ Các hành vi phạm: Không mở sổ hoặc không sử dụng máy tính để quản lý nhập, xuất, tồn trữ, theo dõi số lô, hạn dùng, nguồn gốc của thuốc và thông tin liên quan khác theo quy định của pháp luật; không có khu vực riêng cho các sản phẩm không phải là thuốc; Người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở bán lẻ thuốc vắng mặt trong thời gian hoạt động của cơ sở dược; Cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh mà không có giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

4. Phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh trong việc quản lý cán bộ y tế theo quy định của Luật Viên chức và Bộ Luật lao động; quản lý, thực hiện chính sách bảo hiểm y tế; đẩy mạnh cải cách hành chính trong cung ứng dịch vụ y tế; tiến tới kết nối đồng bộ các dữ liệu lâm sàng, cận lâm sàng trong hồ sơ bệnh án, triển khai khám bệnh, chữa bệnh từ xa giữa các cơ sở y tế trong và ngoài tỉnh

- UBND tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 về việc quy định chính sách hỗ trợ kinh phí

đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Phổ biến, tổ chức triển khai thực hiện Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19/10/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế đến các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh BHYT trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo các đơn vị thực hiện việc trích chuyển dữ liệu điện tử theo Thông tư số 48/2017/TT-BYT của Bộ Y tế; chuẩn hóa và cập nhật danh mục quản lý khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo Quyết định số 3618/QĐ-BHXH ngày 12/12/2022 của BHXH Việt Nam; triển khai kiểm thử và tiếp nhận dữ liệu khám bệnh, chữa bệnh BHYT của bộ quy chuẩn và định dạng dữ liệu đầu ra theo Quyết định số 130/QĐ-BYT ngày 18/01/2023 của Bộ Y tế.

- Hướng dẫn, đôn đốc các cơ sở y tế tăng cường các giải pháp nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, đảm bảo quyền lợi người bệnh có thẻ bảo hiểm y tế; cung cấp dữ liệu khám bệnh, chữa bệnh phục vụ tính toán quỹ định suất và theo nhóm chẩn đoán liên quan (DRG) lên hệ thống hỗ trợ ra quyết định phương thức chi trả của Bộ Y tế, thực hiện tốt việc công bố danh sách người hành nghề tại các cơ sở y tế công lập, ngoài công lập qua đó quản lý được thời gian hành nghề của người hành nghề.

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: chỉ tiêu giao 96,05%, thực hiện đạt 96,07% trong năm 2023.

- Hướng dẫn, đôn đốc các cơ sở y tế tăng cường các giải pháp nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, đảm bảo quyền lợi người bệnh có thẻ bảo hiểm y tế; sử dụng căn cước công dân gắn chip trong khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế và liên thông dữ liệu giấy chứng sinh, giấy báo tử, giấy khám sức khỏe lái xe trên Cổng tiếp nhận dữ liệu bảo hiểm y tế.

- Duy trì thực hiện việc cập nhật dữ liệu khám bệnh, chữa bệnh vào phần mềm quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử công dân; có khoảng 98% dân số toàn tỉnh được cập nhật thông tin cơ bản vào hồ sơ sức khỏe điện tử.

- Sở Y tế tiếp tục phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân và doanh nghiệp về chính sách, pháp luật bảo hiểm y tế, về quyền lợi và trách nhiệm khi tham gia bảo hiểm y tế; qua đó thực hiện tốt công tác phát triển người tham gia bảo hiểm y tế. Đồng thời chỉ đạo các đơn vị triển khai nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chất lượng khám chữa bệnh bảo hiểm y tế, đảm bảo quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế; tuân thủ đầy đủ các quy trình, quy định trong quản lý, thanh toán chi phí khám chữa bệnh

bảo hiểm y tế; kiểm soát hiệu quả chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế, phòng chống lạm dụng, trực lợi Quỹ khám chữa bệnh bảo hiểm y tế.

- Bên cạnh đó, Sở Y tế đã chỉ đạo các đơn vị đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải tiến quy trình khám bệnh, trong đó bước đầu tổ chức thực hiện việc liên thông, công nhận kết quả xét nghiệm giữa các phòng xét nghiệm y học trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh cung ứng các dịch vụ y tế cơ bản, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân tại tuyến y tế cơ sở; triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ và cải thiện các điều kiện phục vụ sinh hoạt của người bệnh; nâng cao trách nhiệm và phong cách, thái độ phục vụ của nhân viên y tế, đảm bảo vệ sinh môi trường, tạo dựng cảnh quan “xanh, sạch, đẹp” hướng tới sự hài lòng của người bệnh. Sở Y tế cũng quyết liệt chỉ đạo thực hiện số hoá bệnh án tại 100% các cơ sở KBCB công lập từ tuyến huyện trở lên

Tiếp tục duy trì hoạt động y tế từ xa tại Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện đa khoa khu vực Bông Sơn (qua kết nối mạng trực tiếp với các bệnh viện tuyến trên). Tiếp tục duy trì hoạt động y tế từ xa tại 30 trạm y tế trong toàn tỉnh theo hướng dẫn, hỗ trợ của Cục Quản lý khám chữa bệnh và tổ chức UNDP.

5. Tăng cường công tác tuyên truyền, thanh tra, kiểm tra, kiểm soát, quản lý chất lượng thuốc, các loại thực phẩm chức năng... đảm bảo theo quy định của pháp luật

- Sở Y tế tổ chức thanh tra việc chấp hành các quy định về quản lý giá thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người; thực hiện Nguyên tắc “Thực hành tốt phân phối thuốc” (theo Quyết định số 2585/QĐ-SYT ngày 23/6/2023 của Sở Y tế).

+ Số cơ sở được thanh tra: 04 cơ sở

+ Số cơ sở vi phạm : 01 cơ sở

+ Hành vi vi phạm: Bán buôn thuốc với giá bán thuốc cao hơn so với giá đã được kê khai, kê khai lại đang có hiệu lực theo quy định của pháp luật, đối với thuốc có giá bán tính trên đơn vị đóng gói nhỏ nhất từ trên 5.000 đồng đến 100.000 đồng.

+ Tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính: 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng chẵn).

+ Tổng số tiền vi phạm, kiến nghị thu hồi về ngân sách nhà nước: 249.109 đồng (Hai trăm bốn mươi chín nghìn một trăm lẻ chín đồng).

- Ban hành Quyết định số 90/QĐ-SYT ngày 09/01/2023 của Sở Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch lấy mẫu, kiểm tra, giám sát chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc và mỹ phẩm năm 2023, Sở Y tế đã chỉ đạo Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm thực phẩm tỉnh đã tiến hành lấy mẫu, kiểm tra, giám sát chất lượng

thuốc, nguyên liệu làm thuốc và mỹ phẩm từ ngày 14/7/2023 đến ngày 31/12/2023 tại 145 cơ sở.

- + Số mẫu lấy: 155 mẫu.
- + Tổng số mẫu kiểm nghiệm: 233 mẫu.
- + Số mẫu đạt chất lượng: 232 mẫu.
- + Số mẫu không đạt chất lượng: 01 mẫu.

- Sở Y tế đã chỉ đạo Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm thực phẩm tỉnh ban hành Công văn số 413/CV-TTKN ngày 16/8/2023 về việc báo cáo mẫu thuốc không đạt yêu cầu chất lượng gửi Cục quản lý Dược, Bộ Y tế để xử lý theo thẩm quyền.

B. NGHỊ QUYẾT SỐ 42/NQ-HĐND NGÀY 14/07/2023 CỦA HĐND TỈNH VỀ KẾT QUẢ GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ VỀ TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CƠ CẤU LẠI NGÀNH NÔNG NGHIỆP TỈNH BÌNH ĐỊNH GIAI ĐOẠN 2021 – 2025.

I. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch năm 2023

Trong năm 2023, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp các Sở, ngành và địa phương chủ động, linh hoạt trong điều hành sản xuất nông nghiệp của tỉnh nên sản xuất nông nghiệp đạt kết quả toàn diện trên tất cả các lĩnh vực.

1. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu

- Tổng sản phẩm địa phương (GRDP) nông, lâm, thủy sản (theo giá so sánh năm 2010) ước tăng 3,17% (kế hoạch tăng từ 3,0-3,2%); trong đó, nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp) tăng 4,19%, lâm nghiệp tăng 0,82%, thủy sản tăng 2,15%.

- Tỷ lệ che phủ rừng ước đạt 57,3%; đạt 100% kế hoạch.

- Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh duy trì 100%; trong đó, tỷ lệ sử dụng nước sạch đạt 34,1%, đạt 103,3% kế hoạch.

- Đến nay, có 90/113 xã đạt chuẩn nông thôn mới (tỷ lệ 79,6%); có 20/90 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (tỷ lệ 22,2%); có 01/90 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (tỷ lệ 1,1%); có 05 đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ nông thôn mới (tỷ lệ 45,45%).

2. Kết quả thực hiện

2.1. Về trồng trọt: Đã tập trung chỉ đạo hoàn thành kế hoạch sản xuất năm 2023, trong đó: Đẩy mạnh chuyển đổi diện tích đất lúa, mía, sản kém hiệu quả sang các cây trồng cận có giá trị kinh tế cao (Tổng diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng

đạt 6.825 ha, đạt 258% so kế hoạch năm; cụ thể, chuyển đổi trên đất lúa 4.538 ha¹, chuyển đổi trên đất trồng mía 65,4 ha², chuyển đổi trên đất trồng sắn 2.222 ha³. Trong đó, diện tích chuyển đổi mới là 539 ha⁴. Thực hiện chuyển đổi từ đất sản xuất 3 vụ lúa/năm sang 2 vụ lúa với diện tích 4.414 ha, đạt 298% kế hoạch năm, tăng 1.587 ha so với cùng kỳ); bố trí cơ cấu giống phù hợp; thực hiện tốt công tác điều tra, dự tính dự báo chính xác, kịp thời, hiệu quả, hạn chế thiệt hại do sâu bệnh gây ra.

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm đạt 154.274,6 ha, tăng 0,2% so với năm 2022. Tổng sản lượng lương thực cây có hạt đạt 693.157 tấn, đạt 101,2% kế hoạch, tăng 1,4% so với năm 2022, kết quả sản xuất các cây trồng chính như sau:

- Cây lúa: Diện tích gieo sạ 92.757 ha đạt 99,9% kế hoạch năm, giảm 1.746,9 ha so với cùng kỳ; năng suất bình quân 68,9 tạ/ha, tăng 2 tạ/ha so với cùng kỳ; tổng sản lượng lúa đạt 638.840,3 tấn, đạt 101,2% kế hoạch, tăng 1,1% so với cùng kỳ.

- Cây trồng cạn: *Cây ngô*: Diện tích gieo trồng 8.673,8 ha (tăng 545,8 ha so với cùng kỳ), năng suất 62,6 tạ/ha (giảm 0,6 tạ/ha so với cùng kỳ), sản lượng 54.316,7 tấn (tăng 5,7% so với cùng kỳ); *cây lạc*: Diện tích gieo trồng 10.988 ha (tăng 484,9 ha so cùng kỳ), năng suất 39,8 tạ/ha (tăng 2,5 tạ/ha so với cùng kỳ), sản lượng 43.683,3 tấn (tăng 11,5% so với cùng kỳ); *rau các loại*: Diện tích gieo trồng 16.486,4 ha (tăng 860,9 ha so cùng kỳ), năng suất 185,6 tạ/ha (tăng 3,1 tạ/ha so với cùng kỳ), sản lượng 306.036,3 tấn (tăng 7,3% so với cùng kỳ).

- Tổng diện tích cây lâu năm đạt 19.126 ha, giảm 2% (-397,8 ha) so cùng kỳ; trong đó, cây ăn quả đạt 5.561,2 ha, tăng 1% (+54,9 ha), cây công nghiệp đạt 12.707,2 ha, giảm 3,6% (-475,2 ha) so với cùng kỳ.

- Thực hiện 332 cánh đồng mẫu lớn, tăng 147 cánh đồng so với cùng kỳ năm 2022, tổng diện tích thực hiện 13.462 ha⁵; thực hiện duy trì 08 dự án cánh đồng lớn, dự án liên kết sản xuất lúa giống, với diện tích liên kết sản xuất giống lúa là 1.719 ha. Ngoài ra, các doanh nghiệp, HTX nông nghiệp liên kết sản xuất giống lúa với 42 cánh đồng liên kết, nâng diện tích sản xuất lúa giống cả tỉnh 3.179 ha,

¹ vụ Đông Xuân 1.076 ha, vụ Hè Thu 2.887 ha, vụ Mùa 575 ha; chuyển đổi sang các cây trồng như cây ngô 612 ha, cây lạc 1.431 ha, cây mè 503 ha, đậu đỗ 57 ha, rau màu 1.401 ha, cỏ chăn nuôi 534 ha.

² vụ Đông Xuân 48 ha, vụ Hè Thu 17 ha; cây trồng chuyển đổi là cây ngô 15 ha, cây lạc 25 ha, cây mè 2 ha, đậu đỗ 15 ha, rau màu 8 ha, cỏ chăn nuôi 1 ha.

³ vụ Đông Xuân 1.653 ha, vụ Hè Thu 503 ha, vụ Mùa 65 ha; chuyển đổi sang các cây trồng như: cây ngô 109 ha, cây lạc 1.594 ha, mè 317 ha, đậu đỗ 8 ha, rau màu 186 ha, cỏ chăn nuôi 8 ha.

⁴ Vụ Đông Xuân 292 ha, vụ Hè Thu 208 ha, vụ Mùa 39 ha; Cây trồng chuyển đổi mới như cây ngô 3 ha, cây lạc 290 ha, cây mè 2 ha, đậu đỗ 16 ha, rau màu 201 ha, cỏ chăn nuôi 27 ha.

⁵ Vụ Đông Xuân: 196 cánh đồng cây lúa với diện tích 7.397 ha, 8 cánh đồng cây lạc với diện tích 352 ha; vụ Hè Thu: 128 cánh đồng cây lúa với diện tích 5.713 ha, 4 cánh đồng cây lạc với diện tích 183 ha.

đã hình thành vùng sản xuất lúa giống tập trung ở huyện Tuy Phước, Phù Cát, thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn... duy trì và phát triển 08 vùng sản xuất rau đạt tiêu chuẩn VietGap với nhãn hiệu “*Lá lành*”, quy mô diện tích 106,4 ha có 1.260 hộ dân tham gia, kết nối tiêu thụ trong hệ thống siêu thị và các quầy bán rau an toàn, sản lượng liên kết tiêu thụ bình quân trên 25 tấn/tháng.

- Đã phối hợp với các đơn vị liên quan, các doanh nghiệp để khảo sát xúc tiến đầu tư, tiêu thụ nông sản như: Công ty CP Tập đoàn KIDO về chuỗi liên kết sản xuất lạc; Công ty Mega A khảo sát vùng trồng ớt; Công ty CP Xuất nhập khẩu thực phẩm Đồng Giao, Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng hữu cơ Việt Nam (Vinanutrifood) khảo sát vùng trồng rau, cây ăn quả... Kết quả đến nay, đã thành lập Công ty Vinanutrifood Bình Định dự kiến triển khai Dự án Nhà máy chế biến sâu Nông Thủy sản tại huyện Tây Sơn.

2.2. Về chăn nuôi: Trong năm 2023, nhờ chủ động triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tiêm phòng vaccine và phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm đã kiểm soát được dịch bệnh; giá lợn thịt, gà thịt duy trì ổn; số lượng đàn vật nuôi chủ lực và sản lượng thịt hơi xuất chuồng đều tăng so với năm 2022.

Số lượng đàn vật nuôi chủ lực ước tính đến cuối năm 2023, như sau: Đàn bò đạt 308.626 con, đạt 99,9% kế hoạch, tăng 1,1% so với cùng kỳ; đàn lợn đạt 686.236 con (*không tính lợn con theo mẹ*), đạt 95,2% kế hoạch, tăng 4,8% so với cùng kỳ; đàn gia cầm đạt 10.065 nghìn con, đạt 100,7% kế hoạch, tăng 5,3% so với cùng kỳ; trong đó, đàn gà đạt 8.485,6 nghìn con, tăng 8,2% so với cùng kỳ.

+ Sản lượng thịt hơi xuất chuồng: Thịt bò đạt 38.247,8 tấn, đạt 95,6% kế hoạch, tăng 4% so với cùng kỳ; thịt lợn đạt 137.663 tấn, đạt 99,8% kế hoạch, tăng 5,7% so với cùng kỳ; thịt gia cầm đạt 28.381,1 tấn, đạt 97,9% kế hoạch, tăng 5,4% so với cùng kỳ; trong đó, thịt gà đạt 24.190,8 tấn, tăng 11,6% so với cùng kỳ.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao trong nông hộ trên địa bàn tỉnh; tổng số bò thịt được phối giống là 98.310 con và tổng số bê lai sinh ra 110.300 con; tỷ lệ bò lai đạt 91%, trong đó đàn bò thịt chất lượng cao ước đạt 79.800 con, chiếm 25,5% tổng đàn. Từ đầu năm đến nay, đã có 08 hộ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận Bò thịt chất lượng cao Bình Định nâng tổng số hộ được cấp Giấy chứng nhận cho đến nay 145 hộ;

- Phát triển chăn nuôi lợn theo quy mô trang trại, ứng dụng công nghệ cao, đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm tạo vùng nguyên liệu phục vụ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; tổng đàn lợn trong các trang trại chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao ước đạt 79.830 con, đạt 80% kế hoạch;

- Tiếp tục ứng dụng công nghệ 4.0 phát triển chăn nuôi gà theo quy mô trang trại với công nghệ hiện đại, tiên tiến, tạo sản phẩm sạch, năng suất, chất lượng cao, đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm; tiếp tục duy trì các vùng chăn nuôi gia cầm trọng điểm ở các huyện, thị xã: Phù Cát, Tuy Phước, An Nhơn, Hoài Nhơn; khuyến khích người chăn nuôi sử dụng các giống gà của Công ty TNHH Giống gia cầm Minh Dư, Công ty TNHH Giống gia cầm Cao Khanh nhằm phát huy lợi thế của địa phương;

- Tiếp tục duy trì các chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm heo hơi của Công ty Chăn nuôi CP, Công ty Greenfeed, Công ty Austfeed, Công ty CJ... Duy trì hoạt động hiệu quả các nhà máy giết mổ động vật tập trung tại thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn; phối hợp với các đơn vị liên quan, các doanh nghiệp để khảo sát xúc tiến kêu gọi đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ động vật tập trung trên địa bàn tỉnh. Kết quả, UBND tỉnh đã phê duyệt chủ trương đầu tư cho Công ty TNHH San Hà đầu tư dự án Trung tâm giết mổ và chế biến thực phẩm tại huyện Phù Cát. Bên cạnh đó, Công ty TNHH Nông nghiệp quốc tế KHF đăng ký đầu tư 02 Dự án tại huyện Hoài Ân (Trung tâm giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm và Trại Chăn nuôi lợn xuất khẩu). Công ty TNHH Nông Trại Xanh đăng ký đầu tư Dự án trang trại chăn nuôi gà trứng theo mô hình công nghệ cao tại Khu chăn nuôi tập trung Nhơn Tân. Công ty TNHH Hà My đăng ký đầu tư Dự án gà trứng - hậu bị công nghệ cao tại huyện Tây Sơn.

2.3. Về thủy sản: Triển khai thực hiện hiệu quả các giải pháp cấp bách về chống khai thác thủy sản bất hợp pháp (IUU) và các chính sách hỗ trợ ngư dân khai thác xa bờ; tình hình thời tiết tương đối thuận lợi cho hoạt động khai thác thủy sản. Sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản đều tăng so với cùng kỳ 2022;

a) *Về khai thác thủy sản:* Trong năm 2023, toàn tỉnh có 5.326 tàu, trong đó có khoảng trên 5.200 tàu cá/44.889 lao động thường xuyên tham gia hoạt động khai thác; trong đó, khai thác gần bờ 2.000 tàu, khai thác xa bờ có khoảng 3.200 tàu. Sản lượng khai thác thủy sản biển đạt 273.193,1 tấn, đạt 99,3% kế hoạch, tăng 3,2% so với cùng kỳ.

- Có sự chuyển dịch cơ cấu tàu thuyền từ khai thác gần bờ, truyền thống chuyển sang khai thác thủy sản xa bờ đem lại hiệu quả rất tích cực; thu nhập của lao động đánh bắt hải sản xa bờ ngày càng tăng, đời sống kinh tế của ngư dân càng ổn định và phát triển, góp phần đảm bảo an ninh quốc phòng, bảo vệ chủ quyền biển đảo;

- Về trang thiết bị trên tàu: Đối với tàu cá hoạt động xa bờ, 100% tàu có các trang thiết bị hàng hải và thông tin liên lạc, trang bị thiết bị giám sát hành trình, Hiện tại, tất cả các tàu hoạt động nghề lưới vây khai thác ở vùng khơi đều sử dụng

máy dò cá, máy thu lưới, tời thu lưới hoạt động khai thác rất có hiệu quả, giúp chủ tàu cá giảm được công sức của người lao động;

- Công nghệ khai thác, bảo quản sản phẩm sau khai thác: Ngư dân đã mạnh dạn ứng dụng khoa học kỹ thuật trong khai thác, bảo quản để nâng chất lượng thủy sản sau khai thác như: Sử dụng bộ thiết bị xử lý cá, bể hạ nhiệt, hầm bảo quản sản phẩm bằng vật liệu PU, ứng dụng công nghệ nano để bảo quản sản phẩm thủy sản hoặc lắp các thiết bị hệ thống máy lạnh và các loại máy làm đá sệt, đá vảy trên tàu đối với các tàu các khai thác xa bờ nên đã giảm tổn thất sau thu hoạch xuống còn 15% giá trị;

- Hạ tầng và dịch vụ nghề cá được đầu tư xây dựng: Hiện nay toàn tỉnh có 8 cơ sở đóng, sửa tàu cá, có khả năng đóng tàu có công suất lớn trên 600 CV, kích cỡ từ 25-30 m, với số lượng tàu đóng mới khoảng 150 tàu/năm. Có 03 cảng cá chỉ định để xác nhận nguồn gốc thủy sản theo Quyết định của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

b) *Về nuôi trồng thủy sản*: Diện tích nuôi trồng thủy sản toàn tỉnh khoảng 4.544 ha tăng 15,4% so với cùng kỳ. Trong đó, nuôi trồng thủy sản nước ngọt (*cá nước ngọt*) khoảng 2.260 ha, thể tích nuôi cá lồng trên hồ chứa đến nay là 593 lồng/31.980 m³; nuôi trồng thủy sản nước mặn với tổng thể tích là 50.902 m³ với 1.762 lồng; nuôi trồng thủy sản nước lợ (*tôm nước lợ*) khoảng 2.284 ha, tăng 4,6% so với cùng kỳ. Diện tích nuôi tôm ứng dụng CNC là 110 ha. Sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 13.406,9 tấn, đạt 89,4% kế hoạch, tăng 1,3% so với cùng kỳ, trong đó sản lượng tôm nước lợ 9.538,9 tấn, đạt 90,8% kế hoạch, tăng 5,6% so với cùng kỳ (*sản lượng nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao ước đạt 3.800 tấn*).

- Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng hiệu quả, bền vững; đa dạng hóa đối tượng và phương thức nuôi; tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi: tổ chức lại các hộ nuôi trồng thủy sản theo hình thức hợp tác, hình thành từng vùng nuôi tập trung có nội quy, quy chế quản lý cộng đồng nhằm tăng cường sự hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất, phòng trừ dịch bệnh, làm tiền đề cho việc chuyển từ sản xuất hộ gia đình riêng lẻ sang mô hình sản xuất hợp tác⁶. Quy hoạch Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ; triển khai 02 dự án sản xuất nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao tại các xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ với quy mô 116,34 ha và tại xã Cát Thành-Cát Hải, huyện Phù Cát với quy mô 48 ha⁷.

⁶ Đã thành lập được 06 Ban quản lý vùng nuôi tại các huyện Tuy Phước, Phù Mỹ và thị xã Hoài Nhơn để tổ chức sản xuất nuôi tôm nước lợ mang tính đồng bộ cao và an toàn sinh học.

⁷ Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định với diện tích 375ha tại Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 10/01/2022. Công ty TNHH Việt – Úc Phù Mỹ thuộc tập đoàn Việt Úc, đã triển khai thực hiện dự án khu nuôi tôm thương phẩm công nghệ cao tại xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ với diện tích 116,34 ha, năm 2023 sản xuất được khoảng 1.000 tấn; Công

c) *Về chế biến, tiêu thụ sản phẩm thủy sản*: Toàn tỉnh hiện có hơn 300 cơ sở sản xuất chế biến kinh doanh thủy sản nội địa vừa và nhỏ và có 06 Công ty chế biến thủy sản công nghiệp với tổng công suất khoảng 19.500 tấn/năm. Các sản phẩm chế biến chủ yếu là tôm nuôi, các loại cá biển đông lạnh phục vụ xuất khẩu. Từ đầu năm 2023 đến nay, xuất khẩu thủy sản của Bình Định duy trì được tốc độ tăng trưởng về cả sản lượng sản phẩm chế biến lẫn kim ngạch xuất khẩu.

2.4. Về lâm nghiệp: Công tác bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng, phát triển trồng rừng sản xuất cây gỗ lớn, nâng cao năng suất và chất lượng rừng trồng được tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện hiệu quả. Trồng rừng tập trung đạt 8.780 ha, đạt 100% kế hoạch; sản xuất cây giống lâm nghiệp đạt 200 triệu cây, đạt 100% kế hoạch; sản lượng gỗ khai thác đạt 1.633.890 m³, đạt 149,8% kế hoạch, tăng 1,0% so với cùng kỳ. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 57,3%; đạt 100% kế hoạch năm.

- Đến hết năm 2023, diện tích trồng rừng gỗ lớn trên địa bàn tỉnh là 9.882 ha, trong đó: Trồng mới: 448,30 ha; chuyên hóa: 6.448,12 ha; trồng lại: 2.985,58 ha⁸. Diện tích rừng trồng được cấp chứng chỉ FSC là 13.330,98 ha, trong đó: Rừng tự nhiên 1.450,0 ha, diện tích khoanh nuôi tái sinh (khu vực bảo vệ ven suối) 217,0 ha, diện tích rừng trồng 11.663,98 ha⁹.

- Nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng: Trên địa bàn tỉnh hiện nay không còn trồng rừng theo hình thức quảng canh mà đã chuyển sang trồng rừng thâm canh nên chất lượng và năng suất rừng trồng ngày càng được nâng cao. Năng suất rừng trồng bình quân năm 2020 là 20 m³/ha/năm, đến nay là 22 m³/ha/năm; đối với rừng trồng sản xuất cây gỗ lớn, năng suất bình quân đạt tới 25 m³/ha/năm. Chất lượng cây giống phục vụ trồng rừng của tỉnh được kiểm soát nguồn gốc giống thông qua việc thẩm định, công nhận nguồn giống đối với giống cây trồng lâm nghiệp chính, như: Phi lao, Sao đen, Lim xanh, Thông Caribê, Keo lá tràm, Bạch đàn và Keo lai. Trên địa bàn tỉnh đã có 03 đơn vị đang ứng dụng công nghệ sinh học để sản xuất cây nuôi cấy mô trong sản xuất cây giống lâm nghiệp, công suất

ty TNHH Thành Ly đang triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng dự án, đã đi vào sản xuất thương mại năng suất 35 tấn/ha/vụ.

⁸ Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh: 1.917,0 ha; Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn: 838,0 ha; Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn: 517,0 ha; Xí Nghiệp LN PISICO: 182,0 ha; Trung tâm khuyến nông: 150,0 ha; Công ty Cổ phần năng lượng sinh học Phú Tài: 6.278,0 ha.

⁹ Trong đó: Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh: 2.780,55 ha (khoanh nuôi tái sinh 217,0 ha; rừng trồng 2.563,55 ha); Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn: 4.064,93 ha (rừng tự nhiên 1.450,0 ha; rừng trồng 2.614,93ha); Công ty Cổ phần năng lượng sinh học Phú Tài: 5.493,0 ha rừng trồng; Công ty TNHH Năng lượng sinh học Tín Nhân: 992,5 ha rừng trồng.

sản xuất khoảng 32 triệu cây giống/năm¹⁰, năm 2023 đã sản xuất được 10.113.331 cây mô các loại (Keo lai mô, Bạch đàn mô, Keo lá tràm mô).

2.5. Về Kế hoạch triển khai Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Triển khai Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 36/5/2022 của UBND tỉnh về Ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Bình Định. Đến cuối năm 2023, duy trì 100% hộ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; trong đó, tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn (từ công trình cấp nước tập trung) đạt 34,1%, đạt 103,3% kế hoạch năm, tăng 10% so với năm 2022.

2.6. Về phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới

a) Về phát triển nông thôn

Đã hỗ trợ thành lập mới được 03 HTX¹¹, đạt 100% so với kế hoạch; giải thể 04 HTX¹²; phát triển thêm 02 HTX ứng dụng công nghệ cao¹³, đạt 100% so với kế hoạch, nâng tổng số HTX ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh là 21 HTX; tham mưu trình UBND tỉnh công nhận 02 Làng nghề⁽¹⁴⁾. Đến 31/12/2023, toàn tỉnh có 185 HTX đang hoạt động (gồm: 73 HTX trồng trọt, 07 HTX chăn nuôi, 04 HTX thủy sản, 01 HTX lâm nghiệp, 100 HTX tổng hợp) với tổng số thành viên HTX khoảng 184.669 thành viên; tổng số lao động thường xuyên làm việc trong HTX khoảng 1.433 người. Có 57 HTX (chiếm 30%) thực hiện liên kết và tiêu thụ nông sản cho thành viên dưới hai hình thức: HTX tự tiêu thụ hoặc liên kết với doanh nghiệp (khoảng 15 doanh nghiệp) tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm (các sản phẩm lúa giống, lúa thương phẩm, lạc, ngô non và rau an toàn); có 40 sản phẩm của 21 HTX được công nhận OCOP 3-4 sao. Có 42 làng nghề đang hoạt động (trong đó, có 17 làng nghề được công nhận đạt tiêu chí theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ) với khoảng 5.247 hộ tham gia sản xuất, giải quyết việc làm cho hơn 10.000 lao động tại địa phương.

b) Về xây dựng nông thôn mới:

¹⁰ Bao gồm: 01 đơn vị nhà nước là Công ty TNHH lâm nghiệp Quy Nhơn và 02 đơn vị tư nhân là Công ty TNHH Vũ Hà và Doanh nghiệp Tư nhân dịch vụ cây trồng Nguyên Hạnh.

¹¹ HTX dịch vụ hoa cây kiểng Bình Lâm, huyện Tuy Phước; HTX Dịch vụ nông lâm nghiệp tổng hợp An Dũng, huyện An Lão và HTX nông nghiệp Hưng Phát, huyện Phù Mỹ.

¹² HTX nông nghiệp thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước; HTX Dầu tằm tơ Hưng Thịnh, huyện Hoài Ân; HTX nông nghiệp Hòa Lạc, huyện Tây Sơn; HTX Sản xuất bánh và bún Thương mại thực phẩm An Thái, thị xã An Nhơn.

¹³ Gồm: HTX nông nghiệp Ân Tường 1 và HTX nông nghiệp Ân Tường 2 (sản xuất lúa hữu cơ 2ha/HTX) của xã Ân Tường Tây, huyện Hoài Ân.

⁽¹⁴⁾ Gồm: Làng nghề tiện gỗ mỹ nghệ thôn Bắc Nhạn Tháp, xã Nhơn Hậu và Làng nghề bún – bánh An Thái, xã Nhơn Phúc, thị xã An Nhơn

- Đã trình UBND tỉnh công nhận 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới; 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023. Đến hết quý II/2024, có 91/113 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt tỷ lệ 80,5%; có 23/91 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt tỷ lệ 25,2% và 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; hiện đang hoàn thiện hồ sơ và trình công nhận 02 huyện Tây Sơn và Phù Mỹ đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023.

- Thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP): Trong năm 2023, công nhận/đánh giá lại 161 sản phẩm OCOP, trong đó: 152 sản phẩm hạng 3 sao; 09 sản phẩm hạng 4 sao. Đến cuối năm 2023, toàn tỉnh có 361 sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP, trong đó: 316 sản phẩm đạt hạng OCOP 3 sao (chiếm tỷ lệ 87,53%) và 45 sản phẩm đạt hạng OCOP 4 sao (chiếm tỷ lệ 12,47%)..

II. Về tình hình triển khai các nhiệm vụ theo yêu cầu tại điều 2 của nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh

1. Công tác tổ chức triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh

UBND tỉnh đã chỉ đạo tại Văn bản số 5798/UBND-KT ngày 15/8/2023 về việc triển khai Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 14/07/2023 của HĐND tỉnh về kết quả giám sát chuyên đề về tình hình và kết quả triển khai thực hiện kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025; Sở Nông nghiệp và PTNT đã có Văn bản số 2731/SNN-KHTH ngày 22/8/2023 gửi các Sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố về việc phối hợp triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 14/07/2023 của HĐND tỉnh; đồng thời chỉ đạo các đơn vị, phòng chuyên môn thuộc Sở căn cứ các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã được đề ra tại Quyết định số 4547/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 – 2025; các nội dung tại Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện; tham mưu, đề xuất UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo sản xuất, triển khai thực hiện các nội dung có liên quan, đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc giám sát, tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

Báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh về Kết quả tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 14/07/2023 của HĐND tỉnh về kết quả giám sát chuyên đề về tình hình và kết quả triển khai thực hiện kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 – 2025 tại Báo cáo số 353/BC-SNN ngày 24/11/2023.

2. Về xem xét rà soát, giao chỉ tiêu cụ thể đối với các địa phương trong việc thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp của tỉnh

Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp các huyện, thị xã, thành phố rà soát, xây dựng và trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 4346/QĐ-UBND ngày 23/11/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung và giao một số chỉ tiêu chủ yếu thuộc Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 4547/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh để làm cơ sở cho các địa phương triển khai thực hiện đạt hiệu quả.

3. Công tác phối hợp với các địa phương, các ngành xác định sản phẩm đặc trưng và xây dựng kế hoạch phát triển thị trường tiêu thụ một số sản phẩm đặc trưng của tỉnh

Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với Sở Công Thương và các địa phương rà soát, xác định sản phẩm đặc trưng để quy hoạch vùng sản xuất tập trung theo thế mạnh của địa phương, xác định các cây trồng, vật nuôi chủ lực, có lợi thế, ở những nơi có điều kiện về lập địa, nguồn nước, khả năng đầu tư thâm canh của người dân... để xây dựng và triển khai Phương án tiêu thụ nông sản và mở rộng thị trường xuất khẩu sản phẩm nông sản của tỉnh.

a) Về trồng trọt

- Xây dựng vùng trồng tập trung gắn với cấp mã số vùng trồng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc đối với: (i) *Cây ớt*: Diện tích 332 ha (huyện Phù Cát 105 ha; huyện Tây Sơn 97 ha; huyện Phù Mỹ 83 ha, Vĩnh Thạnh 47 ha); (ii) *Dưa hấu*: Diện tích 86 ha (Phù Cát 35 ha; Tây Sơn 30 ha, Vĩnh Thạnh 16 ha, Hoài Ân 5 ha); duy trì vùng trồng dưa hấu đã được cấp mã số ở xã Hoài Châu Bắc, thị xã Hoài Nhơn diện tích 38 ha.

- Thực hiện thí điểm xuất khẩu cây ăn quả đối với diện tích đã được chứng nhận hữu cơ, VietGAP như: (i) *Bưởi da xanh*: Vùng trồng tập trung khoảng 60 ha ở xã Ân Tường Đông, Ân Tường Tây, Ân Hữu, Ân Hảo Tây, Ân Tín, huyện Hoài Ân, trong đó diện tích đã được chứng nhận VietGAP là 42,4 ha; chứng nhận hữu cơ là 2,4 ha; (ii) *Xoài*: Vùng trồng tập trung khoảng ở huyện Phù Cát 130 ha (xã Cát Hanh 100 ha, Cát Lâm 20 ha, Cát Hiệp 10 ha); diện tích xoài đã chứng nhận VietGAP là 40 ha ở huyện Phù Cát. Thực hiện thí điểm xuất khẩu xoài đối với diện tích đã được chứng nhận VietGAP ở huyện Phù Cát.

- Mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước đối với các nông sản như: Lúa, ngô, lạc, rau các loại, cây ăn quả... trên cơ sở các vùng trồng tập trung; từng bước “chuẩn hóa” các nông sản phục vụ nhu cầu trong nước. Đối với các loại nông sản dự kiến xuất khẩu với sản lượng không lớn, chủ yếu tập trung tiêu thụ thị trường trong nước, cụ thể như sau:

+ *Lúa*: Vùng sản xuất tập trung: Lúa chế biến với diện tích 78.530 ha, ở các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh; Lúa chất lượng cao với diện tích 10.000

ha, tập trung ở thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn, huyện Tuy Phước, Tây Sơn, Hoài Ân, Phù Mỹ; Lúa giống với diện tích 4.300 ha, tập trung ở các huyện Tuy Phước, thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn.

+ *Ngô*: Vùng sản xuất tập trung: Ngô hạt với diện tích 7.705 ha, tập trung ở huyện, thị xã: Phù Mỹ, Hoài Nhơn, Hoài Ân, An Nhơn, Phù Cát, Tây Sơn; Ngô nếp với diện tích 422 ha, tập trung ở các huyện Hoài Ân, Tây Sơn, Tuy Phước, thị xã An Nhơn; Ngô sinh khối với diện tích 160 ha, tập trung ở thị xã An Nhơn, huyện Vĩnh Thạnh, Tây Sơn.

+ *Lạc*: Vùng sản xuất tập trung: Lạc nguyên liệu (khô) với diện tích 10.595 ha, tập trung ở các huyện Phù Cát, Phù Mỹ, Tây Sơn; Lạc tươi với diện tích 325 ha, ở huyện Phù Cát.

+ *Rau các loại*: Vùng sản xuất tập trung ở các huyện: Phù Mỹ (4.400 ha), Phù Cát (2.300 ha), Tuy Phước (2.150 ha).

+ *Cây ăn quả*: Thực hiện “chuẩn hóa” đối với diện tích bưởi, xoài, dứa xiêm có tuổi cây từ 5 năm trở lên, có năng suất, sản lượng ổn định để xây dựng kế hoạch chứng nhận hữu cơ, VietGAP; cấp mã số vùng trồng cho diện tích cây ăn quả đã chứng nhận VietGAP, hữu cơ trên địa bàn tỉnh; thực hiện truy xuất nguồn gốc (mã QR) và đề nghị công nhận sản phẩm OCOP cho các sản phẩm cây ăn quả (bưởi, dứa xiêm).

b) *Về chăn nuôi*: Định hướng của tỉnh là tập trung phát triển 03 loại vật nuôi chủ lực là bò, lợn và gà.

- *Đối với chăn nuôi bò*: Tiếp tục phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao trong nông hộ gắn với phát huy nhãn hiệu “*Bò thịt chất lượng cao Bình Định*”. Duy trì các vùng chăn nuôi có tổng đàn bò lớn ở các địa phương như: Phù Mỹ, Phù Cát, Tây Sơn, An Nhơn, Hoài Nhơn, khuyến khích phát triển bò thịt chất lượng cao tại các huyện miền núi. Xúc tiến kêu gọi doanh nghiệp đầu tư phát triển chăn nuôi bò thịt tại các huyện trung du, miền núi nơi có điều kiện về đất đai, đồng cỏ; đồng thời, thực hiện liên kết bao tiêu sản phẩm bò thịt chất lượng cao cho người chăn nuôi gắn với hoạt động các Hợp tác xã chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

- *Đối với chăn nuôi lợn*: Tiếp tục duy trì các vùng chăn nuôi lợn trọng điểm ở Hoài Ân, Hoài Nhơn, Phù Cát, An Nhơn, Tây Sơn cung ứng thịt lợn cho thị trường Đà Nẵng và các tỉnh lân cận; phát triển chăn nuôi theo quy mô trang trại, ứng dụng công nghệ cao, đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm tạo vùng nguyên liệu phục vụ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Tiếp tục được phát huy các chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm lợn hơi của Công ty Chăn nuôi CP, Công ty Greenfeed, Công ty Austfeed, Công ty CJ.... Duy trì hoạt động hiệu quả các nhà máy giết mổ động vật tập trung tại thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn,

đồng thời xúc tiến kêu gọi đầu tư xây dựng nhà máy giết mổ, chế biến sản phẩm chăn nuôi trên các địa bàn còn lại. Phối hợp Học viện Nông nghiệp Việt Nam xây dựng chuỗi sản xuất – tiêu thụ thịt lợn ở thị trường trong và ngoài tỉnh.

- *Đối với chăn nuôi gà:* Tiếp tục ứng dụng công nghệ 4.0 phát triển chăn nuôi trang trại với công nghệ hiện đại, tiên tiến, tạo sản phẩm sạch, năng suất, chất lượng cao, đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm; tiếp tục duy trì các vùng chăn nuôi gia cầm trọng điểm ở các huyện, thị xã: Phù Cát, Tuy Phước, An Nhơn, Hoài Nhơn cung cấp cho thị trường Đà Nẵng, Gia Lai, Kon Tum, Phú Yên; khuyến khích phát triển các giống gà của Công ty TNHH Giống gia cầm Minh Dư, Công ty TNHH Giống gia cầm Cao Khanh. Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện, phát triển nhãn hiệu “Gà Minh Dư” mang tầm quốc tế trong thời gian đến. Phát triển chăn nuôi gà thả đồi trên địa bàn các huyện Hoài Ân, Tây Sơn, Vân Canh, An Lão, Vĩnh Thạnh; tập trung phát triển tại 2 huyện Tây Sơn và Hoài Ân với tổng đàn 100.000 con số lượng xuất chuồng 200.000 con; xây dựng chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ gà thả đồi; tiến tới xây dựng nhãn hiệu “Gà thả đồi Bình Định” vào năm 2025.

c) Về thủy sản

- Xây dựng kế hoạch phát triển tàu cá khai thác hải sản ở vùng biển khơi theo nhóm nghề, đối tượng khai thác dựa trên quy hoạch khai thác hải sản xa bờ. Trọng tâm là phát triển bộ nghề chủ lực của tỉnh gồm các nghề câu cá ngừ đại dương, câu mực, vây ngà, vây ánh sáng và lưới rê khai thác các đối tượng cá nổi có giá trị kinh tế và xuất khẩu như cá ngừ, cá thu, các loại mực.... Tổ chức lại dịch vụ hậu cần nghề cá phục vụ khai thác hải sản, cải tạo nâng cấp các cảng cá đáp ứng yêu cầu về môi trường, an toàn thực phẩm; phát triển các mô hình liên kết, liên doanh, gắn sản xuất với bảo quản để chế biến và tiêu thụ.

- Khuyến khích các doanh nghiệp xuất khẩu xây dựng các chuỗi liên kết sản xuất từ khai thác, thu mua, chế biến tiêu thụ sản phẩm cá ngừ đại dương để nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng thu nhập cho ngư dân; tạo nguồn nguyên liệu ổn định, đáp ứng yêu cầu về chất lượng cho Nhà máy chế biến thủy sản để đạt được các mục tiêu về kinh tế, xã hội, môi trường và phát triển bền vững.

- Phát triển Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ thành Vùng Nông nghiệp công nghệ cao của khu vực miền Trung; tiếp tục tạo điều kiện để các công ty đẩy mạnh sản xuất nuôi tôm thương phẩm ứng dụng công nghệ cao như: Công ty TNHH Thành Ly, Công ty TNHH Việt Úc - Phù Mỹ.

- Xây dựng vùng nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh, ứng dụng công nghệ cao Biofloc, semibiofloc,...; tổ chức triển khai áp dụng kết quả đề tài nuôi tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei*) thương phẩm bán thâm canh - thâm canh ứng dụng công nghệ Semi-BioFloc theo hướng phát triển bền vững tại Bình Định;

hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật, khuyến khích đầu tư chuyển đổi từ hình thức nuôi tôm thâm canh/bán thâm canh đủ điều kiện sang nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao.

Khuyến khích đầu tư chuyển đổi từ hình thức nuôi trồng thủy sản quảng canh, quảng canh cải tiến và nuôi trồng thủy sản ở các vùng nuôi kém hiệu quả sang nuôi nhuyển thể có giá trị kinh tế cao, đặc biệt là sản phẩm ốc hương. Hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật nuôi đạt hiệu quả, bền vững môi trường.

d) Về lâm nghiệp

- Tiếp tục triển khai Đề án phát triển cây gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2035. Đẩy mạnh nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả rừng trồng bằng biện pháp thâm canh rừng trồng sản xuất, sử dụng cây giống nuôi cây mô, cây giống lâm nghiệp mới, chất lượng cao phục vụ trồng rừng cây gỗ lớn;

- Nâng cao năng lực, đổi mới công nghệ sản xuất đối với các cơ sở sản xuất giống cây lâm nghiệp của tỉnh; trong đó, đẩy mạnh phát triển sản xuất giống cây lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao, giống cây nuôi cây mô nhằm cung cấp các loại giống có chất lượng, chống chịu với sâu, bệnh hại và thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Kêu gọi các doanh nghiệp chế biến gỗ liên doanh, liên kết đầu tư trồng rừng để chủ động nguồn nguyên liệu, xây dựng mô hình tổ chức sản xuất lâm nghiệp theo hình thức liên kết, hợp tác chặt chẽ giữa các doanh nghiệp sản xuất, chế biến với các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức trồng rừng để phát triển vùng nguyên liệu gỗ có chất lượng, năng suất ổn định, đáp ứng nhu cầu cho chế biến và xuất khẩu.

4. Tổ chức rà soát, đánh giá kết quả thực hiện một số cơ chế, chính sách của tỉnh đã ban hành trong lĩnh vực nông nghiệp

Trong năm 2023, thực hiện Văn bản số 62/TT-HĐND ngày 27/4/2023 của Thường trực HĐND tỉnh về việc kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện một số Nghị quyết HĐND tỉnh về cơ chế, chính sách trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn. Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với các Sở, ngành liên quan và các địa phương tổ chức rà soát, đánh giá kết quả thực hiện một số cơ chế, chính sách của tỉnh đã ban hành trong lĩnh vực nông nghiệp báo cáo Thường trực HĐND tỉnh tại Văn bản số 1588/SNN-KHTH ngày 24/5/2023. Qua rà soát, nhìn chung các cơ chế chính sách phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và PTNT bước đầu đã triển khai thực hiện đạt hiệu quả góp phần vào tăng trưởng của ngành, đóng góp vào sự phát triển kinh tế-xã hội của địa phương.

Trong năm 2024, thực hiện Văn bản số 3521/UBND-KT ngày 13/5/2024 của UBND tỉnh về việc các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa

bản tỉnh và Kết luận số 03/KL-TTHĐND ngày 26/4/2024 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII, nhiệm kỳ 2021-2026 tại phiên họp thứ 9 (ngày 25/4/2024) về công tác triển khai các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp từ năm 2021 đến nay trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, Sở Nông nghiệp và PTNT đang phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan tiến hành rà soát, báo cáo sơ kết đánh giá hiệu quả của từng Nghị quyết về cơ chế chính sách thuộc lĩnh vực phụ trách (gắn với mục tiêu 5 năm tới); trên cơ sở đó đề xuất tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh điều chỉnh bổ sung, sửa đổi hoặc bãi bỏ các chính sách đã ban hành cho phù hợp.

5. Tiếp tục quan tâm có giải pháp phù hợp để tăng trưởng giá trị gia tăng ngành nông nghiệp; tập trung hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tàu tạo liên kết chặt chẽ, hình thành chuỗi giá trị, vùng sản xuất tập trung; đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường nông sản

Tăng cường phối hợp với các địa phương triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới và Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp của tỉnh giai đoạn 2021-2025. Trong đó, tập trung rà soát, bổ sung và triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn của tỉnh đã được ban hành. Tập trung xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi hàng năm. Tiếp tục theo dõi, hỗ trợ, tạo điều kiện; đồng thời xúc tiến kêu gọi, thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; cụ thể:

- Về trồng trọt

+ Triển khai có hiệu quả cánh đồng mẫu lớn, tạo ra các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung và tổ chức sản xuất theo chuỗi; tiếp tục xây dựng và phát triển các chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm (*Lúa giống, lạc, rau an toàn, các sản phẩm từ dứa, bưởi da xanh, ngô sinh khối...*); phát triển mở rộng vùng sản xuất rau đạt tiêu chuẩn VietGap, sản xuất rau an toàn gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm rau an toàn tại siêu thị; xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất tiên tiến, mô hình sản xuất trồng trọt ứng dụng công nghệ cao; triển khai hiệu quả Đề án phát triển cây trồng chủ lực và cây ăn quả trên địa bàn tỉnh;

+ Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, sử dụng giống năng suất và chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, ứng dụng cơ giới hóa, thực hiện các quy trình kỹ thuật tiên tiến, biện pháp thâm canh bền vững; giảm sử dụng các loại phân bón vô cơ, hóa chất bảo vệ thực vật; giám sát, dự báo và thực hiện tốt các biện pháp phòng chống sâu bệnh.

- Về chăn nuôi

+ Tập trung phát triển 3 loại vật nuôi chủ lực của tỉnh là bò thịt, lợn, gia cầm (gà); đẩy mạnh phát triển chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, chăn nuôi sạch, chăn nuôi hữu cơ, chăn nuôi thân thiện với môi trường, gắn với các dự án chế biến gia súc, gia cầm nhằm nâng cao giá trị sản xuất ngành chăn nuôi. Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tiêm phòng và kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật năm 2024; kiểm soát chặt chẽ việc mua bán, vận chuyển, giết mổ gia súc, gia cầm;

+ Xây dựng Kế hoạch phát triển khu chăn nuôi tập trung Nhơn Tân thành Vùng chăn nuôi công nghệ cao của tỉnh và Kế hoạch phát triển chăn nuôi trang trại tập trung theo hướng an toàn sinh học, ứng dụng công nghệ cao gắn với bảo vệ môi trường.

- Về lâm nghiệp

+ Tiếp tục triển khai Đề án phát triển cây gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2035. Đẩy mạnh nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả rừng trồng bằng biện pháp thâm canh rừng trồng sản xuất, sử dụng cây giống nuôi cấy mô, cây giống lâm nghiệp mới, chất lượng cao phục vụ trồng rừng cây gỗ lớn;

+ Nâng cao năng lực, đổi mới công nghệ sản xuất đối với các cơ sở sản xuất giống cây lâm nghiệp của tỉnh; trong đó, đẩy mạnh phát triển sản xuất giống cây lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao, giống cây nuôi cấy mô nhằm cung cấp các loại giống có chất lượng, chống chịu với sâu, bệnh hại và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Về thủy sản

+ Duy trì thực hiện tốt công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; xây dựng và triển khai thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi một số nghề khai thác hải sản ảnh hưởng đến nguồn lợi và môi trường sinh thái trên địa bàn tỉnh Bình Định để từng bước cân bằng lại cường lực khai thác phù hợp với khả năng phục hồi tái tạo của nguồn lợi thủy sản;

+ Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động nuôi trồng thủy sản, hướng dẫn thực hiện tốt công tác chăm sóc quản lý ao nuôi, bảo vệ môi trường nuôi, phòng ngừa dịch bệnh; triển khai Kế hoạch chuyển đổi diện tích nuôi tôm thâm canh/bán thâm canh sang nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao; chuyển đổi diện tích nuôi trồng thủy sản kém hiệu quả sang nuôi nhuyễn thể có giá trị kinh tế cao;

+ Phối hợp các tổ chức, doanh nghiệp tham gia đầu tư vào Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành triển khai đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng nuôi tập trung thâm canh – bán thâm canh, tạo điều kiện để ứng dụng công nghệ cao trong quá trình sản xuất.

- Tiếp tục triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất và xúc tiến thương mại sản phẩm nông sản; tổ chức triển khai các cơ chế, chính sách và hoạt động thúc đẩy tiêu thụ nông sản; hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp tham gia chuỗi cung ứng thương mại điện tử;

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Phương án Hỗ trợ tiêu thụ nông sản của tỉnh. Sở Công Thương tiếp tục chủ trì, phối hợp với các sở ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố xác định các loại nông sản cần hỗ trợ tiêu thụ, làm việc với các nhà phân phối, chế biến nông sản lớn của cả nước để hình thành các kênh tiêu thụ nông sản bền vững;

- Phối hợp với các doanh nghiệp phát triển nền tảng thương mại điện tử và nền tảng địa chỉ số để đẩy mạnh triển khai kế hoạch rà soát, lựa chọn các hộ sản xuất nông nghiệp, hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã, tổ hợp tác tham gia sàn thương mại điện tử nhằm kết nối, quảng bá, giới thiệu sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh;

- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại (*cả trực tuyến và trực tiếp*) tìm kiếm mở rộng phát triển thị trường cho các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Thúc đẩy sự liên kết, hợp tác giữa các doanh nghiệp trong tỉnh, gia tăng thị phần phân phối hàng hóa và đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Ưu tiên đầu tư phát triển mạng lưới các siêu thị bán buôn và bán lẻ, các trung tâm thương mại, trung tâm phân phối, sàn giao dịch, chợ đầu mối, chợ dân sinh, cửa hàng tiện lợi... đặc biệt là kết nối thị trường tìm đầu ra cho các mặt hàng nông sản của tỉnh thông qua các chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh và xúc tiến thương mại quốc gia;

- Thường xuyên cập nhật Danh mục ưu tiên mời gọi đầu tư giai đoạn 2021 - 2025, trong đó có mời gọi các dự án trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Bên cạnh đó thường xuyên phổ biến chính sách ưu đãi đầu tư đối với các dự án liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

6. Tăng cường công tác quản lý thị trường giống, vật tư nông nghiệp; kiểm tra, kiểm soát; đầu tư nâng cấp các trại giống, trại thực nghiệm do nhà nước quản lý đủ điều kiện nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các nguồn giống mới, chất lượng cao

- Hàng năm, Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng kế hoạch và tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, thực hiện các cuộc thanh tra đột xuất khi phát hiện vụ việc, tổ chức các đợt thanh tra theo chuyên ngành. Qua thanh tra, kiểm tra kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo đúng quy định pháp luật;

- Trong thời gian đến: Tiếp tục xây dựng kế hoạch và tổ chức các cuộc thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, xử lý nghiêm các trường hợp sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng...đối với phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; thực hiện tốt công tác phân công, phân cấp quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp được quy định tại Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 23/8/2019 của UBND tỉnh; tiếp tục tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người buôn bán, người sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật về hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, khi phát hiện trường hợp vi phạm báo cáo cơ quan chức năng xử lý kịp thời;

- Thực hiện đảm bảo kế hoạch các danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, chọn lọc, nâng cao chất lượng đàn giống thông qua kiểm tra năng suất cá thể, tăng cường chăm sóc nuôi dưỡng, phòng ngừa dịch bệnh, đảm bảo an toàn cho đàn lợn ngoại, đàn giống thủy sản và đàn cá Koi của Trung tâm Giống Nông nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Tiếp tục duy trì, thúc đẩy công tác nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm nông nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ tại Trạm nghiên cứu thực nghiệm KH&CN (thuộc Trung tâm Thông tin – Ứng dụng KH&CN), cụ thể: Nghiên cứu, sản xuất thực nghiệm một số giống cây trồng có giá trị kinh tế theo phương pháp nuôi cấy mô tế bào thực vật phục vụ nhu cầu sản xuất nông - lâm nghiệp trong và ngoài tỉnh Bình Định; nghiên cứu, khảo nghiệm, sản xuất thực nghiệm một số giống nấm ăn và nấm dược liệu có giá trị đang được nuôi trồng tại đơn vị phục vụ công tác nghiên cứu và sản xuất; nghiên cứu, khảo nghiệm, sản xuất thực nghiệm một số chế phẩm vi sinh vật phục vụ nuôi trồng nông, lâm, thủy sản.

7. Cân đối, bố trí các nguồn vốn đảm bảo để triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 – 2025

Ngay khi có văn bản hướng dẫn của Trung ương, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã khẩn trương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định; trên cơ sở đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, xây dựng kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021 – 2025 và các năm 2021, 2022, 2023 để sớm tham mưu UBND tỉnh và HĐND tỉnh ban hành. Nhờ sớm triển khai thực hiện và tổng hợp trình UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch vốn giai đoạn 2021 – 2025 và các năm 2021, 2022, 2023 cho các địa phương, sở, ban, ngành của tỉnh Bình Định từ cuối năm trước, đã tạo điều kiện các cơ quan, đơn vị chủ động triển khai kế hoạch

ngay từ đầu năm.

Bên cạnh đó, để phù hợp với tình hình thực tế triển khai thực hiện, Sở Kế hoạch và Đầu tư cũng đã chủ động kịp thời phối hợp với các chủ đầu tư rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền thực hiện điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 của tỉnh nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện giải ngân kế hoạch vốn được giao, trong đó có lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là các dự án liên quan đến đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh góp phần thu hút đầu tư và phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Định.

C. NGHỊ QUYẾT SỐ 43/NQ-HĐND NGÀY 14/7/2023 CỦA HĐND TỈNH VỀ GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ “CÔNG TÁC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG QUẢNG CÁO, CÁC DỊCH VỤ VĂN HÓA VÀ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN SỬA CHỮA, NÂNG CẤP CÁC DI TÍCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH TRONG 3 NĂM, TỪ NĂM 2020 ĐẾN NĂM 2022”

1. Về kiến nghị Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/06/2019 quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường:

- Thực hiện yêu cầu của HĐND tỉnh, ngày 15/9/2023, UBND tỉnh có văn bản số 6718/UBND-VX gửi Chính phủ đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định số 54/2019/NĐ-CP về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường, cụ thể là sửa đổi thẩm quyền cấp, điều chỉnh và thu hồi giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke, giao UBND tỉnh thẩm quyền phân cấp, ủy quyền đối với cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp tỉnh hoặc UBND cấp huyện; đối với điều kiện kinh doanh, quy định các điều kiện đảm bảo an toàn về phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn đối với dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường phù hợp quy định tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ và Thông tư số 147/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an; xem xét ban hành khung pháp lý đối với hoạt động quán bar, beer club, beer pub vì loại hình này có dấu hiệu phức tạp liên quan đến an ninh trật tự nhưng Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ không quy định, dẫn đến phát sinh nhiều mặt trái tiêu cực, khó quản lý, xử lý vi phạm.

- Văn phòng Chính phủ có Phiếu chuyên số 2275/PC-VPCP ngày 20/9/2023 đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Công an trả lời kiến nghị của UBND tỉnh. Sau khi tổng hợp, tiếp thu ý kiến của Bộ Công an tại văn bản số 3787/BCA-C06 ngày 18/10/2023, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản số 5346/BVHTTDL-VHCS ngày 04/12/2023 trả lời các nội dung kiến nghị của tỉnh như sau:

a) Hiện nay, Bộ Công an đang trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy; trong đó có quy định các điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.

b) Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại Phụ lục 4 Luật Đầu tư không quy định đối với hoạt động kinh doanh quán bar, beer bar, beer pub. Để có cơ sở pháp lý quy định điều kiện về an ninh trật tự đối với các hoạt động kinh doanh trên tại Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP), Bộ Công an đã chỉ đạo các đơn vị có liên quan của Bộ nghiên cứu, đề xuất, phối hợp với các đơn vị chức năng thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị, bổ sung loại hình kinh doanh trên vào Phụ lục 4 khi có chương trình sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư.

c) Căn cứ theo Nghị định số 01/2023/NĐ-CP ngày 16/01/2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ thực hiện quản lý hoạt động văn hóa (nếu có) tại quán bar, beer club, beer pub.

d) Những nội dung kiến nghị khác, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ nghiên cứu, tiếp thu và đề nghị sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền.

2. Về kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề xuất Chính phủ nhu cầu kinh phí thực hiện Chương trình tổng thể về phát triển văn hoá Việt Nam giai đoạn 2023 - 2025:

- Thực hiện Quyết định số 515/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình tổng thể về phát triển văn hóa Việt Nam giai đoạn 2023 - 2025 và chỉ đạo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Văn hóa và Thể thao phối hợp với các sở, ngành liên quan rà soát các dự án đầu tư về bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh, có văn bản kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quan tâm tăng đầu tư cho Chương trình bảo tồn, phát huy bền vững các giá trị văn hoá dân tộc, nhất là đối với các tháp Chăm trên địa bàn tỉnh; đề nghị hỗ trợ công tác bảo quản, tu bổ, phục hồi và tôn tạo di tích quốc gia đặc biệt Tháp Dương Long; hỗ trợ chống xuống cấp tu sửa cấp thiết di tích quốc gia Tháp Thủ Thiện và hỗ trợ hoạt động truyền dạy, bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể Bài chòi dân gian, với tổng kinh phí là 141 tỷ đồng. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã thỏa thuận hỗ trợ 70 tỷ đồng từ nguồn vốn trung ương cho Dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc

biệt Tháp Dương Long. Sở Văn hóa và Thể thao đang lập các thủ tục triển khai thực hiện Dự án này theo quy định hiện hành, với tổng kinh phí đầu tư cho dự án là 94 tỷ đồng, trong đó có kinh phí ngân sách của tỉnh là 24 tỷ đồng.

- UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 18/3/2024 thực hiện Chương trình tổng thể về phát triển văn hóa Việt Nam giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định, trong đó chú trọng công tác bảo tồn, phát huy bền vững các giá trị văn hóa của dân tộc, triển khai các chương trình, nhiệm vụ bảo quản, tu bổ, phục hồi và tôn tạo di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia đặc biệt Tháp Dương Long và các di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh. Xây dựng hồ sơ khoa học Võ cổ truyền Bình Định trình UNESCO công nhận di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại; hỗ trợ các hoạt động truyền dạy, bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể Nghệ thuật Bài chòi Trung Bộ Việt Nam được UNESCO công nhận và các di sản văn hóa phi vật thể có nguy cơ mai một của địa phương; xây dựng hồ sơ khoa học Lễ hội Cầu ngư Vạn đầm Xương Lý, xã Nhơn Lý, thành phố Quy Nhơn đề nghị ghi danh di sản văn hóa phi vật thể quốc gia...

3. Về các nội dung chỉ đạo Sở Văn hóa và Thể thao:

- Về tham mưu đề xuất phân cấp cho UBND huyện, thị xã, thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với lĩnh vực hoạt động dịch vụ văn hóa, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Văn hoá và Thể thao đề xuất phân cấp cho UBND cấp huyện thẩm quyền cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke. Qua lấy ý kiến của các sở, ngành liên quan, do vướng mắc quy định tại Nghị định số 54/2019/NĐ-CP về thẩm quyền phân cấp, Sở Tư pháp đề nghị Sở Văn hóa và Thể thao có văn bản đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn cụ thể nội dung còn vướng tại Nghị định số 54/2019/NĐ-CP về thẩm quyền phân cấp để làm cơ sở tham mưu UBND tỉnh.

Sở Văn hóa và Thể thao có văn bản số 2479/SVHTT-QLVHGD ngày 21/11/2023 gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xin ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể về việc phân cấp nêu trên. Theo chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Văn hóa cơ sở có văn bản số 1146/VHCS-VNQC ngày 01/12/2023 trả lời kiến nghị của Sở Văn hóa và Thể thao và cho biết, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang tổng hợp, tiếp thu ý kiến góp ý của các Bộ, ngành và địa phương để trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường; trong đó có nội dung sửa đổi, bổ sung về thẩm quyền cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke, nhằm đảm bảo phù hợp với thực tiễn và thống nhất với quy định của pháp luật hiện hành. Do đó, sau khi Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 54/2019/NĐ-CP, UBND tỉnh sẽ giao Sở Văn hóa và Thể thao phối hợp với các sở, ngành liên quan

đề xuất phân cấp cho UBND cấp huyện thẩm quyền cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Về tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về hoạt động quảng cáo, dịch vụ văn hóa và các di tích trên địa bàn tỉnh, trong năm 2023, Sở Văn hóa và Thể thao đã chỉ đạo Thanh tra Sở phối hợp với Đội Kiểm tra liên ngành 814 tỉnh, Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thị xã, thành phố tổ chức kiểm tra, rà soát các hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa, quảng cáo và tổ chức lễ hội tại các di tích trên địa bàn tỉnh. Qua kiểm tra 08 lượt với 30 cơ sở (trong đó: 03 đơn vị biểu diễn nghệ thuật, 07 cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, 20 cơ sở kinh doanh dịch vụ quảng cáo), không phát hiện trường hợp nào sai phạm, nhắc nhở 01 cơ sở kinh doanh dịch vụ quảng cáo thay đổi nội dung trên các pano tuyên truyền có nội dung đã cũ; qua kiểm tra 12 hoạt động lễ hội tại các di tích trên địa bàn tỉnh, công tác quản lý và tổ chức lễ hội được các địa phương thực hiện nghiêm túc, đảm bảo công tác an ninh trật tự, an toàn xã hội.

- Trong công tác tu bổ, tôn tạo di tích, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Văn hóa và Thể thao phối hợp với các đơn vị tư vấn, đơn vị thi công, các ngành liên quan tích cực đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án tu bổ, nâng cấp di tích đã được phê duyệt chủ trương đầu tư, đảm bảo hoàn thành đúng thời gian, chất lượng công trình theo kế hoạch đề ra, cụ thể là thi công hoàn thành các công trình: Đầu tư tôn tạo di tích Mộ Võ Xán (xã Bình Hòa, huyện Tây Sơn); tôn tạo, phát huy giá trị di tích Chiến thắng Thuận Hạnh (xã Bình Thuận, huyện Tây Sơn) trong năm 2023; công trình tu bổ, tôn tạo di tích Mộ Lê Đại Càng (xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước) đưa vào sử dụng đầu năm 2024.

4. Đối với các nội dung chỉ đạo các sở, ngành, địa phương:

- Về hoàn thiện, ban hành các văn bản quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền của tỉnh về hoạt động quảng cáo ngoài trời, quản lý các di tích nhằm tạo sự đồng bộ trong công tác quản lý nhà nước từ tỉnh đến cơ sở và đẩy mạnh việc phân cấp quản lý nhà nước cho UBND các huyện, thị xã, thành phố khi các địa phương hội đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.

Về Quy hoạch quảng cáo ngoài trời, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 849/QĐ-UBND ngày 13/3/2024 phê duyệt Đề án Quy hoạch quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2030, giao trách nhiệm các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo thẩm quyền đối với hoạt động quảng cáo ngoài trời trên địa bàn quản lý theo quy định; chỉ đạo Sở Văn hóa và Thể thao công bố Quy hoạch quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2030 để các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân biết, thực hiện theo quy hoạch và các sở, ngành liên quan, các địa phương thực

hiện công tác quản lý nhà nước. Ngoài ra, từ năm 2019, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2997/QĐ-UBND ngày 26/8/2019 ủy quyền cho UBND thành phố Quy Nhơn tiếp nhận hồ sơ, xử lý và trả kết quả thông báo sản phẩm quảng cáo trên địa bàn thành phố Quy Nhơn, gồm các thủ tục: Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, xử lý và trả kết quả thông báo sản phẩm quảng cáo trên phương tiện bảng quảng cáo gắn vào công trình xây dựng sẵn có, băng rôn, quảng cáo trên phương tiện giao thông và đoàn người thực hiện quảng cáo trên địa bàn thành phố, thời hạn ủy quyền là 5 năm. Sở Văn hóa và Thể thao đang phối hợp với UBND thành phố Quy Nhơn tổ chức tổng kết, đánh giá việc thực hiện ủy quyền nêu trên để đề xuất UBND tỉnh tiếp tục ủy quyền cho giai đoạn tiếp theo. Các huyện, thị xã còn lại chưa đảm bảo điều kiện, nhân lực tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính về hoạt động quảng cáo nên chưa ủy quyền.

Về quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 24/5/2024 phê duyệt Quy chế Quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Bình Định. Theo đó, tổng số di tích đã xếp hạng trên toàn tỉnh tính đến nay là: 149 di tích; phân cấp cho Sở Văn hóa và Thể thao quản lý: 22 di tích (02 di tích quốc gia đặc biệt, 18 di tích quốc gia và 02 di tích cấp tỉnh); phân cấp cho UBND các huyện, thị xã, thành phố quản lý: 127 di tích (16 di tích quốc gia và 111 di tích cấp tỉnh). UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện Quy chế Quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh và bàn giao các di tích đã phân cấp cho UBND các huyện, thị xã, thành phố quản lý, chủ động thực hiện nhiệm vụ lập quy hoạch, đầu tư tu bổ, tôn tạo di tích trên địa bàn theo quy định và điều kiện, khả năng ngân sách của địa phương.

- Về nghiên cứu, xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích xã hội hoá trong lĩnh vực văn hoá để huy động các nguồn lực xã hội, giảm ngân sách nhà nước, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ, đáp ứng nhu cầu của nhân dân, trong thời gian qua, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Văn hóa và Thể thao phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng Đề án xã hội hóa một số dịch vụ trên cơ sở phát huy giá trị di tích Tháp Đôi và Tháp Bánh Ít, nhưng qua rà soát các quy định của pháp luật và ý kiến góp ý của các sở, ngành liên quan, Tháp Đôi và Tháp Bánh Ít được xếp hạng di tích quốc gia, là tài sản cố định đặc thù. Hiện nay các Bộ, ngành trung ương chưa ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện việc sử dụng tài sản công là di tích đã xếp hạng vào mục đích cho thuê; hơn nữa việc thu phí tham quan di tích do cơ quan quản lý di tích thực hiện, không thể giao cho doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, Sở Văn hóa và Thể thao đã điều chỉnh, xây dựng lại Đề án là Đề án Thí điểm cung cấp các dịch vụ phục vụ khách tham quan tại di tích Tháp Đôi và Tháp Bánh Ít, giai đoạn 2025 - 2026, trong đó tổ chức cung cấp các dịch vụ như: dịch vụ giải khát, dịch vụ

biểu diễn nghệ thuật văn hoá Chăm, dịch vụ bán hàng lưu niệm, dịch vụ cho thuê trang phục Chăm, chụp ảnh lưu niệm, dịch vụ giữ xe... và đang hoàn chỉnh Đề án để trình UBND tỉnh xem xét cho ý kiến thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Trong thời gian tới, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo Sở Văn hóa và Thể thao phối hợp với các sở, ngành liên quan, đơn vị tư vấn nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các di tích khác và lĩnh vực dịch vụ văn hoá, nhằm huy động các nguồn lực xã hội đầu tư, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ, thu hút các doanh nghiệp có tiềm lực, đầu tư xây dựng các khu vui chơi giải trí có tầm cỡ để phục vụ nhân dân và du khách.

- Về xây dựng Đề án tu sửa, nâng cấp phát huy giá trị các di tích lịch sử trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 25/4/2022 về thực hiện Chương trình Bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh, trong đó đề ra kế hoạch đầu tư tu bổ, tôn tạo, phát huy giá trị: di tích quốc gia đặc biệt (2 di tích); di tích lịch sử - văn hóa, kiến trúc nghệ thuật quốc gia (14 di tích); di tích lịch sử cách mạng quốc gia (3 di tích) và di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh (8 di tích). UBND tỉnh đã giao Sở Văn hóa và Thể thao triển khai thực hiện các dự án đầu tư tu bổ, tôn tạo di tích theo kế hoạch và nguồn vốn được cấp. Trong thời gian tới, tiếp tục chỉ đạo Sở Văn hóa và Thể thao phối hợp với các đơn vị tư vấn xây dựng Đề án về tu sửa, nâng cấp phát huy giá trị các di tích lịch sử trên địa bàn tỉnh, để có kế hoạch bố trí nguồn kinh phí đầu tư, đồng thời tranh thủ các nguồn lực của Trung ương và nguồn lực xã hội hóa để triển khai thực hiện các dự án đầu tư, tu bổ, tôn tạo di tích trên địa bàn tỉnh.

- Về tăng cường công tác phối hợp quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra tình hình, hoạt động quảng cáo, dịch vụ văn hóa, quản lý di tích trên địa bàn để kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm đối với các hoạt động sai phạm, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Văn hóa và Thể thao phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm, nhất là về công tác an ninh, trật tự; phòng, chống tội phạm; phòng, chống cháy nổ tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường, kiên quyết thu hồi giấy phép đối với các cơ sở không đảm bảo điều kiện kinh doanh theo quy định (đã kiến nghị thu hồi 03 giấy phép không đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke); tổ chức rà soát, chỉnh trang hệ thống quảng cáo trên địa bàn tỉnh theo Quy hoạch đã phê duyệt, kịp thời phát hiện, xử lý vi phạm về quảng cáo theo thẩm quyền.

- Tích cực tuyên truyền, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện quảng cáo, kinh doanh dịch vụ văn hóa; nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư trong việc bảo vệ, giữ gìn di sản văn hóa trên

địa bàn. Chỉ đạo các sở, ngành, hội, đoàn thể phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng và các buổi sinh hoạt của cụm dân cư, khu phố các quy định pháp luật về quảng cáo, nâng cao ý thức của người dân trong việc gìn giữ cảnh quan, văn minh đô thị; tổ chức các đợt ra quân xóa quảng cáo rao vặt tại nơi công cộng; tổ chức nhân rộng mô hình tự quản ở khu dân cư, khuyến khích đoàn viên, thanh niên phát hiện, ngăn chặn và xóa bỏ các quảng cáo, rao vặt để đảm bảo mỹ quan đô thị. Tổ chức phổ biến các quy định pháp luật đến các chủ cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hóa, nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành các quy định pháp luật trong hoạt động kinh doanh; tạo môi trường kinh doanh lành mạnh, đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí, sinh hoạt văn hóa tinh thần của nhân dân. Phổ biến các quy định pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa đã xếp hạng, bảo vệ môi trường di tích, nâng cao kiến thức và hiểu biết pháp luật cho các tầng lớp nhân dân, góp phần ngăn ngừa, hạn chế các hành vi xâm phạm di tích, phát huy vai trò của nhân dân trong công tác bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

D. NGHỊ QUYẾT SỐ 44/NQ-HĐND NGÀY 14/7/2023 VỀ KẾT QUẢ GIÁM SÁT CÔNG TÁC BẢO ĐẢM TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG, CÔNG PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

I. Công tác triển khai thực hiện nghị quyết số 44/NQ-HĐND

- Đã ban hành Công văn số 7407/UBND-NC ngày 10/10/2023 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 44/NQ-HĐND, chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành có liên quan triển khai thực hiện, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông (TTATGT), phòng cháy, chữa cháy (PCCC) và cứu nạn, cứu hộ (CNCH) trên địa bàn tỉnh.

- Các sở, ban, ngành và các địa phương đã tổ chức quán triệt nội dung của Nghị quyết số 44/NQ-HĐND đến cán bộ, chiến sỹ, công chức, viên chức, người lao động để triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, đúng quy định của pháp luật. Nhất là Công an tỉnh, Sở Giao thông Vận tải, Ban An toàn Giao thông tỉnh đã chủ động tham mưu, hướng dẫn thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế nhằm kiềm chế, kéo giảm tai nạn giao thông (TNGT), các vụ cháy, nổ xảy ra. Nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của Nhân dân trong thực hiện công tác bảo đảm TTATGT và PCCC.

II. Tình hình, kết quả các mặt công tác

1. Trên lĩnh vực bảo đảm TTATGT

a) Công tác tham mưu, chỉ đạo thực hiện

- Ban cán sự Đảng UBND tỉnh đã tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 79-KH/TU ngày 15/11/2023 thực hiện Chỉ thị số 23-CT/TW

ngày 25/5/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm TTATGT trong tình hình mới; ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện, nhằm huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia, nhằm nâng cao chất lượng các mặt công tác, như: Quyết định 1619/QĐ-UBND ngày 16/5/2023 về ban hành Kế hoạch tăng cường công tác bảo đảm TTATGT đường bộ trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 368/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 ban hành Quyết định Chương trình hành động về thực hiện Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 25/5/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 18/01/2024 về Năm An toàn giao thông 2024 với chủ đề “Thượng tôn pháp luật để xây dựng văn hóa giao thông an toàn”; Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 22/02/2024 triển khai thực hiện Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 21/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông cho lứa tuổi học sinh trong tình hình mới; Kế hoạch số 174/KH-UBND ngày 24/10/2023 về phát động phong trào “Toàn dân tham gia phát hiện, cung cấp thông tin, hình ảnh phản ánh hành vi vi phạm về TTATGT trên địa bàn tỉnh”; Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 02/02/2024 giao chỉ tiêu giảm TNGT năm 2024 trên địa bàn tỉnh (giảm 06% số vụ, giảm 05% số người chết, giảm 05% số người bị thương so với năm 2023)...

- Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, các sở, ban, ngành, địa phương đã triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả các giải pháp nhằm bảo đảm TTATGT, nhất là khắc phục các tồn tại, bất cập về hạ tầng giao thông, tổ chức giao thông, tuyên truyền cán bộ, đảng viên, công nhân viên và người thân trong gia đình chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn giao thông (ATGT) khi tham gia giao thông, như: không được uống rượu, bia khi điều khiển phương tiện, tuân thủ tốc độ¹⁵ ...

b) Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được giao triển khai thực

¹⁵ Công an tỉnh đã trực tiếp ban hành nhiều văn bản chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương trong công tác bảo đảm TTATGT như: Kế hoạch số 537/KH-CAT-PC08, ngày 28/02/2023 về Tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm theo chuyên đề “Người điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và công nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu mà trong cơ thể có chất ma túy, vi phạm nồng độ cồn”; Kế hoạch số 538/KH-CAT-PC08, ngày 28/02/2023 về Tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm theo chuyên đề chờ hàng quá tải trọng, quá vạch đầu môn nước an toàn, quá khổ giới hạn, tự ý cải tạo, hoán cải phương tiện; Kế hoạch 670/KH-CAT-PC08 ngày 13/3/2023 về Phòng, chống tai nạn giao thông do xe khách gây ra trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 1449/KH-CAT-PC08 ngày 17/5/2023 về Triển khai Điện số 866/ĐK-HT ngày 12/5/2023 của Cục CSGT; Kế hoạch số 2400/KH-CAT-PC08 ngày 28/7/2023 về Tổng kiểm soát xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách và xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa bằng container; Kế hoạch số 2542/KH-CAT-PC08, ngày 10/8/2023 về Tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm theo chuyên đề xe ô tô chờ hàng rơi vãi, dừng đỗ sai quy định trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 1348/KH-CAT-PV01 ngày 09/5/2023 thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 19/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 230/KH-BCA-C08 ngày 28/4/2023 của Bộ Công an (Chỉ thị số 10/CT-TTg)... Sở Giao thông vận tải ban hành Kế hoạch số 32/KH-SGTVT ngày 19/7/2023 về việc thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg...

hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về bảo đảm TTATGT với nhiều nội dung, hình thức đa dạng như¹⁶: Tổ chức tuyên truyền trực tiếp cho 138.224 lượt người; 176 lượt tuyên truyền lưu động trên các tuyến trọng điểm, địa bàn phức tạp về TTATGT, tai nạn giao thông (TNGT); tuyên truyền cá biệt cho 3.816 đối tượng thường xuyên vi phạm tại địa phương; cho ký cam kết bổ sung đối với 228 doanh nghiệp, 1.034 cá nhân và 5.968 lái xe ký cam kết chấp hành không coi nói, không chờ quá khổ, quá tải, không chờ hàng rơi vãi; dừng, đỗ sai quy định; cấp phát nước giải khát và khăn lạnh cho 40.369 lái xe ô tô khách vào các khung giờ trưa, khuya vắng giúp lái xe tỉnh táo khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông đi qua địa bàn tỉnh...

- Phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh lồng ghép nội dung tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về ATGT trong các hội nghị thường xuyên thông tin đến đảng viên, cấp ủy các chi, đảng bộ cơ sở và đội ngũ báo cáo viên về tình hình TTATGT trên địa bàn tỉnh. Tại các cuộc giao ban báo chí hàng tháng do Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, Ban cán sự Đảng UBND tỉnh, thường xuyên nhắc nhở các cơ quan báo chí đổi mới phương pháp tuyên truyền, chú ý thông tin về giải pháp thực hiện chỉ tiêu giảm ùn tắc và giảm TNGT trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo Ban An toàn giao thông tỉnh, Sở Giao thông vận tải, Công an tỉnh, Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình và Phú Khánh phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố có đường sắt đi qua, các cơ quan báo, đài tổ chức tuyên truyền Luật Đường sắt, vận động Nhân dân tham gia giữ gìn TTATGT đường sắt; ngăn chặn các vụ vi phạm như: trộm cắp vật tư, thiết bị, lấn chiếm hành lang đường sắt, ném đá lên tàu.... Qua đó góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành, tổ chức chức chính trị xã hội và nhân dân tỉnh nhà trong công tác đảm bảo TTATGT đường sắt.

- Ngoài ra, đã chỉ đạo ngành giáo dục và các cơ quan, đoàn thể phối hợp chặt chẽ với gia đình, nhà trường tăng cường giáo dục tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về TTATGT cho lứa tuổi học sinh, sinh viên, xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, tạo chuyển biến tích cực về nhận thức cho học sinh, sinh viên khi tham gia giao thông. Đã tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về an toàn giao thông, kỹ năng điều khiển phương tiện tham gia giao thông tại 76 cơ sở giáo dục với 47.454 học sinh, 2221 giáo viên, cán bộ nhà trường; tổ chức, hướng dẫn cho học sinh, giáo viên ký 50.747 bản cam kết chấp hành pháp luật về ATGT, phụ huynh ký 47.866 bản cam kết không giao xe cho học sinh, sinh viên không đủ điều khiển phương tiện; xây dựng 18 mô hình “Cổng trường an toàn giao thông”; thành

¹⁶ Ngày 24/10/2023, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 174/KH-UBND về phát động phong trào “Toàn dân tham gia phát hiện, cung cấp thông tin, hình ảnh phản ánh hành vi vi phạm về TTATGT trên địa bàn tỉnh”...

lập 02 Đội tình nguyện hướng dẫn giao thông tại Cổng trường; đã phối hợp tuyên truyền kiến thức pháp luật an toàn giao thông (ATGT) cho 237 giáo viên, thực hiện 1.450 tiết dạy lồng ghép vào nội dung một số môn học từ cấp mầm non đến trung học phổ thông; tuyên truyền cá biệt 224 lượt đối tượng thanh thiếu niên thường xuyên vi phạm pháp luật về ATGT ở cơ sở; biên soạn, cấp phát hơn 20.000 tờ rơi, tờ gấp tuyên truyền; tiếp tục lồng ghép triển khai, nhân rộng các mô hình “ATGT gắn với tập huấn nâng cao kỹ năng lái xe an toàn” và chương trình “ATGT cho nụ cười ngày mai”, “ATGT cho nụ cười trẻ thơ”, “Doreamon với ATGT”; thông qua các buổi tuyên truyền, đã trao tặng 820 mũ bảo hiểm cho học sinh, vận động mạnh thường quân thăm tặng quà trị giá 25 triệu đồng cho gia đình có người thân bị TNGT, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

c) Công tác đảm bảo hạ tầng giao thông

Chỉ đạo Ban An toàn Giao thông tỉnh, Sở Giao thông Vận tải và Công an tỉnh phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan thường xuyên tổ chức các đoàn khảo sát các “điểm đen”, điểm tiềm ẩn nguy cơ TNGT, tụ điểm phức tạp về TTATGT, trật tự công cộng và các bất hợp lý trong tổ chức giao thông trên địa bàn tỉnh. Qua đó, đã kiến nghị Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo các đơn vị trực thuộc khắc phục những nội dung thuộc thẩm quyền và chỉ đạo các đơn vị, địa phương trong tỉnh căn cứ vào nhiệm vụ quản lý hạ tầng theo phân cấp để khắc phục như: sửa chữa hư hỏng mặt đường, vệ sinh mặt đường, lắp đặt đèn tín hiệu giao thông, đèn chiếu sáng, đèn cảnh báo giao thông tại các nút giao thường xảy ra tai nạn giao thông, bổ sung vạch sơn tim đường, gờ giảm tốc, lắp đặt camera giám sát giao thông tại nút giao thông phức tạp để phục vụ công tác quản lý TTATGT và kịp thời xử lý các vi phạm TTATGT, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người tham gia giao thông.... Qua đó, đã phát hiện 55 “điểm đen”, điểm tiềm ẩn nguy cơ TNGT và bất cập hạ tầng giao thông, khắc phục, xóa bỏ 30/55 điểm trên các địa bàn: Phù Mỹ, Phù Cát, Tuy Phước, An Nhơn, Hoài Nhơn và Vân Canh; đang tiếp tục xử lý 25 điểm trên các địa bàn: Hoài Ân, An Lão, Phù Cát, Phù Mỹ, Tuy Phước, An Nhơn, Quy Nhơn, Tây Sơn và Vân Canh. Thường xuyên tổ chức kiểm tra hạ tầng, tổ chức giao thông đường sắt tại các điểm giao cắt đồng mức giữa đường bộ với đường sắt (*hiện nay còn 62 đường ngang và 117 lối đi tự mở nhưng chưa có biện pháp bảo đảm TTATGT*); trong kỳ xóa bỏ 01 lối đi tự mở trên địa bàn xã Cát Tân, Phù Cát.

d) Công tác đăng ký, quản lý phương tiện, đăng kiểm, cấp giấy phép lái xe

Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tiếp tục làm tốt công tác đăng ký, quản lý phương tiện, đăng kiểm, cấp giấy phép lái xe, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp giải quyết các thủ tục nhanh chóng, thuận lợi.

- **Công tác đăng ký, quản lý phương tiện:** Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh đã làm tốt vai trò đăng ký, quản lý phương tiện giao thông đường bộ, phương tiện hoạt động kinh doanh vận tải, phương tiện thủy nội địa như:

+ *Công an tỉnh:* Đã triển khai phân cấp công tác đăng ký xe ô tô giữa Phòng CSGT và Công an các địa phương; phân cấp công tác đăng ký xe mô tô, xe gắn máy cho Công an cấp huyện và 87 đơn vị Công an cấp xã đủ điều kiện. Trong kỳ, đã đăng ký mới 6.277 xe ô tô: 6.277, 55.826 xe mô tô, 821 xe máy điện. Toàn tỉnh hiện đang quản lý là 1.616.358 phương tiện (ô tô: 89.497, mô tô: 1.506.440, xe máy điện: 20.421)¹⁷.

+ *Sở Giao thông vận tải:* Đã kiểm tra, cấp mới giấy phép kinh doanh vận tải cho 54 đơn vị, cấp lại giấy phép kinh doanh vận tải cho 73 đơn vị. Đến thời điểm hiện tại, tổng số lượng đơn vị được Sở cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô là 786 đơn vị¹⁸; giải quyết cấp mới và cấp đổi phù hiệu cho 1.659 xe vận tải hàng hóa, 1.346 xe vận tải hành khách, giải quyết 78 hồ sơ đăng ký khai thác tuyến cố định bằng xe ô tô. Kiểm tra cấp mới 71 đăng ký mới xe máy chuyên dùng, cấp 05 giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa; thẩm định 14 hồ sơ thiết kế cải tạo phương tiện cơ giới đường bộ. Thu hồi 117 Giấy phép kinh doanh vận tải đối với các đơn vị không kinh doanh vận tải trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy phép kinh doanh hoặc ngừng kinh doanh vận tải trong thời gian 06 tháng liên tục; thu hồi 338 phù hiệu của các đơn vị kinh doanh vận tải do vi phạm tốc độ, nhắc nhở, chấn chỉnh hàng trăm phương tiện vi phạm quy định về thời gian lái xe, thiết bị giám sát hành trình không truyền dữ liệu về hệ thống Cục Đường bộ Việt Nam.

- **Quản lý hoạt động kiểm định:** Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 05 đơn vị Đăng kiểm phương tiện¹⁹. Trong thời gian qua, chỉ đạo các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới trên địa bàn tỉnh chủ động rà soát các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nguồn nhân lực đảm bảo theo quy định, đồng thời đã bố trí, sắp xếp nhân sự làm tăng ca, tăng giờ để phục vụ người dân, không để xảy ra tình trạng ùn tắc phương tiện tại các đơn vị kiểm định trên địa bàn tỉnh. Từ 06 tháng cuối năm 2023 đến nay, có 94.239 lượt phương tiện cơ giới đường bộ vào kiểm định tại các trung tâm Đăng kiểm, trong đó có 85.169 lượt đạt tiêu chuẩn lần đầu (đạt tỷ lệ 90,3%).

¹⁷ Hệ biển vàng: cấp mới và đổi biển: 1.188 hồ sơ; đổi biển vàng giữ số: 2.714 hồ sơ.

¹⁸ 697 đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa, 34 đơn vị kinh doanh vận tải tuyến cố định, 37 đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, 16 đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi, 02 đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt.

¹⁹ Trung tâm Đăng kiểm phương tiện thủy, bộ Bình Định; Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới đường bộ 77-03D - Chi nhánh Công ty TNHH TPV; Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới 77-04D - Chi nhánh Công ty cổ phần Mỹ nghệ Bình Định; Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới đường bộ 77-05D - Công ty TNHH MTV Tới Thời Cao Nguyên; Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới đường bộ 77-06D - Chi nhánh Công ty cổ phần kiểm định xe ô tô Cường Thiện.

- **Quản lý cấp Giấy phép lái xe:** Trong kỳ, Sở Giao thông vận tải đã cấp mới 29.683 giấy phép lái xe các loại; cấp đổi 24.491 giấy phép lái xe các loại. Công an tỉnh đã thực hiện đổi, cấp lại 146 giấy phép lái xe cho CBCS trong lực lượng CAND.

e) Công tác thanh tra, kiểm tra

- *Công tác tuần tra kiểm soát, xử lý vi phạm về TTATGT*

Đã chỉ đạo lực lượng chức năng như Cảnh sát giao thông, Thanh tra giao thông tập trung tối đa lực lượng, phương tiện, trang thiết bị tuần tra, kiểm soát (TTKS) nhằm phát hiện kịp thời và xử lý vi phạm các hành vi vi phạm về TTATGT; trong đó tập trung xử lý các hành vi là nguyên nhân chính dẫn đến TNGT, các trường hợp phương tiện độ chế, hoán cải, hết hạn kiểm định, chở hành khách, hàng hóa vượt quy định, phát hiện những tồn tại, bất cập về hạ tầng giao thông, tổ chức giao thông để kịp thời kiến nghị với các cơ quan chức năng, khắc phục. Kết quả: *Trên đường bộ:* Lực lượng CSGT toàn tỉnh đã bố trí 21.325 ca/89.005 lượt TTKS, xử phạt vi phạm hành chính 48.077 trường hợp, phạt tiền hơn 88 tỷ đồng, tạm giữ 11.058 phương tiện; tước giấy phép lái xe có thời hạn 7.306 trường hợp. Trong đó, đã phát hiện 7.945 trường hợp lỗi thiết bị an toàn khác không có đủ, đúng tiêu chuẩn; 1.246 trường hợp lỗi chở quá số người quy định; 1.224 trường hợp lỗi chở hàng rơi vãi, không có bạt che phủ; 698 trường hợp lỗi chở hàng vượt quá kích thước xe; 579 trường hợp lỗi lốp không đúng tiêu chuẩn kỹ thuật; 390 trường hợp lỗi xe chở quá tải; 244 trường hợp lỗi chở hàng làm lệch xe; 208 trường hợp lỗi không đăng ký an toàn/quá hạn; 97 trường hợp lỗi tự ý thay đổi kết cấu, kích thước của xe... *Trên đường sắt:* Tổ chức 133 ca/428 lượt TTKS, phát hiện, lập biên bản 163 trường hợp²⁰, phạt tiền 325.400.000đ; tước GPLX 103 trường hợp (trong đó xử lý qua hình ảnh 46 trường hợp, phạt tiền 221.900.000đ; tước GPLX 44 trường hợp). *Trên đường thủy:* Bố trí 664 ca/2.155 lượt, lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính 07 trường hợp, phạt tiền 6.750.000đ; tổ chức đo nồng độ cồn 43 trường hợp (không phát hiện vi phạm). **Sở Giao thông Vận tải:** Trong kỳ, đã kiểm tra, xử lý vi phạm 36 trường hợp, xử phạt 98,9 triệu đồng.

- *Công tác kiểm tra, xử lý vi phạm hành lang an toàn đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng*

Chỉ đạo Sở Giao thông Vận tải phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan tổ chức kiểm tra, xử lý các tổ chức, cá nhân thi công công trình, xây dựng nhà ở, lều quán, vật kiến trúc khác trong phạm vi đất hành lang an toàn đường bộ trên

²⁰ Vượt đường ngang khi đèn đỏ đã bật sáng 104 t/h (21 con, 27 tải, 01 khách, 55 mô tô), điều khiển phương tiện làm hỏng cần chắn 01 t/h tải; quay đầu xe trong phạm vi đường ngang 09 t/h (04 con, 04 tải, 01 khách); không chấp hành vạch kẻ đường, biển báo khi đi qua đường ngang 15 t/h (01 con, 14 mô tô); Dừng xe trong phạm vi an toàn đường ngang 34 t/h (01 tải, 33 mô tô).

các tuyến Quốc lộ nhận ủy thác và hệ thống đường tỉnh do Sở Giao thông vận tải quản lý. Kết quả, lập biên bản vi phạm hành chính 01 trường hợp tự ý san, lấp mặt bằng trong hành lang an toàn đường bộ, phạt tiền 10 triệu đồng; 02 trường hợp thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ không có Giấy phép thi công, phạt tiền 24 triệu đồng; xử lý vi phạm hành chính 01 trường hợp, phạt tiền 04 triệu đồng do thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ không thực hiện đúng theo quy định trong Giấy phép thi công.

- Thanh tra công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe

Ngày 20/12/2023, ban hành Quyết định số 4723/QĐ-UBND phê duyệt Kế hoạch thanh tra năm 2024 của tỉnh Bình Định; Sở Giao thông Vận tải đã ban hành Quyết định số 50/QĐ-TTr và Kế hoạch số 51/KH-TTr ngày 17/05/2024²¹, Quyết định số 59/QĐ-TTr ngày 10/6/2024 và Kế hoạch số 60/KH-ĐTTr ngày 11/6/2024²², thanh tra việc chấp hành các quy định về đào tạo lái xe tại Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại Trung Lương và Trường Cao đẳng Cơ điện - Xây dựng và Nông lâm Trung bộ. Kết quả, lập biên bản xử lý vi phạm hành chính 07 trường hợp giáo viên dạy thực hành không ngồi bên cạnh để bảo trợ tay lái cho học viên học thực hành lái xe, phạt tiền 4,9 triệu đồng; xử phạt hành chính cơ sở đào tạo lái xe bố trí giáo viên không đủ tiêu chuẩn để giảng dạy, phạt tiền 04 triệu đồng, đình chỉ tuyển sinh 02 tháng đối với Trường Cao đẳng Cơ điện - Xây dựng và Nông lâm Trung bộ.

- Thanh tra hoạt động kiểm định

Thực hiện Quyết định số 56/QĐ-TTr ngày 28/12/2023 của Chánh Thanh tra Bộ Giao thông vận tải về việc thanh tra việc chấp hành quy định pháp luật trong hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật, bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Giao thông Vận tải phối hợp Đoàn Thanh tra của Thanh tra Bộ GTVT tiến hành kiểm tra, xác minh nội dung việc chấp hành quy định pháp luật trong hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật, bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ tại các trung tâm đăng kiểm trên địa bàn tỉnh. Qua đó, đã xử phạt vi phạm hành chính đối với 05 trường hợp, phạt tiền 16 triệu đồng (*trong đó có 04 đăng kiểm viên, tước Giấy chứng nhận đăng kiểm viên 04 trường hợp*).

- Thanh tra, kiểm tra hoạt động kinh doanh vận tải, dịch vụ hỗ trợ kinh doanh vận tải

²¹ Quyết định số 50/QĐ-TTr ngày 17/5/2024 về Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đào tạo lái xe đối với Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại Trung Lương và Kế hoạch số 51/KH-TTr ngày 17/5/2024 về Kế hoạch tiến hành thanh tra.

²² Quyết định số 59/QĐ-TTr ngày 10/6/2024 về thanh tra việc chấp hành các quy định về đào tạo, sát hạch lái xe tại Trường Cao đẳng Cơ điện - Xây dựng và Nông lâm Trung bộ

Dưới sự chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Giao thông Vận tải đã ban hành Quyết định số 711/QĐ-SGTVT ngày 16/11/2023, Quyết định số 122/QĐ-SGTVT ngày 05/03/2024, Quyết định số 318/QĐ-SGTVT ngày 10/5/2024 và Quyết định số 410/QĐ-SGTVT ngày 12/06/2024 về việc kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về kinh doanh, điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô trên địa bàn tỉnh, tổ chức kiểm tra đối với 60 đơn vị kinh doanh vận tải về việc chấp hành các quy định của pháp luật kinh doanh, điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô và 08 bến xe khách về dịch vụ hỗ trợ vận tải. Kết quả đã xử phạt vi phạm hành chính đối với 15 đơn vị, phạt tiền 85 triệu đồng.

f) Công tác cải cách hành chính: Lực lượng CSGT toàn tỉnh đã triển khai dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4 trên lĩnh vực đăng ký xe và xử lý vi phạm hành chính về TTATGT, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân. Phối hợp với Bưu điện trả 425 giấy tờ bị tạm giữ trong xử lý vi phạm hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân²³. Sở Giao thông Vận tải đẩy mạnh sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình “Đổi giấy phép lái xe do ngành Giao thông Vận tải cấp” đến toàn thể người dân trên địa bàn tỉnh; tổ chức làm việc với Bưu điện tỉnh để nâng cao các chỉ số liên quan cải cách thủ tục hành chính.

g) Nhận xét, đánh giá

Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả theo đúng quy định pháp luật và nội dung Nghị quyết số 44/NQ-HĐND về công tác bảo đảm TTATGT. Trong đó, tập trung chỉ đạo các cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao tăng cường các giải pháp bảo đảm TTATGT như:

- Chỉ đạo các cơ quan chức năng tăng cường công tác tuần tra kiểm soát, xử lý vi phạm về TTATGT, nhất là các hành vi, lỗi là nguyên nhân dẫn đến TNGT, kiểm soát, xử lý các hành vi vi phạm theo các chuyên đề phù hợp với tình hình thực tế, mở các đợt cao điểm bảo đảm TTATGT dịp Lễ, Tết. Công tác bảo đảm TTATGT được các cơ quan chức năng chú trọng triển khai thực hiện được sự đồng thuận, ủng hộ tích cực của đông đảo quần chúng nhân dân.

- Công tác kiểm tra, khảo sát kịp thời phát hiện những tồn tại, bất cập về hạ tầng giao thông, tổ chức giao thông, đề kiến nghị, đề xuất các cơ quan chức năng chấn chỉnh, khắc phục, giảm các nguy cơ tiềm ẩn mất an toàn giao thông, gây TNGT. Trong kỳ, không xảy ra TNGT đặc biệt nghiêm trọng và trên tuyến đường

²³ Lĩnh vực đăng ký phương tiện giao thông đường bộ: Đã tiếp nhận, giải quyết 48.173/60.587 hồ sơ, đạt 79,5%; (cấp tỉnh: 3.763/3.888 hồ sơ, đạt 96,8%; đăng ký mới ô tô 1.268/1.332, đạt 95,2%; đăng ký mới mô tô 18/18, đạt 100%; cấp huyện: 17.921/23.132 hồ sơ, đạt 77,5%; cấp xã: 26.489/33.567 hồ sơ, đạt 78,9%).

+ Lĩnh vực xử lý VPHC về TTATGT: Đã xử lý 17.269/39.995 trường hợp, đạt 43,2% (cấp tỉnh: 5.298/12.610 trường hợp, đạt 42%; cấp huyện: 11.971/27.385, đạt 43,7%). Trong đó, tỷ lệ nộp phạt qua công dịch vụ công trên tổng số trường hợp thực hiện quyết định xử phạt qua hình ảnh (Phạt nguội): 638/665 trường hợp, đạt 95,9% (cấp tỉnh: 391/403 trường hợp, đạt 97%; cấp huyện: 247/262 trường hợp, đạt 94,3%).

thủy nội địa.

- Tuy nhiên, tình hình TNGT còn diễn biến phức tạp²⁴. Công tác tuần tra kiểm soát, xử lý vi phạm có nơi, có lúc chưa bảo đảm khép kín tuyến, địa bàn; một số hành vi vi phạm chưa được nhắc nhở, xử lý kịp thời để dẫn đến tai nạn xảy ra.

- Công tác bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông và hành lang an toàn đường bộ ở một số địa phương chưa được quan tâm đúng mức nên tình trạng vi phạm về hành lang đường bộ diễn ra phổ biến, gây khó khăn cho công tác quản lý, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông. Công tác duy tu, bảo dưỡng, khắc phục hư hỏng về cầu đường, các thiết bị cảnh báo giao thông có lúc chưa đầy đủ, kịp thời... phần nào gây khó khăn cho việc đi lại của Nhân dân.

** Nguyên nhân*

- Ý thức chấp hành pháp luật về TTATGT của một bộ phận người dân tham gia giao thông chưa tự giác, chưa chú trọng đến việc chấp hành quy tắc giao thông và các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông (như: các đối tượng thanh, thiếu niên, học sinh, sinh viên... còn chủ quan khi tham gia giao thông).

- Công tác quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng giao thông chưa phù hợp với tốc độ phát triển của xã hội và nhu cầu của nhân dân, phương tiện giao thông, dẫn đến cơ sở hạ tầng đường giao thông chưa được nâng cấp kịp thời. Việc bố trí kinh phí đầu tư, sửa chữa, khắc phục, xử lý các vị trí có nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông ở các tuyến đường còn hạn chế nên ảnh hưởng không nhỏ đến công tác đảm bảo TTATGT trên địa bàn tỉnh.

- Công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về TTATGT tuy đã được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện nhưng nội dung tuyên truyền chưa phong phú, chưa có sự đổi mới về nội dung, hình thức, nên hiệu quả của công tác tuyên truyền chưa cao, chưa đi vào chiều sâu.

²⁴ Trong kỳ, toàn tỉnh xảy ra 569 vụ TNGT, làm chết 223 người, bị thương 492 người; so với cùng kỳ trước khi ban hành Nghị quyết tăng 254 vụ, tăng 14 người chết, tăng 296 người bị thương. Trong đó: Đường bộ: xảy ra 566 vụ TNGT, làm chết 220 người, bị thương 492 người; so với cùng kỳ trước khi ban hành Nghị quyết tăng 254 vụ, tăng 15 người chết, tăng 296 người bị thương. Cụ thể: Va chạm giao thông xảy ra 203 vụ, làm bị thương 241 người; TNGT ít nghiêm trọng xảy ra 145 vụ, làm bị thương 198 người; TNGT nghiêm trọng xảy ra 207 vụ, làm chết 198 người, bị thương 51 người; TNGT rất nghiêm trọng xảy ra 11 vụ, làm chết 22 người, bị thương 02 người; TNGT đặc biệt nghiêm trọng: không xảy ra. ⁽²⁾ Đường sắt: xảy ra 03 vụ, làm chết 03 người; so với cùng kỳ trước khi ban hành Nghị quyết số vụ và số người bị thương không tăng không giảm, giảm 01 người chết. ⁽³⁾ Đường thủy: không xảy ra.

Nguyên nhân: Không chú ý quan sát: 142 vụ; đi không đúng phần đường quy định: 135 vụ; chuyển hướng không đúng quy định: 59 vụ; thiếu chú ý quan sát: 52 vụ; sử dụng rượu bia: 37 vụ; vượt xe không đúng quy định: 32 vụ; không chấp hành tốc độ: 22 vụ; không chấp hành quy định nhường đường tại nơi giao nhau: 26; không giữ khoảng cách với xe chạy liền trước: 19 vụ; dừng, đỗ xe trên đường không đúng quy định: 11 vụ; không chấp hành báo hiệu đường bộ: 05 vụ; tránh xe đi ngược chiều không đúng quy định: 08 vụ; lùi xe không đúng quy định: 03 vụ; không chấp hành quy định về quyền ưu tiên một số loại xe: 01 vụ; không thực hiện đúng quy trình thao tác lái xe: 01 vụ; mệt mỏi, ngủ gật: 01 vụ; xếp hàng hóa không đúng quy định: 01 vụ; nguyên nhân khác: 14 vụ;

h. Một số giải pháp trong thời gian đến

- Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về đảm bảo TTATGT và các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, các Bộ, ngành có liên quan, trọng tâm là Chỉ thị số 23-CT/TW của Ban Bí thư, Chỉ thị số 10/CT-TTg và Chỉ thị số 31/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ...

- Chỉ đạo các cơ quan chức năng tăng cường lực lượng, phương tiện, tuần tra kiểm soát, xử lý các hành vi vi phạm theo 05 nhóm chuyên đề là nguyên nhân trực tiếp gây TNGT: ⁽¹⁾ Vi phạm nồng độ cồn, ma túy; ⁽²⁾ Chở hàng quá tải trọng, quá khổ giới hạn, “coi nói” thùng xe và chở quá vạch dấu mức nước an toàn; ⁽³⁾ Điều khiển xe chạy không đúng tốc độ quy định; ⁽⁴⁾ Vi phạm quy định về tránh vượt, phân đường, làn đường và không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông; ⁽⁵⁾ Sử dụng các loại giấy tờ “giả” liên quan đến người điều khiển và phương tiện. Trọng tâm kiểm soát, xử lý vi phạm nồng độ cồn nhằm làm giảm tai nạn giao thông, tiến tới hình thành thói quen “Đã uống rượu bia không lái xe” trong Nhân dân.

- Nâng cao hiệu quả ứng dụng khoa học – kỹ thuật công nghệ trong công tác quản lý nhà nước về TTATGT, nhất là ghi nhận xử lý vi phạm TTATGT qua hình ảnh, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các đơn vị trong và ngoài ngành, đẩy mạnh tốc độ thực hiện dịch vụ công trong công tác đăng ký xe và xử lý vi phạm hành chính. Tăng cường quan hệ phối hợp giữa các cơ quan thực hiện công tác quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông. Thực hiện các giải pháp nâng cao tinh thần trách nhiệm vì nhân dân phục vụ của người thực hiện nhiệm vụ bảo đảm TTATGT.

- Thường xuyên khảo sát, rà soát, kịp thời phát hiện những bất cập trong công tác tổ chức giao thông, các “điểm đen” về tai nạn giao thông để có văn bản kiến nghị đến cơ quan có thẩm quyền khắc phục; trường hợp đã kiến nghị nhưng không có biện pháp khắc phục mà để xảy ra TNGT sẽ xem xét trách nhiệm liên đới của các cơ quan liên quan theo quy định của pháp luật.

2. TRÊN LĨNH VỰC PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY

a) Công tác tham mưu, chỉ đạo thực hiện

Thời gian qua, tình hình cháy, nổ trên cả nước có nhiều diễn biến phức tạp liên tiếp xảy ra các vụ cháy gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, thiệt hại lớn về tài sản. Tuy nhiên, trên địa bàn tỉnh, tình hình cháy, nổ cơ bản được kiểm soát, đã chỉ đạo cơ quan chức năng và các địa phương ban hành nhiều văn bản chỉ đạo liên quan đến công tác PCCC và CNCH trên địa bàn tỉnh như: Công văn số 4960/UBND-NC ngày 17/7/2023 về tăng cường thực hiện các giải pháp bảo đảm công tác PCCC; Công văn số 869/UBND-NC ngày 02/02/2024 về triển khai thực

hiện Công điện số 05/CĐ-TTg ngày 15/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ...

Ban hành Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 09/02/2023 về thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy trong tình hình mới và Công văn số 145/UBND-NC ngày 05/01/2024 về tăng cường các biện pháp đảm bảo an toàn PCCC. Công an tỉnh đã trực tiếp ban hành nhiều văn bản triển khai thực hiện trong lực lượng Công an²⁵. Tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 819/QĐ-TTg ngày 07/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; đã chỉ đạo Công an tỉnh phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư đưa nội dung phương án Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy vào Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; phương án Quy hoạch của tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023²⁶.

Ban hành Công văn số 2692/UBND-KT ngày 28/4/2023 chỉ đạo triển khai thực hiện Công điện số 220/CĐ-TTg ngày 05/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác PCCC. Tổ chức Hội nghị đối thoại với cơ quan, doanh nghiệp, trong đó tập trung giải đáp các giải pháp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC. Thành lập Đoàn công tác của tỉnh để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về phòng cháy, chữa cháy; trực tiếp làm việc và hướng dẫn các cơ sở tồn tại thực hiện các giải pháp về PCCC. Đến nay, đã có 04/165 công trình còn tồn tại thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC hoàn thành việc khắc phục²⁷; 29/161 công trình đã khắc phục một phần bước thẩm duyệt, đang thi công hệ thống PCCC; 100% dự án xây dựng mới

²⁵ Kế hoạch số 236/KH-CAT-PC07 ngày 04/02/2023 về thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy trong tình hình mới; Kế hoạch số 2761/KH-CAT-PC07 ngày 31/8/2023 về kiểm tra tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác PCCC đối với Công an các địa phương; Công văn số 3982/CAT-PC07 ngày 01/12/2023 về triển khai thực hiện thông báo số 475/TB-VPCP ngày 18/11/2023 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc đánh giá kết quả 10 tháng thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03/01/2023 về tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy trong tình hình mới...

²⁶ Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy, chữa cháy: Quy hoạch phát triển mạng lưới trụ sở, doanh trại, công trình phục vụ công tác PCCC và CNCH. Mỗi huyện, thị xã, thành phố có tối thiểu 01 đội chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên nghiệp thuộc lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH được đầu tư đáp ứng yêu cầu về lực lượng, cơ sở vật chất, phương tiện, doanh trại. Ngoài ra, tại các cơ sở tự xây dựng đội và trụ sở doanh trại riêng cho lực lượng PCCC của riêng mình, đảm bảo theo đúng quy định. Quy hoạch mạng lưới hệ thống cấp nước đảm bảo phục vụ cho mục đích chữa cháy; quy hoạch mạng lưới giao thông và thông tin liên lạc phục vụ PCCC đảm bảo các quy định hiện hành. Đến năm 2030, xây dựng mới 11 trụ sở, doanh trại của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH tại các huyện, thị xã, thành phố; 02 trụ sở, doanh trại Đội chữa cháy và CNCH cấp tỉnh.

²⁷ Kho chứa nông sản thuộc Công ty TNHH Sản xuất, thương mại Dịch vụ Hòa Phát Gia Lai; cơ sở chế biến lâm sản thuộc Công ty TNHH sản xuất, thương mại Vinaforest; cơ sở sản xuất, gia công các sản phẩm từ nhôm, sắt, inox, nhựa và lâm sản thuộc Công ty TNHH sản xuất, thương mại Tân Ánh Dương; Karaoke Đô Thị.

đã được hướng dẫn và thống nhất tiếp thu chỉnh sửa, không có vướng mắc trong quá trình tổ chức thiết kế, hoàn thiện hồ sơ để thẩm duyệt và nghiệm thu về PCCC.

Ban hành Công văn số 6708/UBND-KT ngày 15/9/2023 và Công văn số 6766/UBND-KT ngày 18/9/2023 về tăng cường công tác quản lý về PCCC trên địa bàn tỉnh, qua đó chỉ đạo Công an tỉnh phối hợp các đơn vị liên quan thực hiện tổng kiểm tra, rà soát các điều kiện an toàn PCCC và CNCH trên địa bàn tỉnh Bình Định. Thành lập 01 đoàn liên ngành tổ chức kiểm tra đối với các cơ sở trên địa bàn (*thành phần gồm Công an tỉnh, Sở Xây dựng, Công ty Điện lực Bình Định*); bên cạnh đó, thành lập 01 đoàn kiểm tra, giám sát việc thực hiện Công điện Công điện số 825/CD-TTg của các đơn vị, địa phương. Kiểm tra 14 nhà chung cư, 1.137 cơ sở kinh doanh cho thuê trọ, 812 nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh hàng hóa có nguy cơ cháy, nổ cao; hoàn thành việc kiểm tra 100% đối tượng rà soát, cụ thể: ⁽¹⁾ *Chung cư*: Đã kiểm tra 14/14 lượt cơ sở, phát hiện, xử phạt 06 trường hợp vi phạm với số tiền 105 triệu đồng. ⁽²⁾ *Nhà trọ*: Đã kiểm tra 1.137/1.137 lượt cơ sở, phát hiện, xử phạt 01 trường hợp với số tiền 45 triệu đồng²⁸. ⁽³⁾ Nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh hàng hóa có nguy cơ cháy, nổ cao: Đã kiểm tra 812/812 lượt cơ sở, không có trường hợp xử lý vi phạm hành chính. Qua kiểm tra, đã kịp thời tuyên truyền, nhắc nhở các chủ cơ sở, các tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm các quy định về PCCC, khắc phục ngay những tồn tại mà Đoàn kiểm tra đã chỉ ra.

*** Công tác triển khai thực hiện Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định xử lý các cơ sở không đảm bảo yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh Bình Định được đưa vào sử dụng trước ngày Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 có hiệu lực (*viết tắt Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND*)**

Ngày 19/6/2022, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 126/KH-UBND về triển khai thực hiện Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, Công an tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 2463/KH-CAT-PC07 ngày 23/9/2022 triển khai Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND, Công văn số 1946/CAT-PC07 ngày 23/6/2023 về hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND; Công văn số 109/CAT-PC07 ngày 10/01/2024 về đôn đốc triển khai thực hiện Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND... Thành lập Đoàn công tác tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về phòng cháy, chữa cháy với 04 tổ tại Quyết định số 966/QĐ-CAT-PC07 ngày 26/3/2024 của Giám đốc Công an tỉnh.

²⁸ Nội dung tồn tại, vi phạm: 01/1.137 công trình xây dựng không phép; 01/01 công trình vi phạm việc đưa hạng mục công trình, công trình, phương tiện giao thông cơ giới vào sử dụng, hoạt động khi chưa có giấy chứng nhận hoặc văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.

Qua rà soát, thống kê trên địa bàn tỉnh có 78 cơ sở²⁹ (trong đó có 01 cơ sở đã ngừng hoạt động) chưa đảm bảo yêu cầu về PCCC đưa vào hoạt động trước ngày Luật PCCC có hiệu lực. Quá trình kiểm tra an toàn PCCC và CNCH, lực lượng Công an đã hướng dẫn 100% cơ sở thực hiện các giải pháp khắc phục. Có 22/78³⁰ cơ sở đã hoàn thành khắc phục các nội dung không đảm bảo yêu cầu về PCCC (chiếm 28,2%), 56/78³¹ cơ sở đang khắc phục (chiếm 71,8%³² - có phụ lục kèm theo).

b) Công tác tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC và CNCH

Tiếp tục thực hiện Đề án “Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và kiến thức, kỹ năng về PCCC và CNCH đáp ứng yêu cầu tình hình mới” và thực hiện công tác tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC và CNCH năm 2024. Tăng cường tuyên truyền, kiểm tra về PCCC khu dân cư, hộ gia đình, nhà để ở kết hợp sản xuất, kinh doanh. Tổ chức 60 lớp huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH cho 7.718 người tham gia, cấp 6.846 chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC. Xây dựng 03 mẫu tờ rơi, 01 clip, 01 file MP3 tuyên truyền PCCC truyền tải đến hơn 150.000 lượt người; tuyên truyền qua đài, truyền hình, loa phát thanh hơn 12.000 lượt; qua mạng xã hội Zalo và Facebook tiếp cận đến 62.400 lượt người; tuyên truyền trên bảng điện tử 15 lượt; tuyên truyền, tập huấn kỹ năng về PCCC và CNCH trực tiếp 1.382 lượt với 162.906 lượt người nghe; phát 99.500 tờ rơi tuyên truyền về PCCC; in và phát 10.000 bao lì xì dịp Tết Nguyên đán gắn liền với nội dung tuyên truyền về PCCC. Tổ chức 26 lượt chương trình “Một ngày làm

²⁹ Phân tích 78 cơ sở:

- Theo địa bàn hành chính cấp huyện: Thành phố Quy Nhơn 24, thị xã An Nhơn 08, thị xã Hoài Nhơn 04, huyện Tuy Phước 07, huyện Tây Sơn 15, huyện Vân Canh 02, huyện Vĩnh Thạnh 03, huyện Phù Cát 04, huyện Phù Mỹ 04, huyện Hoài Ân 05, huyện An Lão 02.

- Theo loại hình cơ sở: Văn phòng, trụ sở làm việc 12; trường học, cơ sở giáo dục 31; cơ sở công nghiệp, sản xuất 15; bệnh viện, cơ sở y tế 04; chợ 07; khách sạn, cơ sở lưu trú 01; cơ sở khác 08.

- Theo nguồn vốn đầu tư: Ngân sách nhà nước 59, ngoài ngân sách nhà nước 19.

- Nội dung chưa đảm bảo yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy: Đường, bãi đỗ xe chữa cháy 06; khoảng cách an toàn phòng cháy và chữa cháy 11; bậc chịu lửa công trình 08; ngăn cháy lan 12; thoát nạn của công trình 20; trang bị hệ thống báo cháy, chữa cháy 72; hệ thống kỹ thuật liên quan 25.

- Về đánh giá khả năng khắc phục (không bao gồm cơ sở ngừng hoạt động): có khả năng khắc phục 74 cơ sở, khó khắc phục 03 cơ sở (chợ Vân Canh, chợ Bình Dương và chợ Phù Mỹ vì các hạng mục công trình đã xuống cấp, thiếu quỹ đất, thiếu kinh phí)

³⁰ Nguồn ngân sách khắc phục 22/78 cơ sở: Ngân sách nhà nước 19 cơ sở; ngoài ngân sách 03 cơ sở. Tổng dự toán kinh phí đã khắc phục khoảng 246.436.874.109 đồng; trong đó, ngân sách nhà nước khoảng 246.128.874.109 đồng, ngoài ngân sách khoảng 308.000.000 đồng.

³¹ - Phân tích 56/78 cơ sở đang khắc phục: 01 cơ sở ngừng hoạt động; 40 cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước; 15 cơ sở ngoài ngân sách; 35/55 cơ sở chưa hoàn thành việc xây dựng dự toán kinh phí.

- Đối với 40 cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước để khắc phục: 15 cơ sở đã lập dự toán kinh phí khắc phục khoảng trên 211 tỷ đồng; 25 cơ sở chưa lập dự toán kinh phí.

- Loại hình: Văn phòng, trụ sở làm việc 11 cơ sở; trường học, cơ sở giáo dục 17 cơ sở; bệnh viện, cơ sở y tế 04 cơ sở; chợ 06 cơ sở; cơ sở khác 02 cơ sở.

³² Trong đó: 05 công trình đã được thẩm duyệt thiết kế về PCCC; 01 công trình đã hoàn thành việc lắp đặt hệ thống PCCC, đang hoàn công hồ sơ.

lính chữa cháy” cho các cấp mầm non, tiểu học trên địa bàn tỉnh với 3.400 người tham gia, qua đó hướng dẫn các biện pháp phòng cháy, kỹ năng xử lý khi có cháy xảy ra và gắn liền với hướng dẫn các biện pháp phòng chống đuối nước; ngoài ra, tổ chức nhiều diễn đàn truyền thông PCCC và CNCH cho các trường tiểu học, trung học trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

- Chú trọng xây dựng phong trào toàn dân PCCC và CNCH; nhân rộng và duy trì các mô hình, hoạt động có hiệu quả trong công tác PCCC và CNCH tại cơ sở, khu dân cư³³. Triển khai thực hiện Kế hoạch số 58/KH-BCA-C07 ngày 02/02/2024 của Bộ Công an về tổ chức Hội thi nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ “Tổ liên gia an toàn phòng cháy, chữa cháy” toàn quốc năm 2024 (*tổ chức 01 Hội thi cấp tỉnh và 11/11 huyện, thị xã, thành phố*).

c) *Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về PCCC và CNCH*: Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tăng cường công tác nắm tình hình các cơ sở thuộc diện quản lý Nhà nước về PCCC và CNCH; tổ chức kiểm tra an toàn PCCC và CNCH định kỳ, đột xuất theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, Nghị định số 50/2024/NĐ-CP. Đã tổ chức kiểm tra định kỳ 1.994 lượt cơ sở, kiến nghị 358 vấn đề còn tồn tại; kiểm tra 05 địa điểm sử dụng vật liệu nổ công nghiệp. Các cơ quan chức năng đã xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực PCCC và CNCH đối với 56 trường hợp, phạt tiền hơn 910 triệu đồng; tạm đình chỉ hoạt động 18 cơ sở; đình chỉ hoạt động 25 cơ sở; phục hồi hoạt động 02 cơ sở. Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan duy trì phối hợp chặt chẽ trong công tác điều tra, giải quyết cháy, nổ theo đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định.

d) *Công tác thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về PCCC; cấp phép về PCCC*

Triển khai thực hiện nghiêm công tác thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về PCCC theo quy định tại Luật PCCC năm 2001, Nghị định số 136/2020/NĐ-CP Chính phủ về tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến lĩnh vực PCCC và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ của các ngành liên quan. Trong quá trình thực hiện đã chủ động kiến nghị, nhắc nhở chủ đầu tư và các đơn vị liên quan điều chỉnh các giải pháp liên quan đến an toàn PCCC ngay từ giai đoạn thiết kế, thi công để đảm bảo hồ sơ thiết kế đúng quy định. Tuy nhiên, một số cơ quan, tổ chức, cơ sở, chủ hộ gia đình, cá nhân còn chủ quan trong việc chấp hành các quy định pháp luật về PCCC,

³³ Đến nay, Công an cấp xã đã tham mưu UBND cùng cấp xây dựng và ra mắt 380 mô hình “Tổ liên gia an toàn PCCC”, 195 mô hình “Điểm chữa cháy công cộng”. Ngoài ra, tiếp tục quản lý, hoạt động 66 mô hình “Khu dân cư an toàn PCCC”, “Khu dân cư 03 phòng, 03 biết về PCCC”, “Liên thôn thực hiện tốt phong trào 3 phòng, 3 biết về an toàn phòng cháy, chữa cháy” khác; tổ chức thực tập tại 380/380 mô hình tổ liên gia. Đẩy mạnh công tác vận động trang bị bình chữa cháy và tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về PCCC và CNCH tại hộ gia đình, nhà để ở kết hợp sản xuất, kinh doanh (523.559 lượt cá nhân/427.765 hộ gia đình có tối thiểu 01 người được tập huấn kiến thức PCCC, đạt 122%; 360.605/427.765 hộ gia đình tự trang bị bình chữa cháy, đạt 84%; 100% nhà ở từ 02 tầng trở lên có lối thoát nạn thứ 2). Tiếp tục nâng cao vai trò của lực lượng tại chỗ trong công tác PCCC và CNCH.

chỉ chú trọng đến lợi nhuận, cắt giảm chi phí đầu tư PCCC hoặc trang bị, lắp đặt phương tiện không đảm bảo chất lượng, số lượng theo đúng quy định. Đến nay có 13/16 công trình hoàn thành việc khắc phục các tồn tại trong quá trình lập hồ sơ thiết kế, thi công PCCC. Trong kỳ, đã tiếp nhận, giải quyết và cấp 160 văn bản thẩm duyệt thiết kế về PCCC, 56 văn bản góp ý thiết kế cơ sở, 05 văn bản góp ý quy hoạch, 03 văn bản chấp thuận địa điểm xây dựng, 91 văn bản nghiệm thu về PCCC; 105 Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ; 23 Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC; 01 Chứng chỉ hành nghề tư vấn về PCCC. Tổ chức 01 lượt tập huấn công tác thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về PCCC năm 2024 với 33 đồng chí cán bộ đang thực hiện và dự kiến thực hiện công tác thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về PCCC.

e) Công tác chữa cháy, CNCH

- Công tác huấn luyện nghiệp vụ và thường trực chữa cháy và CNCH

Chỉ đạo lực lượng Công an ban hành kế hoạch huấn luyện nghiệp vụ hàng năm; thường xuyên chỉnh lý, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện giáo án huấn luyện đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế. Nâng cao hiệu quả công tác huấn luyện và kiểm tra đánh giá chất lượng huấn luyện nghiệp vụ; đảm bảo 100% lãnh đạo và cán bộ chiến sỹ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phải tham gia bảo đảm số giờ huấn luyện theo quy định; 100% nội dung đưa vào huấn luyện đều được kiểm tra, đánh giá. Ngoài ra, tổ chức huấn luyện kỹ năng chữa cháy và CNCH thường xuyên cho CBCS thuộc lực lượng Cảnh sát cơ động năm 2024. Công tác thường trực sẵn sàng chữa cháy và CNCH bảo đảm theo quy định, không để bị động, bất ngờ và giải quyết kịp thời, hiệu quả các tình huống cháy, nổ, sự cố, tai nạn xảy ra nhất là trong thời gian diễn ra các ngày Lễ, Tết... Tiếp nhận, xử lý đảm bảo 100% thông tin báo cháy, sự cố, tai nạn; triển khai 165 lượt xe cùng 1.025 lượt CBCS trực tiếp tham gia xử lý các vụ cháy, sự cố cháy và CNCH kịp thời, hiệu quả đảm bảo theo đúng quy định. 100% các vụ cháy, sự cố, tai nạn có lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH tham gia xử lý đều được tổ chức họp rút kinh nghiệm và báo cáo kịp thời, đầy đủ theo quy định. Tổ chức điều tra, khảo sát, thống kê, lập danh sách, xây dựng hoàn thiện sơ đồ, mạng lưới giao thông, hệ thống cấp nước PCCC theo địa bàn đề chủ động phương án khai thác, sử dụng khi có cháy, nổ, sự cố, tai nạn xảy ra đảm bảo kịp thời và hiệu quả³⁴.

- Công tác xây dựng, thực tập phương án chữa cháy và CNCH

³⁴ Công an tỉnh ban hành Công văn số 2087/PC07-Đ3 ngày 10/11/2023 gửi 04 đơn vị cấp nước trên địa bàn tỉnh (Công ty cổ phần cấp thoát nước Bình Định, Nhà máy nước sạch Phù Mỹ, Xí nghiệp kinh doanh và phát triển hạ tầng Pisico, Trung tâm nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Bình Định) về rà soát, khắc phục hư hỏng của một số trụ nước chữa cháy trên địa bàn tỉnh; hiện nay, 04 đơn vị trên đã có văn bản triển khai và tổ chức kiểm tra thực tế các trụ nước chữa cháy hư hỏng.

UBND tỉnh đã phê duyệt 02 phương án chữa cháy, 01 phương án CNCH huy động nhiều lực lượng; Ban Chỉ đạo PCCC và CNCH tỉnh đã tổ chức thực tập 02 phương án chữa cháy và CNCH phối hợp nhiều lực lượng tại Khách sạn Fleur De Lys (phường Lê Lợi, thành phố Quy Nhơn) và Cảng cá Quy Nhơn (phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn). Hoàn thiện dự thảo 02 phương án chữa cháy huy động nhiều lực lượng đối với Khách sạn Anya Premier và Trung tâm thương mại Hoàn Cầu Quy Nhơn. Chỉ đạo các lực lượng liên quan tổ chức diễn tập ứng phó sự cố chìm tàu vận tải biển và sự cố tràn dầu trong diễn tập phòng thủ dân sự tỉnh năm 2023; diễn tập phương án phòng, chống tập trung đông người gây rối ANTT, bạo loạn năm 2023. Tiếp nhận phê duyệt 248 phương án chữa cháy cơ sở; xây dựng, phê duyệt 254 phương án chữa cháy của cơ quan Công an, 298 phương án CNCH; tổ chức thực tập 112 phương án chữa cháy, 79 phương án CNCH, 32 phương án chữa cháy khu dân cư; hướng dẫn cơ sở tự tổ chức thực tập hơn 1.500 lượt.

- *Công tác cải cách hành chính*: Thực hiện nghiêm túc việc tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính trong lĩnh vực PCCC đảm bảo công khai, minh bạch, thuận lợi, không gây phiền hà, sách nhiễu doanh nghiệp và người dân. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động và triển khai hiệu quả việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực PCCC thuộc thẩm quyền giải quyết; tập trung giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng thời gian theo quy định hiện hành và Quyết định số 4147/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của UBND tỉnh về ban hành Quy chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường và phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn tỉnh Bình Định. Trong kỳ, lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH đã tiếp nhận trực tuyến 1.680/1.682 hồ sơ (đạt 99,8%), tiếp nhận trực tiếp 02/1.680 hồ sơ (*hồ sơ liên quan đến quốc phòng, an ninh*).

f. Nhận xét, đánh giá

- Ưu điểm

UBND tỉnh đã chỉ đạo sở, ban, ngành địa phương nói chung, lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH nói riêng tăng cường công tác nắm tình hình để tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương các cấp trên lĩnh vực PCCC và CNCH. Tập trung quản lý địa bàn, lĩnh vực, cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC theo đúng quy định; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tập huấn, trải nghiệm kiến thức, kỹ năng về PCCC và CNCH tại hộ gia đình gắn liền với vận động trang bị bình chữa cháy xách tay; củng cố các mô hình “Tổ liên gia an toàn PCCC”; duy trì việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính; chú trọng công tác xây dựng và thực tập phương án chữa cháy tại các cơ sở nguy hiểm cháy, nổ, khu dân cư nguy cơ cháy, nổ cao, phương án CNCH; tổ chức thực hiện tốt công tác thường trực sẵn sàng chiến đấu, triển khai lực lượng, phương tiện kịp thời ngăn chặn và xử lý có hiệu quả các vụ cháy trên

địa bàn; đảm bảo an toàn tuyệt đối các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội diễn ra trên địa bàn tỉnh.

- Không xảy ra các vụ cháy lớn; số người chết, số người bị thương và tài sản thiệt hại trong các vụ cháy và số vụ sự cố, tai nạn, số người chết, số người bị thương trong các vụ sự cố tai nạn giảm so với cùng kỳ trước khi ban hành nghị quyết³⁵.

- Công tác kiểm tra, hướng dẫn và kiến nghị khắc phục những tồn tại, bất cập trong công tác bảo đảm PCCC và CNCH được quan tâm, chú trọng, thực hiện kịp thời và thường xuyên. Đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian giải quyết công việc, tạo thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp và Nhân dân.

- Tồn tại, hạn chế

- Việc vận động trang bị bình chữa cháy tại hộ gia đình đã được các đơn vị, địa phương đẩy mạnh triển khai bằng nhiều hình thức; tuy nhiên chưa đảm bảo 100% hộ gia đình trang bị tối thiểu 01 bình chữa cháy. Nguồn kinh phí cho công tác xây dựng phong trào toàn dân PCCC vẫn còn nhiều hạn chế, hạn hẹp; một số địa phương chưa bố trí kinh phí cho hoạt động PCCC hoặc có bố trí nhưng phục vụ chung cho công tác đảm bảo ANTT.

- Đa số cơ sở chưa đảm bảo yêu cầu về PCCC thuộc loại hình cơ quan nhà nước, trường học, chợ dân sinh được xây dựng trước khi Luật PCCC năm 2001 có hiệu lực chưa bố trí được nguồn kinh phí để khắc phục các tồn tại về PCCC (*có phụ lục kèm theo*). Tình trạng cơ sở thuộc diện thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về PCCC hoàn thành khắc phục tồn tại về PCCC chiếm tỉ lệ thấp.

- Hiện nay, số lượng phương tiện chữa cháy và CNCH được trang bị chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trước xu thế phát triển kinh

³⁵ - Tình hình cháy: xảy ra 50 vụ cháy³⁵ (có 15 vụ cháy nhỏ không gây thiệt hại về tài sản, 04 vụ cháy nhỏ gây thiệt hại dưới 02 triệu đồng, 21 vụ cháy trung bình, không có vụ cháy lớn; đa số các vụ cháy là thực bì, rom, chập điện trong nhà ở hộ gia đình), thiệt hại về tài sản ước tính khoảng 5.254,06 triệu đồng và 43,847 ha rừng. So với cùng kỳ trước khi ban hành Nghị quyết, số vụ cháy tăng 17 vụ (50/33 vụ); số người chết giảm 01 người (00/01 người), số người bị thương giảm 01 người (00/01 người); thiệt hại về tài sản giảm 23.594,34 triệu đồng (5.254,06/28.848,4 triệu đồng). Nguyên nhân các vụ cháy: Đã điều tra làm rõ nguyên nhân 32 vụ (chiếm 64%); trong đó: Sự cố hệ thống, thiết bị điện 20 vụ (chiếm 40%); Sơ suất, bất cẩn trong sử dụng lửa, nhiệt 08 vụ (chiếm 16%); Sự cố kỹ thuật 03 vụ (chiếm 6%); Vi phạm quy định phòng cháy, chữa cháy 01 vụ (chiếm 2%). Đang tiếp tục điều tra làm rõ 18 vụ.

- Tình hình nổ: Không xảy ra.

- Tình hình cứu nạn, cứu hộ: xảy ra 16 vụ sự cố, tai nạn (tai nạn giao thông, tai nạn lao động, đuối nước, mất kết thang máy); làm chết 10 người, bị thương 03 người. Lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH đã trực tiếp tham gia 13 vụ CNCH (03 vụ còn lại do lực lượng tại chỗ xử lý); đưa 07 người bị nạn đến khu vực an toàn, tìm được 07 thi thể bàn giao cho cơ quan chức năng, 03 thi thể được quần chúng nhân dân tìm kiếm. So với cùng kỳ trước khi ban hành Nghị quyết, số vụ cứu nạn, cứu hộ giảm 09 vụ (16/25 vụ), số người chết giảm 11 người (10/21 người), số người bị thương giảm 10 người (03/13 người).

tế, xã hội trên địa bàn tỉnh³⁶. Trụ sở, doanh trại làm việc của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH một số đơn vị chưa đảm bảo³⁷.

- Quá trình đầu tư hạ tầng cấp nước PCCC tại một số đô thị, cụm công nghiệp chưa đồng bộ, có địa bàn chưa xây dựng hệ thống cấp nước PCCC và có khu vực lắp đặt trụ nước chữa cháy không đảm bảo khoảng cách theo quy định; một số nguồn nước tự nhiên có sẵn như ao, hồ, sông ngòi... với lượng nước đảm bảo phục vụ cho công tác chữa cháy nhưng chưa có bên lấy nước để phương tiện chữa cháy có thể tiếp cận.

- Nguyên nhân

- Quá trình phát triển kinh tế, xã hội diễn ra nhanh, nhiều cơ sở nguy hiểm cháy, nổ được đầu tư, xây dựng với đa lĩnh vực, đa ngành nghề dẫn đến nguy cơ xảy ra cháy ngày càng cao; đồng thời, việc đầu tư xây dựng hạ tầng PCCC và CNCH chưa đồng bộ với tốc độ phát triển kinh tế nên việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ về PCCC và CNCH còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu thực hiện công tác.

- Điều kiện thực tế đời sống người dân một số vùng của tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, chưa có nguồn kinh phí để trang bị đầy đủ bình chữa cháy tại hộ gia đình; việc đầu tư trang bị chủ yếu xuất phát từ hoạt động xã hội hóa. Kiến thức pháp luật về PCCC một bộ phận người dân còn hạn chế, chủ quan, lơ là, vi phạm quy định về PCCC để xảy ra.

- Nguồn kinh phí để khắc phục đối với các cơ sở chưa đảm bảo yêu cầu về PCCC và CNCH rất lớn và phải có dự toán kinh phí phù hợp, đảm bảo để thực hiện các nội dung khắc phục, nhất là đối với các cơ sở thuộc loại hình cơ quan nhà nước, trường học, chợ dân sinh phụ thuộc vào việc sử dụng nguồn ngân sách nhà nước.

g) Kiến nghị, đề xuất: Đề xuất HĐND tỉnh quan tâm bố trí kinh phí để hỗ trợ cho hoạt động PCCC và CNCH, đầu tư trang cấp các trang thiết bị, phương tiện chữa cháy và CNCH cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH; kinh phí hỗ trợ việc khắc phục những tồn tại về PCCC đối với những cơ sở hoạt động trước Luật

³⁶ Số lượng xe chữa cháy và CNCH đã sử dụng trên 15 năm, xe chất lượng kém, trung bình chiếm khoảng 37% tổng số xe; dẫn đến, khi xảy ra cháy lớn, thời gian chữa cháy kéo dài các phương tiện trên hoạt động hạn chế. Bên cạnh đó, trên địa bàn tỉnh có 49 công trình cao tầng từ 09 tầng trở lên, trong khi số xe thang trên địa bàn tỉnh với chiều cao tối đa 32m (*tuong đương 08 tầng*); số lượng xe chữa cháy có công suất lớn (*xe trạm bơm*) được trang bị chưa đáp ứng được yêu cầu, hiện Công an tỉnh có 03 xe đã qua sử dụng của Nhật Bản, trong đó có 02 xe đã hư hỏng không thể khắc phục được, còn lại 01 xe đã hoạt động trên 20 năm thường xuyên hư hỏng, hiệu quả hoạt động kém. Với thực tế trên, khi xảy ra cháy, nổ đối với các công trình cao tầng, lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận, xử lý tình huống.

³⁷ Một số đơn vị có cơ sở hạ tầng, trụ sở bị xuống cấp, nguồn ngân sách sửa chữa, xây dựng còn hạn chế; có đơn vị còn mượn hoặc sử dụng chung cơ sở hạ tầng của đơn vị khác; cơ sở vật chất chưa đáp ứng được yêu cầu phục vụ tập luyện (*không đảm bảo sân tập, tháp tập, bể bơi...*). Từ những khó khăn trên đã ảnh hưởng không nhỏ đến sinh hoạt và công tác thường trực chiến đấu cũng nhưng quá trình nâng cao năng lực, trình độ của CBCS

PCCC, cơ sở khó khắc phục nhất là trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị xã hội, chung cư cũ, chợ.

h) Một số giải pháp trong thời gian tới

- Tiếp tục rà soát, bổ sung hoàn thiện các phương án xử lý tình huống cháy, nổ, sự cố, tai nạn, nhất là phương án đối với các cơ sở trọng điểm, nguy hiểm về cháy, nổ. Đảm bảo công tác thường trực sẵn sàng chữa cháy, CNCH; tăng cường kiểm tra, chấn chỉnh công tác thường trực, huấn luyện và quản lý phương tiện chữa cháy và CNCH theo quy định. Tổ chức tiếp nhận, xử lý thông tin và triển khai các hoạt động chữa cháy, CNCH đối với các vụ cháy, sự cố, tai nạn đúng quy định và đảm bảo hiệu quả cao nhất.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Chú trọng công tác xây dựng phong trào toàn dân PCCC và CNCH; củng cố, duy trì phát huy hoạt động có hiệu quả mô hình “Tổ liên gia an toàn PCCC” và “Điểm chữa cháy công cộng” tại các khu dân cư; phân đấu hoàn thành vận động các hộ gia đình tự trang bị tối thiểu 01 bình chữa cháy xách tay.

- Tiếp tục hướng dẫn khắc phục đối với các cơ sở chưa đảm bảo yêu cầu về PCCC đưa vào hoạt động trước ngày Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 có hiệu lực; các cơ sở còn tồn tại, vi phạm trong công tác PCCC và CNCH. Đối với các cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước còn tồn tại, chưa có phương án khắc phục, chưa lập dự toán kinh phí, trong phạm vi quản lý của các sở, ban, ngành, địa phương tập trung chỉ đạo rà soát, kiểm tra, theo dõi, đôn đốc, chủ trì, phối hợp với cơ quan Công an quản lý xây dựng phương án khắc phục; nhanh chóng lập dự toán và đề xuất kinh phí đầu tư, khắc phục các tồn tại về PCCC. Đối với các cơ sở ngoài ngân sách còn tồn tại, lực lượng Công an chủ động kiểm tra, hướng dẫn thực hiện đảm bảo phương án khắc phục; trường hợp cơ sở không có khả năng khắc phục, hướng dẫn phải giảm quy mô hoặc thay đổi tính chất sử dụng công trình đảm bảo quy định. Việc hướng dẫn thể hiện bằng biên bản, thống nhất thời hạn hoàn thành và có cam kết thực hiện; quá thời hạn cam kết, sẽ tiến hành xử lý nghiêm theo quy định.

E. NGHỊ QUYẾT SỐ 45/NQ-HĐND NGÀY 14/7/2023 KẾT QUẢ GIÁM SÁT VIỆC TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ UY TÍN TRONG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRONG NĂM 2022 THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 12/2018/QĐ-TTG NGÀY 06/3/2018 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ.

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Về hướng dẫn việc cấp phát, thanh quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ

a) Công tác chỉ đạo, hướng dẫn

Thực hiện Nghị quyết số 39/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 84/2022/QĐ-UBND quy định một số chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Bình Định, trong đó có nội dung người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số được hỗ trợ 500.000 đồng/tháng; đồng thời giao Ban Dân tộc là cơ quan chủ trì tổ chức triển khai chính sách, có trách nhiệm xây dựng kế hoạch hàng năm, kiểm tra, theo dõi, đôn đốc việc tổ chức thực hiện chính sách.

Ban Dân tộc phối hợp với Sở Tài chính có văn bản hướng dẫn UBND các huyện triển khai thực hiện như: Công văn số 182/BDT-CS ngày 11/4/2023 của Ban Dân tộc về việc triển khai thực hiện một số chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 84/2022/QĐ-UBND; Công văn số 1875/STC-QLNS ngày 13/6/2023 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn triển khai thực hiện một số chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 84/2022/QĐ-UBND.

b) Kết quả thực hiện

Qua báo cáo kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ cho người có uy tín theo Nghị quyết số 39/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh của UBND các huyện cấp cho 121 người có uy tín, số tiền 672.000.000 đồng. (Kèm theo biểu mẫu).

2. Về trang bị phương tiện nghe nhìn phù hợp cho người có uy tín

Năm 2023, không có kinh phí của tỉnh thực hiện theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

Về kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 tại Tiểu Dự án 1 thuộc Dự án 10 được cấp 717 triệu đồng có 02 nội dung (nội dung số 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín và nội dung số 2: Phổ biến giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số) không đủ để thực hiện việc trang bị phương tiện nghe nhìn phù hợp (như Radio) cho người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Vì vậy, Ban Dân tộc chưa thực hiện nội dung trang bị phương tiện nghe nhìn cho người có uy tín.

3. Về phối hợp giữa cấp uỷ, chính quyền cấp xã với người có uy tín trong tiếp cận thông tin và tuyên truyền vận động cộng đồng dân cư thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước

Trong năm, UBND tỉnh giao Ban Dân tộc xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Định (Nội dung số 2, Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 10) tại 07 thôn, làng, khu phố tại huyện Vân Canh và Hoài Ân; Hội nghị phổ biến thông tin, tuyên truyền; Hội nghị tập huấn bồi dưỡng kỹ năng truyền thông, vận động tư vấn cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền pháp luật về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại 13 xã, thị trấn thuộc các huyện An Lão, Vân Canh, Vĩnh Thạnh đều có người uy tín tham dự.

4. Về rà soát bổ sung, đưa ra khỏi danh sách người có uy tín

Giai đoạn 2023 – 2027, trên địa bàn tỉnh có 121 người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, thuộc 06 huyện Vân Canh (28 người), Vĩnh Thạnh (31 người), An Lão (40 người), Hoài Ân (13 người), Tây Sơn (7 người), Phù Cát (2 người).

Số người uy tín thay thế, bổ sung năm 2023: 01 người Làng Canh phước, xã Canh Hoà, huyện Vân Canh (Quyết định số 3007/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 -2027 theo Quyết định 4225/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của UBND tỉnh).

5. Về phần kiến nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg

Trong các báo cáo của Ban Dân tộc đã kiến nghị Chính phủ:

- Nâng định mức thực hiện chế độ thăm hỏi, gặp gỡ, tặng quà người có uy tín khi lễ, tết; hỗ trợ vật chất khi ốm đau, gặp khó khăn, hoạn nạn để động viên, khuyến khích người có uy tín hoạt động;

- Bỏ quy định thủ tục hành chính đối với việc công nhận và đưa ra khỏi danh sách người có uy tín;

- Bổ sung quy định UBND cấp xã được thực hiện thăm hỏi, hỗ trợ người có uy tín khó khăn.

Đến nay Chính phủ ban hành Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số và đã nâng các định mức thăm hỏi; tuy nhiên quy định thủ tục hành chính đối

với việc công nhận và đưa ra khỏi danh sách người có uy tín vẫn còn thực hiện

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VÀ NHỮNG KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ

1. Đánh giá chung

Chính sách hỗ trợ người có uy tín thời gian qua, đã phát huy hiệu quả vai trò của người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh trong công tác tuyên truyền, vận động và gương mẫu thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Định.

2. Khó khăn, hạn chế

- Việc quy định thủ tục hành chính công nhận và đưa ra khỏi danh sách người có uy tín là chưa phù hợp cần đơn giản hóa trong giải quyết thủ tục hành chính hiện nay.

- Một số người có uy tín tuổi cao, sức yếu, có hoàn cảnh gia đình khó khăn; hoạt động chủ yếu bằng kinh nghiệm thực tiễn, tầm ảnh hưởng của mình trong cộng đồng dân tộc thiểu số, khả năng tuyên truyền, giải thích, thuyết phục chưa cao nên chưa phát huy tốt vai trò của mình tại địa phương.

F. NGHỊ QUYẾT SỐ 98/NQ-HĐND NGÀY 06/12/2023 VỀ KẾT QUẢ GIÁM SÁT CÔNG TÁC QUY HOẠCH, ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÀ GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT TẠI CÁC KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH.

I. HIỆN TRẠNG ĐẦU TƯ, PHÁT TRIỂN KHU, CCN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Đối với khu công nghiệp (KCN)

Theo Phương án phát triển các KCN tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050, trên địa bàn tỉnh có 15 KCN với tổng diện tích 6.714,1 ha. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 07 KCN đã đi vào hoạt động, với tổng diện tích hơn 2.850 ha; trong đó, có 03 KCN trong Khu kinh tế Nhơn Hội; 02 KCN Phú Tài, Long Mỹ đã lấp đầy.

Tính đến nay, các KCN đang hoạt động trên địa bàn tỉnh đã thu hút 328 dự án, đạt tỷ lệ lấp đầy khoảng 36,7% diện tích.

TT	KCN	Diện tích QH (ha)	DT đất CN cho thuê (ha)	Đầu tư HTKT	Tỷ lệ lấp đầy
-----------	------------	--------------------------	--------------------------------	--------------------	----------------------

TT	KCN	Diện tích QH (ha)	DT đất CN cho thuê (ha)	Đầu tư HTKT	Tỷ lệ lấp đầy
1	Phú Tài	339,9	252,6	100%	100%
2	Long Mỹ	117,7	95,4	100%	100%
3	Nhon Hòa	282,0	174,2	84%	85%
4	Nhon Hội A	394,1	293,2	100%	56,6%
5	Nhon Hội B	451,9	334,0	7%	6,9%
6	Hòa Hội	266,1	211,5	64%	8,6%
7	Becamex	1.000,0	653,6	20%	6,2%
Tổng cộng		2.851,6	2.021,2	-	36,7%

2. Đối với cụm công nghiệp (CCN)

Theo Phương án phát triển CCN tỉnh Bình Định, đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh có 68 CCN với tổng diện tích 3.470 ha, bình quân 51 ha/CCN. Trong 6 tháng đầu năm 2024, UBND tỉnh đồng ý chủ trương thành lập 04 CCN³⁸, mở rộng 02 CCN³⁹. Đến nay, có 46/68 CCN với tổng diện tích 1.525 ha được quyết định thành lập (trong đó, có 18 CCN⁴⁰ với diện tích 602,9 ha do các doanh nghiệp (DN) làm chủ đầu tư và 31 CCN với diện tích 922,1 ha do các đơn vị thuộc UBND cấp huyện làm chủ đầu tư⁴¹); có 45/68 CCN với tổng diện tích 1.570,0 ha được phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500, diện tích đất công nghiệp 1.100,1 ha.

Đến nay trên địa bàn tỉnh có 37/46 CCN đi vào hoạt động với tổng diện tích đất công nghiệp 922,7 ha; các CCN đã thu hút 380 dự án đăng ký đầu tư với diện tích đất thuê và có chủ trương đầu tư 738,2 ha, đạt tỷ lệ lấp đầy bình quân các CCN đã đi vào hoạt động 80%⁴²; bình quân 1,9 ha/dự án, chủ yếu các ngành nghề thế mạnh của tỉnh⁴³; trong đó, có 250 dự án đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh; tổng vốn đầu tư của các dự án trong các CCN 16.548,2 tỷ đồng, vốn thực hiện 8.647,4 tỷ đồng, đạt 52,3% với suất đầu tư bình quân 43,5 tỷ đồng/dự án... phù hợp với mục tiêu đầu tư xây dựng CCN.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

³⁸ CCN Qui Hội diện tích 53 ha; CCN Bình Thành diện tích 75 ha; CCN Trung Hiệp diện tích 61; CCN Trung Thành diện tích 75 ha.

³⁹ CCN TT Vân Canh được UBND tỉnh đồng ý chủ trương mở rộng từ 37 ha lên 75 ha; CCN Tà Súc được UBND tỉnh đồng ý chủ trương mở rộng từ 35,7 ha lên 70,7 ha.

⁴⁰ Công ty cổ phần Năng lượng và bất động sản Trường Thành đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương chấm dứt hoạt động dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh HTKT CCN Cát Hiệp, huyện Phù Cát tại Văn bản số 2992/UBND-KT ngày 23/4/2024

⁴¹ Trong đó có 03 CCN: Bình Nghi, Gò Cây và Tà Súc có 2 giai đoạn.

⁴² Diện tích đã cho thuê 566,7 ha, đạt tỷ lệ lấp đầy bình quân các CCN đi vào hoạt động 62,7%

⁴³ Chế biến nông lâm thủy hải sản; cơ khí; bao bì các loại; may mặc; vật liệu xây dựng, sản xuất hàng kim loại đan nhựa giả mây, sản xuất sản phẩm, phụ tùng, lắp ráp và sửa chữa máy móc, thiết bị phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 98/NQ-HĐND NGÀY 06/12/2023 CỦA HĐND TỈNH

1. Phương án phát triển CCN tỉnh Bình Định đến năm 2030

1.1. Để góp phần đảm bảo diện tích đất sẵn sàng thu hút các dự án mới trong thời gian tới; trên cơ sở đề xuất của các địa phương, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Công Thương rà soát, bổ sung 19 CCN với tổng diện tích 1.244,4 ha vào Phương án phát triển CCN tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023.

1.2. Rà soát, đưa ra khỏi quy hoạch đối với 13 CCN với tổng diện tích 313,9 ha nằm gần khu dân cư hoặc không phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và của tỉnh.

1.3. Rà soát, điều chỉnh diện tích 20 CCN với tổng diện tích sau điều chỉnh tăng 586,6 ha⁴⁴ trong Phương án phát triển CCN tỉnh Bình Định.

Theo Phương án phát triển CCN tỉnh Bình Định tích hợp trong Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh có 68 CCN với tổng diện tích 3.470,2 ha phân bố trên địa bàn 11 huyện, thị xã, thành phố, như sau:

Stt	Địa phương	Số CCN	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Quy Nhơn	1	43,3	1,2
2	Tuy Phước	5	273,5	7,9
3	An Nhơn	10	361,3	10,4
4	Tây Sơn	12	770,4	22,2
5	Phù Cát	7	315,2	9,1
6	Phù Mỹ	7	389,3	11,2
7	Hoài Nhơn	14	693,7	20,0
8	Hoài Ân	3	44,0	1,3
9	An Lão	2	58,8	1,7
10	Vĩnh Thạnh	1	70,7	2,0
11	Vân Canh	6	450,0	13,0
Tổng cộng		68	3.470,2	100,0

2. Kết quả thu hút đầu tư

2.1. Kết quả thu hút các dự án đầu tư HTKT khu, CCN

⁴⁴ Từ 649 ha lên 1.235,7 ha.

a. Đối với KCN

Hiện nay, một số nhà đầu tư đang quan tâm, đăng ký đầu tư HTKT KCN Phù Mỹ và KCN Hoài Mỹ. Ban quản lý Khu Kinh tế tỉnh đang khẩn trương triển khai các thủ tục lập quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000, quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 KCN Phù Mỹ và KCN Hoài Mỹ, làm cơ sở tổ chức xúc tiến, lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án. Tính đến nay, đã thu hút được 07 DN làm chủ đầu tư xây dựng HTKT 07 KCN trên địa bàn tỉnh.

b. Đối với CCN

Trong 6 tháng đầu năm 2024, đã triển khai các thủ tục mời gọi các nhà đầu tư đăng ký đầu tư 06 CCN: Bùi Thị Xuân (MR), Qui Hội, Bình Thành, Tường Sơn, Thị trấn Vân Canh và Tà Súc (GD 3) với tổng diện tích 264,8 ha, tổng vốn đầu tư 1.385,8 tỷ đồng (*m1: 1.017,5 tỷ đồng; m2: 368,3 tỷ đồng*). Sở Công Thương đang triển khai hướng dẫn địa phương thực hiện trình tự thủ tục thành lập, mở rộng CCN theo quy định tại Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển CCN. Tính đến nay, đã thu hút được 14 DN làm chủ đầu tư xây dựng HTKT 18 CCN trên địa bàn tỉnh.

2.2. Kết quả thu hút các dự án công nghiệp vào các khu, CCN

Trong 6 tháng đầu năm 2024, các khu, CCN trên địa bàn tỉnh đã thu hút 20 dự án công nghiệp với tổng vốn đầu tư 1.927,1 tỷ đồng; trong đó, ưu tiên thu hút các dự án công nghiệp thân thiện với môi trường, có giá trị gia tăng cao, đem lại hiệu quả cao về thu ngân sách, sử dụng tiết kiệm đất đai, tiêu hao ít năng lượng, sử dụng nhiều nguyên liệu đầu vào từ địa phương hoặc có ý nghĩa liên kết, thúc đẩy các ngành nghề khác của địa phương cùng phát triển; không thu hút các doanh nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, năng lực sản xuất hạn chế; cụ thể:

- Các KCN: Đã thu hút 08 dự án với tổng vốn đầu tư 374,1 tỷ đồng, suất đầu tư bình quân 46,8 tỷ đồng/dự án và 26,2 tỷ đồng/ha. Tính đến nay, các KCN đang hoạt động trên địa bàn tỉnh đã thu hút 328 dự án, đạt tỷ lệ lấp đầy khoảng 36,7% diện tích.

- Các CCN: Đã thu hút 12 dự án với tổng vốn đầu tư 1.553,0 tỷ đồng, suất đầu tư bình quân 129,4 tỷ đồng/dự án và 30,5 tỷ đồng/ha. Tính đến nay, các CCN đi vào hoạt động đã thu hút 380 dự án đăng ký đầu tư với diện tích 738,2 ha, đạt tỷ lệ lấp đầy 80% diện tích.

Bảng tổng hợp các dự án công nghiệp thu hút vào khu, CCN 6 tháng đầu năm

Stt	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	DT (ha)	VDT (tỷ đồng)	Nhà đầu tư
------------	------------------	---------------------------	----------------	----------------------	-------------------

Stt	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	DT (ha)	VĐT (tỷ đồng)	Nhà đầu tư	
I	DỰ ÁN THU HÚT VÀO KCN		14,3	374,1		
1	1	Nhà máy chế biến gỗ, đan nhựa giả mây	C9, KCN Phú Tài	1,0	14,9	Công ty TNHH SX & TM Nguyễn Đức
2	2	Nhà máy đan nhựa giả mây	Lô C16, KCN Phú Tài	0,6	9,5	Công ty TNHH Nội ngoại thất miền Trung
3	3	Nhà máy Sản xuất Phân bón Cà Mau - Cở sở Bình Định	Lô CI-15 KCN Long Mỹ	3,0	120,0	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau
4	4	Nhà máy đan nhựa giả mây và gia công cơ khí phục vụ đan nhựa giả mây	Lô A40, KCN Phú Tài	0,7	14,0	Công ty TNHH XNK Bảo Trân
5	5	Nhà máy đan nhựa giả mây, gia công cơ khí	Lô C2.1, KCN Nhơn Hòa	1,1	15,5	Công ty TNHH SX & TM XNK MVC - FURNITURE
6	6	Nhà máy chế biến gỗ TFS Bình Định	Lô F3 và F4.1, KCN Nhơn Hòa	3,0	102,0	Công ty TNHH TFS Á Châu
7	7	Nhà máy chế biến đá granite khổ lớn	Lô CI-3, KCN Long Mỹ	3,1	50,0	Công ty TNHH MTV Đá thạch anh Phú Tài Bình Định
8	8	Nhà máy chế biến gỗ, đan nhựa giả mây	Lô C12, KCN Phú Tài	1,8	48,2	Công ty TNHH Kỹ nghệ Kingston Việt Nam
II	DỰ ÁN THU HÚT VÀO CCN		50,9	1.553,0		
9	1	Kho chứa vật tư phục vụ sản xuất công nghiệp và chứa gạch, ngói thành phẩm	CCN Gò Cây	1,6	29,8	Công ty TNHH Takao Mart
10	2	Nhà xưởng gia công cấu kiện thép	CCN Gò Cây	2,4	21,3	Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Bình Phú

Stt		Tên dự án	Địa điểm thực hiện	DT (ha)	VĐT (tỷ đồng)	Nhà đầu tư
11	3	Nhà máy chế biến gỗ và sản xuất đồ gỗ nội thất xuất khẩu	CCN Bình Nghi	1,4	25,0	Công ty TNHH SX TM VinaForest
12	4	Nhà máy bê tông thương phẩm	CCN Tường Sơn	2,1	50,0	Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Phát
13	5	Nhà máy chế biến gỗ và thủ công mỹ nghệ	CCN Hoài Châu	18,7	503,0	Công ty CP Lâm nghiệp Kim Thành Lập
14	6	Nhà máy sản xuất than sinh học	CCN Cầu Nước Xanh	2,0	21,3	Công ty TNHH Đầu tư thương mại HHT
15	7	Nhà máy chế biến hàng lâm sản	CCN Tân Đức	0,5	14,8	Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Thành Phát
16	8	Nhà máy sản xuất bàn ghế nhựa giả mây	CCN Phước An	0,4	21,7	Công ty TNHH Kỹ nghệ Ecotech
17	9	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	CCN Bồng Sơn	0,7	7,7	Công ty TNHH Thủy Hà
18	10	Nhà máy sản xuất viên nén sinh học và chế biến vật liệu gỗ nội thất	CCN TT Vân Canh	20,1	823,0	Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển kho bãi Nhơn Tân
19	11	Nhà máy cơ khí	CCN Nhơn Tân 1	0,5	14,9	Công ty CP Xây dựng TC Bình Định
20	12	Nhà máy sản xuất và chế biến gỗ MDF	CCN Gò Bù	0,6	20,4	Công ty TNHH Du lịch thương mại Quy Nhơn
TỔNG CỘNG				65,2	1.927,1	

2.3. Kết quả thực hiện giải pháp xúc tiến đầu tư

Ngày 14/12/2023, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 4647/QĐ-UBND giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; trong đó, có giao chỉ tiêu thu hút vào KCN 30 dự án, thu hút vào CCN 21 dự án; đồng thời, giao Sở Kế

hoạch và Đầu tư phối hợp Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế đã tham mưu UBND tỉnh ban hành các Quyết định giao chỉ tiêu đầu tư, phát triển năm 2024 đối với 06 KCN: Phú Tài, Long Mỹ, Nhơn Hòa, Hòa Hội, Nhơn Hội (Khu A), Becamex và 46 CCN trên địa bàn tỉnh, trong đó, giao chỉ tiêu và yêu cầu các chủ đầu tư HTKT các khu, CCN phải có trách nhiệm, chủ động và có các giải pháp, kế hoạch cụ thể trong công tác xúc tiến đầu tư.

UBND tỉnh đã tổ chức thành công Hội nghị Xúc tiến đầu tư tỉnh Bình Định năm 2024, các Hội nghị xúc tiến đầu tư, thương mại và tổ chức các Đoàn công tác xúc tiến đầu tư các nước (*Nhật Bản,...*); trong đó, có sự tham gia của chủ đầu tư HTKT các khu, CCN để thu hút đầu tư vào các khu, CCN. Đồng thời, các chủ đầu tư đã chủ động tổ chức các đoàn xúc tiến đầu tư tại các nước Đài Loan, Trung Quốc để nhanh chóng thu hút đầu tư lấp đầy các khu, CCN theo chỉ tiêu được giao.

Chuẩn bị tốt danh mục các dự án cần thu hút đầu tư và phổ biến đầy đủ các điều kiện ưu đãi đầu tư cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Triển khai một số dịch vụ công hỗ trợ hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh của các DN trong khu, CCN. Quan tâm công tác hỗ trợ nhà đầu tư từ khâu chuẩn bị, cho đến khi dự án đi vào hoạt động; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho nhà đầu tư nhằm rút ngắn thời gian xây dựng, định hướng nhà đầu tư thực hiện đúng quy định của pháp luật.

3. Kết quả triển khai đầu tư HTKT khu, CCN

3.1. Kết quả đầu tư hoàn thiện HTKT và các hệ thống bảo vệ môi trường các khu, CCN

Căn cứ hiện trạng đầu tư xây dựng HTKT và Tiêu chí CCN, UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định giao chỉ tiêu đầu tư, phát triển năm 2024 đối với 06 KCN: Phú Tài, Long Mỹ, Nhơn Hòa, Hòa Hội, Nhơn Hội (Khu A), Becamex và 46 CCN trên địa bàn tỉnh; trong đó, giao chỉ tiêu cụ thể về đầu tư từng hạng mục công trình hệ tầng kỹ thuật và hệ thống công trình bảo vệ môi trường khu, CCN.

Triển khai thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế đã thường xuyên làm việc, kiểm tra và đôn đốc các Chủ đầu tư HTKT triển khai các chỉ tiêu được giao; định kỳ hàng quý, báo cáo UBND tỉnh tình hình thực hiện các chỉ tiêu đầu tư, phát triển năm 2024 đối với các khu, CCN. Kết quả, đến nay có 07/07 KCN đã và đang đầu tư xây dựng xây dựng HTKT (*trong đó, 03/07 KCN đã đầu tư hoàn thành HTKT*) và 38/46 CCN đã và đang đầu tư xây dựng xây dựng HTKT (*trong đó, 09/38 CCN cơ bản hoàn thành xây dựng HTKT*).

3.2. Về nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Hiện nay, các khu, CCN trên địa bàn tỉnh đã giải quyết việc làm cho khoảng 43.000 lao động với mức lương bình quân khoảng 6,0-6,5 triệu đồng/tháng góp phần

nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

Bên cạnh đó, triển khai thực hiện Kế hoạch hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề cho các DN năm 2024, trong 06 tháng đầu năm, ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% định mức kinh phí đào tạo nghề cho 1.895 lao động của 12 DN với tổng kinh phí hỗ trợ là 1.589.475.000 đồng; trong đó, hỗ trợ DN trong KCN 690 lao động của 05 DN với kinh phí 596,4 triệu đồng, DN ngoài KCN 1.205 lao động của 07 DN với kinh phí 993,075 triệu đồng; qua đó, góp phần nâng cao tay nghề cho lao động trong các khu, CCN trên địa bàn tỉnh.

4. Kết quả triển khai việc ban hành các tiêu chí, chính sách, quy chế liên quan đến quản lý, đầu tư, phát triển khu, CCN

4.1. Xây dựng và ban hành Quy chế quản lý nhà nước đối với CCN trên địa bàn tỉnh

Thực hiện Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ quy định về quản lý, phát triển CCN, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 23/4/2024 về thực hiện Nghị định số 32/2024/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Bình Định; trong đó, có nội dung Xây dựng, Quy chế quản lý CCN trên địa bàn tỉnh với thời gian hoàn thành trong giai đoạn 2024-2025. Theo đó, Sở Công Thương đang thành lập Tổ liên ngành soạn thảo Quy chế quản lý CCN trên địa bàn tỉnh và triển khai xây dựng dự thảo Quy chế quản lý CCN trên địa bàn tỉnh Bình Định.

4.2. Xây dựng tiêu chí, định mức để làm cơ sở thu hút dự án đầu tư vào khu, CCN

Ngày 14/12/2023, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 4647/QĐ-UBND; trong đó, đề ra chỉ tiêu phân đầu đối với Dự án kêu gọi đầu tư vào KCN, Khu kinh tế có vốn đăng ký đầu tư tối thiểu 100 tỷ đồng/dự án; dự án kêu gọi đầu tư vào CCN có vốn đăng ký đầu tư tối thiểu 20 tỷ đồng/dự án.

Bên cạnh đó, hiện nay, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh đang đề xuất tiêu chí vốn đầu tư tối thiểu vào các KCN trên địa bàn tỉnh gồm: vốn đầu tư vào KCN A Nhơn Hội tối thiểu 2 triệu USD/dự án, KCN Long Mỹ và các KCN khác tối thiểu 600.000 USD/dự án. Đối với các CCN, với mục đích chủ yếu nhằm thu hút, di dời các DN nhỏ và vừa vào đầu tư sản xuất kinh doanh⁴⁵, chỉ tiêu phân đầu dự án thu hút CCN có vốn đầu tư khoảng 20 tỷ đồng/dự án.

Ngoài ra, hiện nay, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với các Sở, ban, ngành triển khai thực hiện việc hạn chế tiếp nhận, đề xuất lấy ý kiến, thẩm định,

⁴⁵ Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ quy định về quản lý, phát triển CCN.

trình phê duyệt đối với các dự án đăng ký mới đầu tư sản xuất công nghiệp ngoài các khu, CCN; tiến tới chấm dứt chấp thuận chủ trương đầu tư ngoài khu, CCN khi khu, CCN còn diện tích đất công nghiệp.

4.3. Triển khai quy hoạch Khu kho bãi tập trung để phục vụ di dời các DN cơ sở trong các CCN thuộc diện phải di dời

Theo Văn bản số 3563/UBND-KT ngày 15/5/2024 của UBND tỉnh về đề xuất địa điểm di dời các DN kho bãi trong CCN Nhơn Bình, Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, Sở Xây dựng đã có Văn bản số 2083/SXD-QHKT ngày 21/6/2024 đề xuất các địa điểm phục vụ di dời các DN kho bãi trong CCN Nhơn Bình và Quang Trung, thành phố Quy Nhơn. Hiện nay, UBND tỉnh đang xem xét đề xuất của Sở Xây dựng để đảm bảo phù hợp theo quy định và điều kiện thực tế của địa phương.

5. Mô hình quản lý đối với các CCN do Nhà nước làm chủ đầu tư và công tác xúc tiến đầu tư tại địa phương

5.1. Nghiên cứu mô hình quản lý thống nhất đối với các CCN do nhà nước làm chủ đầu tư

UBND tỉnh đã giao Sở Công Thương hướng dẫn, phối hợp với các địa phương tham mưu quyết định giao Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất cấp huyện làm chủ đầu tư đối với 22 CCN do nhà nước làm chủ đầu tư. Đến nay, 100% các CCN do nhà nước làm chủ đầu tư trên địa bàn tỉnh đã được giao Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất cấp huyện làm chủ đầu tư.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 02 mô hình chủ đầu tư xây dựng HTKT CCN gồm: (1) Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất cấp huyện đối với các CCN có vốn ngân sách nhà nước; (2) DN làm chủ đầu tư.

5.2. Công tác xúc tiến đầu tư tại địa phương

UBND các huyện, thị xã, thành phố đã tập trung huy động cả hệ thống chính trị tham gia vào công tác GPMB để tạo mặt bằng sạch phục vụ xúc tiến thu hút đầu tư; đồng thời, xây dựng Kế hoạch chi tiết và bố trí kinh phí để đầu tư hoàn thiện HTKT các CCN do nhà nước tiếp tục làm chủ đầu tư làm cơ sở để xúc tiến, thu hút các dự án thứ cấp vào các CCN.

Chủ động mời gọi, xúc tiến, gửi thông tin đến các nhà đầu tư thông qua các dịp gặp mặt DN, Hội đồng hương Bình Định tại thành phố Hồ Chí Minh; tham gia các Đoàn công tác xúc tiến đầu tư của tỉnh (*như UBND huyện Tây Sơn, thị xã Hoài Nhơn...*); tổ chức các Hội nghị xúc tiến đầu tư (*như UBND thị xã Hoài Nhơn*); đồng thời, tham gia các Hội nghị xúc tiến đầu tư, thương mại của tỉnh để xúc tiến,

mời gọi các nhà đầu tư đầu tư sản xuất kinh doanh trong các CCN trên địa bàn.

6. Triển khai thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính

Ngày 09/11/2023, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 4147/QĐ-UBND về quy chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường và phòng cháy chữa cháy trên địa bàn tỉnh Bình Định; theo đó, thời gian giải quyết các thủ tục từ khi chấp thuận chủ trương đầu tư đến khi có Giấy phép xây dựng đối với các dự án ngoài KCN, Khu kinh tế được rút ngắn còn 118 ngày (*thời gian theo quy định là 242 ngày*), các dự án trong KCN, Khu kinh tế được rút ngắn còn 60 ngày (*thời gian theo quy định là 145 ngày*). Qua đó, góp phần rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục hành chính có liên quan, đồng thời làm giảm số lần đi lại của các nhà đầu tư, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, phục vụ người dân, DN.

Triển khai xây dựng Phương án đơn giản hóa đối với thủ tục hành chính Chậm dứt hoạt động của dự án đầu tư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế.

UBND tỉnh đã phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính liên thông trong lĩnh vực CCN thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương.

Thường xuyên tuyên truyền cải cách hành chính, hướng dẫn quy trình yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính qua Dịch vụ công trực tuyến và qua dịch vụ bưu chính công ích; đẩy mạnh hình thức tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử của các đơn vị. Bên cạnh đó, tổ chức nhiều lượt làm việc đối thoại với công dân về công tác bồi thường GPMB.

7. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát

Ban Quản lý Khu kinh tế đã ban hành Kế hoạch số 07/KH-BQL ngày 05/3/2024 về việc kiểm tra, rà soát tình hình thực hiện các dự án đầu tư tại Khu kinh tế Nhơn Hội và các KCN trên địa bàn tỉnh năm 2024. Theo đó, trong năm 2024, Ban Quản lý Khu kinh tế sẽ tổ chức kiểm tra 40 dự án trong các KCN nhằm tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc cho các DN, tổ chức, cá nhân trong quá trình triển khai các thủ tục đăng ký đầu tư, triển khai thực hiện dự án đầu tư, khai thác vận hành dự án đầu tư. Qua đó, nhằm hỗ trợ cho nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư của mình thuận lợi, đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, đôn đốc, nhắc nhở để các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ triển khai đầu tư và đưa dự án đi vào hoạt động theo đúng tiến độ đăng ký. Kiểm tra, rà soát, đánh giá tình hình chấp hành các quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư, xây dựng, đất đai, lao động, v.v... kết hợp xem xét công tác bảo vệ môi trường, nhằm đôn đốc, phát hiện, xử lý hoặc đề nghị xử lý kịp thời theo thẩm quyền các trường hợp vi phạm quy định của pháp luật hiện hành đối với từng lĩnh vực (*nếu có*) đối với các nhà đầu tư thực hiện

dự án đầu tư tại các KCN trên địa bàn tỉnh.

Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức kiểm tra công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực đất đai tại các KCN; kịp thời hướng dẫn, đề nghị UBND các địa phương, DN thực hiện đúng quy định của pháp luật về đất đai; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với các vi phạm về đất đai (*DN tự chuyển nhượng toàn bộ/một phần diện tích đất, nhà xưởng; DN tự ý cho thuê nhà xưởng; DN sử dụng sai mục đích sử dụng đất...*) để đề xuất xử lý, thu hồi đất theo quy định.

Tổ chức kiểm tra công tác bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh, trong đó có một số KCN và cơ sở sản xuất thứ cấp trong các KCN. Kết quả, trong năm 2023, Sở Tài nguyên và Môi trường đã kiểm tra 02 KCN (*Nhon Tân 1 và Đồi Hỏa Sơn*) và 03 cơ sở sản xuất trong các KCN (*Nhà máy sản xuất viên nén sinh học của Công ty TNHH Hưng Nguyệt Anh tại KCN thị trấn Vân Canh, Nhà máy chế biến đồ gỗ nội thất của Công ty TNHH MTV Gỗ Phú Tài Bình Định tại KCN Cát Nhon, Nhà máy, Xưởng tái chế nhôm của Công ty TNHH Hanwo tại KCN Tân Đức*). Qua kiểm tra, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có văn bản thông báo kết quả kiểm tra và hướng dẫn các DN một số nội dung cần khắc phục trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tăng cường thanh tra, kiểm tra tình hình triển khai thực hiện các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong KCN để đề xuất xử lý những dự án chậm và ngừng triển khai theo tiến độ được giao. Kết quả, trong 6 tháng đầu năm, đã xử lý chấm dứt hoạt động 03 dự án trong KCN.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt được

Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND tỉnh về kết quả giám sát công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng HTKT và giao đất, thuê đất các khu, KCN trên địa bàn tỉnh Bình Định, UBND tỉnh tổ chức Hội nghị quản lý, phát triển khu, KCN trên địa bàn tỉnh; giao chỉ tiêu và tổ chức Hội nghị giao chỉ tiêu đầu tư, phát triển năm 2024 đối với các khu, KCN trên địa bàn tỉnh; đồng thời đã ban hành nhiều văn bản triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND tỉnh.

Trong 6 tháng đầu năm, dưới sự chỉ đạo của UBND tỉnh, các Sở, ban, ngành liên quan đã triển khai thực hiện toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND tỉnh một cách hiệu quả; công tác xúc tiến, thu hút đầu tư vào các khu, KCN được chú trọng, đã thu hút được các dự án công nghiệp thân thiện với môi trường, có giá trị gia tăng cao, đem lại hiệu quả cao về thu ngân sách, sử dụng tiết kiệm đất đai, nhất là các KCN đã

thu hút 12 dự án với vốn đầu tư bình quân 129,4 tỷ đồng/dự án, suất đầu tư bình quân 30,5 tỷ đồng/ha; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động của các DN được tăng cường.

2. Tồn tại, hạn chế

Mặc dù, UBND tỉnh chú trọng, giao chỉ tiêu đầu tư và các Sở, ban, ngành kiểm tra đôn đốc hàng tháng, quý về công tác đầu tư hoàn thiện HTKT khu, CCN nhưng hầu hết các chủ đầu tư HTKT khu, CCN triển khai thực hiện chưa đảm bảo chỉ tiêu được giao, nhất là đối với các CCN với số lượng CCN đi vào hoạt động nhiều nhưng HTKT chưa được xây dựng hoàn thiện, đầu tư dở dang, có tính chấp vá, thiếu đồng bộ (*chỉ có 09/46 CCN đã cơ bản hoàn thiện HTKT*); hầu hết tiến độ đầu tư HTKT tại các CCN còn chậm, kéo dài, kể cả các CCN do DN làm chủ đầu tư (*như CCN An Trường, CCN Cầu Nước Xanh,...*).

Các dự án thu hút đầu tư vào các KCN còn ít, nhất là thu hút các dự án có quy mô lớn, mang tính động lực tạo sự lan tỏa, dự án có hàm lượng công nghệ cao, dự án có vốn đầu tư nước ngoài; suất đầu tư các dự án còn thấp, chưa đảm bảo các chỉ tiêu phân đấu thu hút dự án vào KCN. Trong 6 tháng đầu năm, suất đầu tư các dự án thu hút vào CCN cao hơn KCN.

Công tác xúc tiến kêu gọi đầu tư chưa được chủ đầu tư HTKT quan tâm đúng mức; hầu hết các chủ đầu tư HTKT (*trừ Công ty Công ty CP Becamex Bình Định, Công ty TNHH Thiên Hưng Mỹ Thọ, Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Kho bãi Nhơn Tân,...*) chưa chủ động triển khai thực hiện công tác xúc tiến thu hút đầu tư mà chỉ tham gia vào các hoạt động xúc tiến đầu tư do UBND tỉnh tổ chức.

Công tác quản lý nhà nước về giá thuê đất gắn với HTKT các khu, CCN và các loại phí có liên quan thời gian qua chưa được kiểm soát chặt chẽ; một số khu, CCN có giá cho thuê HTKT cao gây khó khăn cho việc thu hút đầu tư (*KCN Nhơn Hội A, CCN An Trường, CCN Nhơn Tân 1,...*).

Ý thức chấp hành các quy định pháp luật về quy hoạch, đầu tư, đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định khác có liên quan trong quá trình triển khai đầu tư xây dựng và hoạt động dự án của các chủ đầu tư HTKT và các DN thứ cấp trong khu, CCN trên địa bàn tỉnh chưa cao.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND tỉnh về kết quả giám sát công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng HTKT và giao đất, thuê đất các khu, CCN trên địa bàn tỉnh Bình Định; ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Thông báo số 480/TB-UBND ngày 29/11/2023 và các Quyết định giao chỉ tiêu đầu tư, phát triển khu, CCN trên địa bàn tỉnh; trong đó, tập trung một

số nhiệm vụ, giải pháp sau:

1. Tập trung chỉ đạo các sở, ngành liên quan hoàn chỉnh và trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt Kế hoạch thực hiện Phương án phát triển CCN trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2030 là cơ sở để quản lý, đầu tư, phát triển các CCN trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

2. Tổ chức các hoạt động xúc tiến, thu hút và hỗ trợ các DN, nhà đầu tư có tiềm năng đầu tư vào khu, CCN; tiếp tục thu hút các DN có tiềm lực về vốn, kinh nghiệm làm chủ đầu tư xây dựng HTKT các CCN trên địa bàn; tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định thành lập, mở rộng 06 CCN đã có nhà đầu tư quan tâm; đồng thời, xây dựng tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư đăng ký thực hiện dự án Xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật 04 CCN (*Trung Hiệp, Trung Thành, Cát Nhơn, Cát Trinh*) làm cơ sở để thu hút nhà đầu tư đăng ký thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật CCN.

3. Bố trí đủ quỹ đất khu, CCN và mặt bằng sạch đáp ứng nhu cầu trước mắt cũng như lâu dài các dự án sản xuất công nghiệp trong khu, CCN; Ưu tiên bố trí quỹ đất và thu hút đầu tư các ngành công nghiệp giải quyết nhiều lao động, đóng góp lớn vào giá trị gia tăng công nghiệp và nguồn thu ngân sách nhà nước. Hạn chế việc giao (*hoặc cho thuê*) đất đối với các DN đăng ký mới dự án đầu tư sản xuất công nghiệp ngoài các khu, CCN. Quan tâm công tác hỗ trợ nhà đầu tư từ khâu chuẩn bị, cho đến khi dự án đi vào hoạt động, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho nhà đầu tư nhằm rút ngắn thời gian xây dựng, định hướng nhà đầu tư thực hiện đúng quy định của pháp luật.

4. Kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư đầu tư xây dựng hoàn thiện HTKT khu, CCN theo quyết định giao chỉ tiêu của UBND tỉnh; đồng thời, xây dựng chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng HTKT CCN trên địa bàn tỉnh Bình Định nhằm hỗ trợ đầu tư hoàn thiện HTKT CCN.

5. Tăng cường công tác quản lý, phát triển khu, CCN đảm bảo tuân thủ quy định của Nhà nước; tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các chủ đầu tư HTKT các khu, CCN triển khai thực hiện dự án trên địa bàn. Thường xuyên rà soát tiến độ đầu tư, hiệu quả hoạt động của các khu, CCN trên địa bàn. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, tập huấn và thanh tra, kiểm tra, giám sát trên tất cả các lĩnh vực về đầu tư, quy hoạch, xây dựng, môi trường, đất đai, lao động,... đối với các chủ đầu tư khu, CCN, các DN thứ cấp trong các khu, CCN; đồng thời, kịp thời tháo gỡ các khó khăn cho DN, cũng như kiên quyết xử lý đối với chủ đầu tư, DN thực hiện không đúng quy định. Xây dựng, ban hành Quy chế quản lý CCN trên địa bàn tỉnh Bình Định để tăng cường công tác quản lý, phát triển CCN trên địa bàn tỉnh.

G. NGHỊ QUYẾT SỐ 99/NQ-HĐND NGÀY 06/12/2023 VỀ KẾT QUẢ

GIÁM SÁT CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ CHẤP HÀNH MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT LAO ĐỘNG TẠI CÁC DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Về việc ban hành các văn bản quản lý Nhà nước thuộc trách nhiệm quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế.

Trong những năm qua, Ban Quản lý Khu kinh tế đã triển khai thực hiện tốt các quy định của pháp luật về lao động. Kịp thời triển khai đến các doanh nghiệp các văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về lao động. Bên cạnh đó, thường xuyên làm việc và có văn bản nhắc nhở, chấn chỉnh các doanh nghiệp nghiêm túc chấp hành và thực hiện các quy định của pháp luật về lao động.

Trong năm 2023, BQL Khu kinh tế đã tập trung chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các doanh nghiệp thực hiện tốt quy định của pháp luật liên quan lĩnh vực lao động, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh; đã ban hành hơn 100 văn bản triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, nhắc nhở các doanh nghiệp thực hiện các quy định của pháp luật liên quan lĩnh vực lao động.

2. Về tuyên truyền, phối hợp tuyên truyền, phổ biến Bộ luật Lao động và các quy định liên quan đến doanh nghiệp và người lao động.

Năm 2023 Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì, phối hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội, Công đoàn Khu kinh tế, Công an tỉnh và các cơ quan liên quan tổ chức Hội nghị truyền truyền, phổ biến pháp luật liên quan lĩnh vực lao động đến tất cả các doanh nghiệp, gắn với đối thoại giữa giữa các cơ quan liên quan với doanh nghiệp với sự tham dự của khoảng 200 người thuộc hơn 200 doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn KCN, KKT. Dự kiến tháng 6/2024 Ban Quản lý Khu kinh tế sẽ tiếp tục phối hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội, Công đoàn Khu kinh tế, Công an tỉnh sẽ tổ chức tuyên truyền các văn bản pháp luật có liên quan đến người lao động đến tất cả các doanh nghiệp trên địa bàn KCN, KKT. Bên cạnh đó, Ban Quản lý Khu kinh tế luôn kịp thời chuyển tải, công khai đầy đủ các văn bản, quy định mới liên quan đến các doanh nghiệp để triển khai thực hiện thông qua hệ thống email, Zalo nhóm, Website Khu kinh tế;

Ngoài ra, thông qua các đợt tổ chức Lễ phát động Tháng hành động về ATVSLĐ, Tháng Công nhân, các cuộc kiểm tra, hội nghị người lao động thường niên đã phối hợp lồng ghép các nội dung tuyên truyền về việc thực hiện chế độ chính sách, về ATVSLĐ, PCCC,... cho người lao động tại các doanh nghiệp, theo đó năm 2024 tổ chức tuyên truyền cho 228 doanh nghiệp với khoảng 600 công

nhân lao động, năm 2023 tổ chức tuyên truyền cho 224 doanh nghiệp với khoảng 400 công nhân lao động.

3. Về việc chấp hành pháp về luật lao động tại các doanh nghiệp trên địa bàn KCN, KKT

Việc chấp hành quy định về giao kết hợp đồng: Hiện nay các doanh nghiệp trên địa bàn KCN, KKT cơ bản thực hiện tốt các quy định về iao kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật. Lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp đều được ký kết hợp đồng lao động sau khi thử việc, nhờ đó, thời gian qua, trên địa bàn không có phát sinh các khiếu kiện, khiếu nại liên quan đến việc hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động và các chế độ chính sách đối với người lao động. Ban Quản lý Khu kinh tế cũng thường xuyên làm việc trực tiếp với các doanh nghiệp trên địa bàn KCN, KKT để nắm bắt và hướng dẫn, nhắc nhở các doanh nghiệp thực hiện nghiêm túc các quy định liên quan đến pháp luật về lao động.

Việc chấp hành quy định về tiền lương: Hiện nay, cơ bản các doanh nghiệp đều chấp hành và thực hiện nghiêm túc các quy định về thang bảng lương, định mức lao động, tiền lương và các chính sách có liên quan đối với người lao động; thực hiện nghiêm túc mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động theo quy định tại Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ. Hiện khoảng 70% doanh nghiệp thực hiện nghiêm túc các quy định về thang bảng lương, định mức lao động theo quy định; 100% doanh nghiệp thực hiện tốt mức lương tối thiểu vùng theo quy định; các khoản thu nhập từ tiền lương làm thêm giờ, làm việc ngày nghỉ, ngày lễ, tết được thanh toán đầy đủ. Ngày nghỉ hàng năm, nghỉ lễ, tết được thực hiện đầy đủ. Thu nhập bình quân người/tháng cao hơn mức lương tối thiểu vùng do nhà nước quy định, cụ thể năm 2023 khoảng 5,8 triệu đồng/người/tháng. Chính vì thế, người lao động yên tâm, tích cực lao động sản xuất, giữ vững mối quan hệ lao động hài hòa trong doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất lao động, góp phần ổn định an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Về việc thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN, Ban Quản lý Khu kinh tế đã phối hợp với BHXH tỉnh thường xuyên tổ chức quán triệt, tuyên truyền vận động, đối thoại với các doanh nghiệp, người lao động, qua đó góp phần dần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của doanh nghiệp và người lao động trong việc tham gia các chế độ chính sách về BHXH đối với người lao động. Đến nay, 100% doanh nghiệp đều chấp hành và thực hiện nghiêm túc việc tham gia, trích nộp các chế độ về bảo hiểm cho người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm. Các khoản nợ đọng BHXH cũng dần được hạn chế; Các chế độ cho người lao động về ốm đau, thai sản, tai nạn lao động bệnh nghề nghiệp, hưu trí và tử tuất được các

doanh nghiệp thực hiện đầy đủ. Tổng số lao động tham gia BHXH, BHYT, BHTN được tăng dần qua các năm: Năm 2023 tổng số người tham gia BHXH, BHYT, BHTN 18.697 người, chiếm tỷ lệ 79% tổng số lao động, Quý I/2024 tổng số người tham gia BHXH, BHYT, BHTN 18.900 người, chiếm tỷ lệ 83,38% tổng số lao động.

Việc chấp hành các quy định về công tác an toàn, ngày càng được doanh nghiệp quan tâm. Tuy nhiên số lượng doanh nghiệp đã thực hiện phân loại công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm để áp dụng chính sách riêng đối với người lao động chỉ có khoảng 100 doanh nghiệp, 100/100 doanh nghiệp đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh lao động và ban hành nội quy hoạt động được chú trọng. Công tác chăm sóc khám sức khỏe định kỳ cho người lao động được triển khai thực hiện, lũy kế đến nay đã có 169 doanh nghiệp tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, với số lượng 18.900 lao động. Công tác trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân, huấn luyện ATVSLĐ cho người lao động ngày càng được quan tâm thực hiện. Việc kiểm định máy móc, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ cơ bản được thực hiện đầy đủ.

Đối với lao động chưa thành niên và lao động cao tuổi, hiện nay các doanh nghiệp trên địa bàn KCN, KKT không có sử dụng lao động chưa thành niên, chỉ có sử dụng số ít lao động đã nghỉ hưu hoặc hết tuổi lao động nhưng còn sức lao động để làm một số công việc giản đơn như bảo vệ, tạp vụ,... và các doanh nghiệp đều thực hiện chi trả thu nhập và các chế độ chính sách đảm bảo theo quy định.

4 Việc thành lập và phát huy vai trò của Tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp

Việc thành lập, quản lý hoạt động các tổ chức công đoàn tại các doanh nghiệp trong KCN, KKT thuộc chức năng, nhiệm vụ của Công đoàn Khu kinh tế đơn vị trực thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh. Trong những năm qua, BQL Khu kinh tế đã phối hợp với Công đoàn khu kinh tế tập trung tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp quan tâm thành thành lập tổ chức công đoàn; kiểm tra công tác phối hợp của các tổ chức công đoàn với chủ doanh nghiệp trong việc phối hợp chấp hành và thực hiện các chế độ, chính sách, các nội quy, quy định liên quan pháp luật về lao động. Từ năm 2023 đến nay đã làm việc với 172 tổ chức công đoàn, qua đó, đã kiểm thời nhắc nhở, hướng dẫn các tổ chức công đoàn và chủ doanh nghiệp nghiêm túc chấp hành các quy định của pháp luật liên quan đến người lao động, đoàn viên công đoàn.

Đến nay, trong KKT đã thành lập 174 tổ chức công đoàn, trong đó có 144 tổ chức công đoàn trực thuộc Công đoàn Khu kinh tế tỉnh, với 11.300 đoàn viên.

Hầu hết đoàn viên công đoàn đều được doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật về lao động; công tác chăm lo đời

sống cho đoàn viên, người lao động ngày càng được các doanh nghiệp quan tâm, nhất là vào các dịp lễ, tết, ốm đau, tai nạn lao động, có hoàn cảnh khó khăn,... Qua đó, đã tạo mối gắn kết chặt chẽ giữa người lao động với người sử dụng lao động, cùng nhau chia sẻ, hỗ trợ, tập trung phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất lao động, xây dựng doanh nghiệp ngày càng phát triển.

5. Công tác phối hợp thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của Bộ luật lao động

Ban quản lý Khu kinh tế không có chức năng thanh tra, xử lý trên các lĩnh vực, nên trong thời gian qua BQL Khu kinh tế đã tham gia phối hợp với các cơ quan chuyên môn về quản lý lao động, BHXH thực hiện thanh tra về BHXH đối với 06 doanh nghiệp, thanh tra về ATVSLĐ 20 doanh nghiệp. Ngoài ra, BQL Khu kinh tế thường xuyên nắm tình hình, kiểm tra, đôn đốc nhắc nhở đối với tất cả các doanh nghiệp trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về lĩnh vực lao động, việc làm,...

Qua thanh tra, kiểm tra đã kịp thời chấn chỉnh, nhắc nhở, xử lý và hướng dẫn, đôn đốc các doanh nghiệp phải nghiêm túc chấp hành các quy định của pháp luật về lĩnh vực lao động, việc làm, đoàn viên công đoàn. Qua đó, đã nâng cao nhận thức và trách nhiệm của chủ doanh nghiệp và người lao động trong việc chấp hành tốt các quy định của pháp luật về lĩnh vực lao động và kết quả đạt được ngày được nâng cao.

H. NGHỊ QUYẾT SỐ 100/NQ-HĐND NGÀY 06/12/2023 VỀ KẾT QUẢ GIÁM SÁT CÔNG TÁC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP, ĐỀ ÁN VỊ TRÍ VIỆC LÀM, TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ VÀ THI TUYỂN CÔNG CHỨC

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Công văn số 9709/UBND-NC ngày 21/12/2023 chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh; đồng thời ban hành các văn bản thực hiện⁴⁶.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã quán triệt, triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi thuộc thẩm quyền quản lý.

Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 08/01/2024 về thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Bình Định đến năm 2025; Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 02/02/2024 kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh (thường xuyên và đào tạo chuyên sâu) năm 2024; Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 17/5/2024 về Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tích cực, chủ động, phát huy vai trò trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, chức năng của đơn vị với tư duy đổi mới, tích cực, chủ động, sáng tạo, góp phần hoàn thành tốt công tác sắp xếp cơ cấu lại tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, tuyển dụng, quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức; đề án vị trí việc làm và chính sách tinh giản biên chế, cải cách hành chính chung trên địa bàn tỉnh. Qua đó giúp nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác chỉ đạo điều hành, góp phần hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Việc sắp xếp cơ cấu lại tổ chức bộ máy phải gắn với trách nhiệm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm và chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao

a) Về sắp xếp cơ cấu lại tổ chức bộ máy

Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 02/4/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ Chính trị về việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; Kế hoạch số 99-KH/TU ngày 04/6/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kế hoạch thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ Chính trị về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Ủy ban nhân dân tỉnh đã xây dựng dự thảo Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 38/NQ-CP của Chính phủ.

Từ ngày 01/01/2024 đến nay, Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định đổi tên 13 đơn vị⁴⁷; phê duyệt Phương án sắp xếp, tổ chức lại các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Thư viện tỉnh, Bảo tàng tỉnh Bình Định thuộc Sở Văn hóa và Thể thao, kết quả giảm 03 đơn vị cấp phòng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Biên chế và thực hiện tinh giản biên chế

- Về biên chế: Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao biên chế công chức, số lượng người làm việc năm 2024 là: Tổng số biên chế công chức là 2.162 biên chế,

⁴⁷ Đổi tên Trung tâm Thông tin Xúc tiến du lịch Bình Định thành Trung tâm Xúc tiến du lịch Bình Định trực thuộc Sở Du lịch; Trung tâm Kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm tỉnh Bình Định thành Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Bình Định; đổi tên 11 trường trung học phổ thông thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

giảm 25 biên chế so với năm 2023⁴⁸; số lượng người làm việc là 25.397 người, giảm 541 người so với năm 2023⁴⁹; số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên là: 489 người; bổ sung 241 biên chế giáo viên cho các trường mẫu giáo, mầm non và phổ thông công lập năm học 2023 - 2024.

- *Tinh giản biên chế*: Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế đợt I năm 2024 đối với 29 cán bộ, công chức, viên chức với tổng kinh phí là 5.729.468.000 đồng⁵⁰;

c) Thực hiện việc xây dựng vị trí việc làm gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

- Ngày 22/11/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Kế hoạch số 196/KH-UBND về triển khai xây dựng vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh; Quyết định ủy quyền phê duyệt Đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập và vị trí việc làm cán bộ, công chức cấp xã; phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức tỉnh Bình Định năm 2024⁵¹. Đến nay, đã có 37/39 cơ quan, đơn vị, địa phương (26/28 cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; 11/11 Ủy ban nhân dân cấp huyện) đã tổ chức quán triệt, xây dựng và ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác trong năm 2024 trong phạm vi của cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã:

Thực hiện Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực

⁴⁸ cụ thể: 1.240 công chức các sở, ban, ngành tỉnh, giảm 14 biên chế so với năm 2023; 922 công chức các huyện, thị xã, thành phố, giảm 11 biên chế so với năm 2023

⁴⁹ cụ thể: Các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 20.603 người; Các đơn vị sự nghiệp y tế: 3.317 người; Các đơn vị sự nghiệp văn hóa - thông tin - thể thao: 585 người; Các đơn vị sự nghiệp khác: 892 người.

⁵⁰ Quyết định số 4602/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế đợt I năm 2024 và Quyết định số 4785/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND tỉnh phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế đợt I năm 2024 (bổ sung); Quyết định 983/QĐ-UBND ngày 27/03/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế đợt I năm 2024 (bổ sung).

⁵¹ Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 19/01/2024 của UBND tỉnh.

hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025; tỉnh Bình Định đã nghiêm túc triển khai thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

Qua tổ chức rà soát hiện trạng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2023 - 2025, tỉnh Bình Định không có đơn vị hành chính cấp huyện thuộc diện sắp xếp; có 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện sắp xếp (gồm 05 phường: Lê Hồng Phong, Lý Thường Kiệt, Trần Phú, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi thuộc thành phố Quy Nhơn và 01 xã Hoài Hải thuộc thị xã Hoài Nhơn) và có 02 đơn vị hành chính cấp xã liền kề có điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính khi thực hiện phương án sắp xếp (gồm phường Thị Nại thuộc thành phố Quy Nhơn và phường Hoài Hương thuộc thị xã Hoài Nhơn). Do đó, tỉnh Bình Định xây dựng Đề án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã để cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước.

Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023 - 2025 đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất và được các Bộ, ngành Trung ương tham gia góp ý kiến, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã tiếp thu hoàn chỉnh và trình Bộ Nội vụ để trình Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định

Đồng thời, nhằm khuyến khích, động viên, kịp thời hỗ trợ thêm một khoản kinh phí cho cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã nghỉ công tác do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã ổn định cuộc sống, ngoài các chế độ, chính sách theo quy định, Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định đã ban hành Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 12/6/2024 quy định chính sách hỗ trợ một lần đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã nghỉ công tác do sắp xếp đơn vị hành chính; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã ban hành Quyết định số 20/2024/QĐ-UBND ngày 25/6/2024 để triển khai thực hiện quy định chính sách hỗ trợ một lần đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã nghỉ công tác do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023 - 2025.

đ) Quá trình triển khai tổ chức thực hiện các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tốt công tác chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động về chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tinh giản biên chế, sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tạo sự đồng thuận cao trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Do vậy, sau khi thực hiện sắp xếp, các đơn vị đã đi vào hoạt động ổn định theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức.

2. Về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và thu hút nguồn nhân lực

a) Về công tác đào tạo, bồi dưỡng:

Thực hiện nhiệm vụ phát triển chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức và cán bộ lãnh đạo, quản lý; xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh đảm bảo đạt mục tiêu đến năm 2025 đào tạo được 650 nhân lực sau đại học phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 02/02/2024 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2024⁵² với mục tiêu nhằm nâng cao chất lượng, ý thức, trách nhiệm và khát vọng cống hiến phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý nhà nước, năng lực thực thi công vụ, giải quyết công việc hiệu quả, đổi mới, sáng tạo gắn với yêu cầu cải cách hành chính của tỉnh, gồm: 10 lớp bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức; yêu cầu vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý⁵³; 11 lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực thực thi công vụ, hình thành đội ngũ chuyên gia các ngành, lĩnh vực phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh⁵⁴; 36 lớp bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng, năng lực thực thi nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã⁵⁵; **02** lớp bồi dưỡng về công tác quản lý ngân sách nhà nước gắn với chuyển đổi số cho **105** học viên; **01** lớp bồi dưỡng về công tác quản lý nhà nước trong phát triển đô thị gắn với

⁵² Cụ thể: 10 lớp bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức, 08 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu, 03 lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực thực thi công vụ, 16 bồi dưỡng cán bộ, công chức chức cấp xã và 20 lớp bồi dưỡng người hoạt động không chuyên trách xã, thôn.

⁵³ 01 lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương; 02 lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính và tương đương; 02 lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên và tương đương; 01 lớp bồi dưỡng lãnh đạo cấp Sở và tương đương; 01 lớp bồi dưỡng lãnh đạo cấp huyện và tương đương; 03 lớp bồi dưỡng lãnh đạo cấp phòng và tương đương.

⁵⁴ 01 lớp về nâng cao kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước về quản lý tài chính công, đầu tư công, chính sách công gắn với chuyển đổi số; 01 lớp về kinh nghiệm quản lý tài chính công, đầu tư công, chính sách công gắn với chuyển đổi số; 01 lớp cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp quản lý nhà nước trong phát triển đô thị gắn với chuyển đổi số; 01 lớp cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp quản lý nhà nước về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số; 01 lớp về nâng cao kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách gắn với chuyển đổi số về lĩnh vực khoa học và công nghệ; 01 lớp cập nhật kiến thức, kỹ năng về y tế gắn với chuyển đổi số; 01 lớp về nâng cao kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước; xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách trong quản lý giáo dục và đào tạo gắn với chuyển đổi số; 01 lớp về nâng cao kiến thức, kỹ năng tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch - tài chính cho đầu tư phát triển đô thị gắn với chuyển đổi số; 01 lớp về bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng trong lĩnh vực quản lý đất đai, giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ tái định cư; quản lý khoáng sản, quản lý môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu gắn với chuyển đổi số; 01 lớp về nâng cao kiến thức, kỹ năng tham mưu thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ gắn với chuyển đổi số.

⁵⁵ 06 lớp bồi dưỡng đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; 10 lớp bồi dưỡng đối với công chức Ủy ban nhân dân cấp xã và 20 lớp bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, thôn.

chuyển đổi số cho **40** học viên; đang tổ chức lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên cao cấp cho **48** học viên.

Nhìn chung, công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức đã được Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo; các cơ quan, đơn vị, địa phương đã quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc, kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ, công chức, viên chức được đăng ký tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng. Cán bộ, công chức, viên chức đã chủ động sắp xếp, bố trí công việc, tích cực tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, để tiếp tục được nâng cao trình độ, năng lực, kiến thức, kỹ năng, bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị được giao. Trong 06 tháng đầu năm 2024, đã có **07** công chức, viên chức được cử đi đào tạo trình độ sau đại học và tính lũy kể từ đầu năm 2021 đến nay đã có **656** được tham gia đào tạo trình độ sau đại học (trong đó có **13** tiến sĩ và đương đương)⁵⁶, bảo đảm hoàn thành chỉ tiêu theo Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy⁵⁷.

b) Việc thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao theo Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh:

Tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao theo Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 08/01/2024 về thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Bình Định đến năm 2025. Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt 11 chỉ tiêu cần thu hút, theo hướng ưu tiên thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trong một số ngành, lĩnh vực gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, gồm: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 02 chỉ tiêu; Sở Thông tin và Truyền thông: 02 chỉ tiêu; Sở Khoa học và Công nghệ: 04 chỉ tiêu; Sở Xây dựng: 02 chỉ tiêu; Sở Du lịch: 01 chỉ tiêu.

Các Sở đã kịp thời ban hành Kế hoạch để thực hiện Kế hoạch số 04/KH-UBND trong phạm vi của cơ quan mình. Đến nay vẫn chưa tiếp nhận được hồ sơ ứng viên đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Nội vụ và các Sở liên quan tiếp tục nghiên cứu, đề xuất quy trình, triển khai thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ ứng viên, để bảo đảm đạt chỉ tiêu đề ra.

c) Về thực hiện chính sách thu hút, ưu đãi đối với bác sĩ, dược sĩ theo Nghị

⁵⁶ Sở Khoa học và Công nghệ 01 Tiến sĩ; Sở Kế hoạch và Đầu tư 01 Tiến sĩ; Trường Chính trị 02 Tiến sĩ; Trường Cao đẳng Y tế 01 Tiến sĩ; Sở Y tế 01 Tiến sĩ và 07 chuyên khoa cấp II.

⁵⁷ Đào tạo 650 nhân lực sau đại học (trong đó phần đầu có ít nhất 10 Tiến sĩ).

quyết số 08/2015/NQ-HĐND ngày 10/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh:

- Về phê duyệt chỉ tiêu thu hút trong năm 2024:

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 1178/QĐ-UBND ngày 04/4/2024 phê duyệt nhu cầu thu hút bác sĩ, được sĩ năm 2024 đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế, với tổng số **175** chỉ tiêu (Thạc sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp I: 03 chỉ tiêu; bác sĩ: 171 chỉ tiêu; được sĩ đại học: 01 chỉ tiêu).

- Về thực hiện chính sách thu hút, ưu đãi đối với bác sĩ, được sĩ: Trong 06 tháng đầu năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thực hiện chế độ, chính sách đối với **70** bác sĩ, được sĩ, gồm: hỗ trợ tiền thuê nhà hàng tháng đối với 55 bác sĩ, được sĩ (54 bác sĩ và 01 được sĩ); hỗ trợ một lần đối với 15 bác sĩ, được sĩ (14 bác sĩ và 01 được sĩ).

Nhìn chung, việc triển khai thực hiện chính sách thu hút đối với bác sĩ, được sĩ đã được Sở Nội vụ, Sở Y tế quan tâm, triển khai thực hiện thường xuyên, kịp thời. Hằng năm, đã duy trì và thu hút được đội ngũ bác sĩ, được sĩ về công tác tại các cơ sở y tế công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh. Tuy nhiên, số lượng thu hút vẫn còn thấp, chưa đạt theo chỉ tiêu được phê duyệt; việc thu hút bác sĩ về công tác tại đơn vị y tế tuyến cơ sở, cơ sở y tế chuyên khoa còn gặp khó khăn.

d) Về tuyển dụng công chức, viên chức:

- Tuyển dụng công chức: Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tuyển dụng công chức không qua thi tuyển đối với 08 công chức⁵⁸; đã triển khai xây dựng kế hoạch tuyển dụng công chức năm 2024.

- Tuyển dụng viên chức: Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã triển khai thực hiện công tác tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo thẩm quyền phân cấp quản lý, nhất là tuyển dụng đối với viên chức ngành giáo dục và đào tạo. Trong 06 tháng đầu năm 2024, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã phê duyệt kết quả tuyển dụng đối với **702** viên chức (gồm: sự nghiệp giáo dục và đào tạo **667** viên chức⁵⁹, sự nghiệp khác **35** viên chức⁶⁰).

e) Về tổ chức thực hiện công tác chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động:

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 09/3/2024 để triển khai thực hiện Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện cải cách chính sách

⁵⁸ 07 trường hợp tiếp nhận để bổ nhiệm công chức lãnh đạo cấp phòng và 01 trường hợp tiếp nhận vì đã từng là công chức.

⁵⁹ Thực hiện theo Kế hoạch được duyệt trong 2023: 451 người và Kế hoạch được duyệt năm 2024: 216 người.

⁶⁰ Thực hiện theo Kế hoạch được duyệt trong năm 2023: 17 người và Kế hoạch được duyệt năm 2024: 18 người.

tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp, quán triệt thống nhất nhận thức, đồng thuận trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về việc thực hiện cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW. Từ đó, tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức và người lao động nâng cao nhận thức, yên tâm công tác, tạo động lực để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Tập trung rà soát hoàn thiện quy chế làm việc; quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị; việc phân cấp, phân quyền

a) Về hoàn thiện Quy chế làm việc: 100% cơ quan, đơn vị, địa phương đã ban hành Quy chế làm việc; qua đó, quy định về nguyên tắc, trách nhiệm, lề lối làm việc, quan hệ công tác và trình tự giải quyết công việc của Lãnh đạo Sở, lãnh đạo các phòng chuyên môn, đơn vị trực; công chức, viên chức và người lao động.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành mới quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 21 cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính cấp tỉnh và 39 cơ quan, đơn vị⁶¹ theo Thông tư hướng dẫn mới của Bộ, ngành Trung ương; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đã ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của 100% cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Việc phân cấp, phân quyền

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 07/9/2023 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ gắn với thực hiện nhiệm vụ giải pháp chủ yếu của Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày

⁶¹ Trung tâm Xúc tiến đầu tư tỉnh, Trung tâm Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Trung tâm Văn hóa tỉnh thuộc Sở Văn hóa và Thể thao; Trung tâm Dịch vụ việc làm Bình Định thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Trung tâm Pháp y tỉnh Bình Định, Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Bình Định thuộc Sở Y tế; Thư viện tỉnh, Bảo tàng tỉnh Bình Định thuộc Sở Văn hóa và Thể thao; Trung tâm Xúc tiến du lịch Bình Định thuộc Sở Du lịch; Chi cục Kiểm lâm, Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chi cục Phát triển nông thôn, Chi cục Thủy lợi và Chi cục Thủy sản; Chi cục Chăn nuôi và Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chi cục Dân số tỉnh; Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ; Chi cục Bảo vệ môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi tỉnh Bình Định trực thuộc Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Bình Định; Chi cục Bảo Quản lý đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định; Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tỉnh Bình Định; Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Định; Bệnh viện Tâm thần; Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng; Bệnh viện Đa khoa Bồng Sơn; Trung tâm dịch vụ việc làm thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và 11 Trung tâm Y tế trực thuộc Sở Y tế: Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn, Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn, Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn, Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân; Trung tâm Y tế huyện Phù Cát, Trung tâm Y tế huyện An Lão, Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh, Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ, Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước Tuy Phước, Trung tâm Y tế huyện Vân Canh, Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn.

29/12/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cấp chính quyền; phát huy tính chủ động, sáng tạo, trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, nhất là người đứng đầu, thực hiện tốt việc kiểm soát quyền lực nhà nước, góp phần xây dựng nền hành chính nhà nước dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phục vụ nhân dân trên các lĩnh vực; kết quả đã định hướng phân cấp quản lý nhà nước đối với 16 ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, cụ thể: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Khoa học và Công nghệ; Xây dựng; Tài nguyên và Môi trường; Giao thông vận tải; Thông tin và Truyền thông; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ngoại vụ; Công Thương; Y tế; Thanh tra, Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo; Lao động - Thương binh và Xã hội. Kết quả, 6 tháng đầu năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh đã thực hiện 09 nội dung về phân cấp, ủy quyền quản lý Nhà nước theo ngành, lĩnh vực.

Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cấp chính quyền; phát huy tính chủ động, sáng tạo, trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, nhất là người đứng đầu, thực hiện tốt việc kiểm soát quyền lực nhà nước, góp phần xây dựng nền hành chính nhà nước dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phục vụ nhân dân.

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 07/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh, đã nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực trên cơ sở xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện đảm bảo sự quản lý thống nhất, phát huy được tính chủ động, trách nhiệm và tinh thần sáng tạo của các sở, ngành và các cấp chính quyền địa phương, khắc phục tình trạng đùn đẩy trách nhiệm; đồng thời qua đó nâng cao trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn kiểm tra, thanh tra trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được phân cấp góp phần thực hiện tốt việc cải cách hành chính và hoàn thành tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

4. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát

Đã hoàn thành 02 cuộc thanh tra⁶² và ban hành kết luận thanh tra theo kế hoạch đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4723/QĐ-UBND ngày 20/12/2023; thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về công tác tổ chức, cán bộ; công tác thi đua, khen thưởng; xử lý kỷ luật công chức, viên chức; công tác văn thư, lưu trữ; hoàn thành 01 cuộc kiểm tra⁶³ và trình ban hành Thông báo kết quả kiểm tra việc thực hiện Kết luận thanh tra; Hồ sơ bổ nhiệm viên chức quản lý; việc chuyển chức danh nghề nghiệp, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; tuyển dụng viên chức; ngạch công chức theo vị trí việc làm; Công tác văn thư, lưu trữ.

Công tác kiểm tra, giám sát việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế của hệ thống chính trị và nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phê duyệt biên chế hàng năm, cơ chế chính sách đối với nguồn nhân lực đảm bảo theo quy định. Qua các năm không có xảy ra vấn đề bức xúc, khiếu nại, tố cáo, không phát sinh ý kiến dư luận xã hội về sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và phê duyệt biên chế.

5. Triển khai xây dựng và phát triển các cơ sở dữ liệu; tiếp tục đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính

a) Về triển khai xây dựng và phát triển Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức:

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 18/2024/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 ban hành Quy chế cập nhật, khai thác và quản lý Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước tỉnh Bình Định. Theo đó, đã phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quản lý, cập nhật, khai thác và quản lý Cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, đơn vị, địa phương mình; trách nhiệm của từng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong việc thường xuyên cập nhật thông tin cá nhân vào Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh, bảo đảm dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức được “*Đúng - Đủ - Sạch - Sống*”. Đến nay, 100% hồ sơ (**32.152 hồ sơ**) cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã⁶⁴ được cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức của Bộ Nội vụ.

⁶² Kết luận số 30/KL-TTS ngày 04/5/2024 của Chánh Thanh tra Sở Nội vụ kết luận thanh tra công tác nội vụ tại UBND huyện Vân Canh; Kết luận số 41/KL-TTS ngày 30/5/2024 của Chánh Thanh tra Sở Nội vụ kết luận thanh tra công tác nội vụ tại UBND thị xã An Nhơn.

⁶³ Thông báo số 828/QĐ-SNV ngày 26/4/2024 của Giám đốc Sở Nội vụ thông báo kết quả kiểm tra đối với UBND huyện Phù Cát.

⁶⁴ Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; 21 sở, ban, ngành và 08 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; 11 Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và 159 Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

b) Kết quả thực hiện tham mưu, đề xuất các nhiệm vụ giải pháp siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính

Thực hiện Quyết định số 4700/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra công vụ trên địa bàn tỉnh Bình Định; năm 2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 66/KH-SNV ngày 10/01/2024 của Giám đốc Sở Nội vụ về triển khai Quyết định số 4700/QĐ-UBND ngày 19/12/2023. Theo đó, đã tiến hành kiểm tra hoạt động công vụ trong từng tháng bám sát nội dung cụ thể trong Kế hoạch. Kết quả:

- Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo kiểm tra hoạt động công vụ tỉnh Bình Định theo Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 22/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Chỉ đạo Sở Nội vụ thành lập Tổ soạn thảo và xây dựng tiêu chí khảo sát đánh giá đối với chính quyền cấp xã; tổ chức tiến hành khảo sát đối với 159 xã, phường, thị trấn của 11 huyện, thị xã, thành phố với tổng số 8.085 phiếu khảo sát nhằm tổng hợp tình hình để phục vụ cho công tác chỉ đạo điều hành của tỉnh.

- Trong 6 tháng đầu năm 2024, Ban chỉ đạo kiểm tra hoạt động công vụ, Tổ công tác về kiểm tra công vụ đã kiểm tra hoạt động công vụ được 29 lượt/24 địa phương; 21/21 cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; 11/11 Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố đã tổ chức tự kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của công chức, viên chức và báo cáo kết quả các nội dung kiểm tra theo hướng dẫn; Kết quả tại các cơ quan, địa phương được kiểm tra chưa phát hiện các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính, có các hành vi quan liêu, hách dịch, nhũng nhiễu, gây phiền hà, thiếu trách nhiệm trong giải quyết công việc.

c) Về công tác kiểm tra cải cách hành chính

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính tỉnh nhằm tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong tổ chức thực hiện công tác cải cách hành chính; nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện công tác cải cách hành chính, nhất là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương. Theo đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra các nội dung theo yêu cầu: kiểm tra toàn diện công tác cải cách hành chính, kiểm tra chuyên đề công tác giải quyết thủ tục hành chính, kiểm tra đột xuất.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Việc đổi mới, sắp xếp bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ và tinh giản biên

ché trên địa bàn tỉnh Bình Định thời gian qua luôn được các cấp, các ngành triển khai thực hiện nghiêm túc, bám sát nhiệm vụ chính trị và yêu cầu trong thời kỳ mới và đạt được những kết quả tích cực; việc xây dựng đề án về sắp xếp tổ chức bộ máy đảm bảo đúng tiến độ; việc triển khai thực hiện tinh giản biên chế ở cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đúng trình tự quy định trên cơ sở sắp xếp, kiện toàn lại tổ chức bộ máy; Đề án tinh giản biên chế và danh sách đối tượng thuộc diện tinh giản biên chế được công khai, bảo đảm dân chủ trong cơ quan, đơn vị, đồng thời không làm ảnh hưởng, xáo trộn lớn đến tư tưởng, đời sống của cán bộ, công chức, viên chức.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập. Sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập gắn với đổi mới và nâng cao năng lực tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công. Xây dựng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 02/4/2024 của Chính phủ về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước; đồng thời chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các quy định của pháp luật theo ngành, lĩnh vực, theo hướng đẩy mạnh phân cấp xác định rõ trách nhiệm giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với các sở, ban, ngành; giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và giữa Ủy ban nhân dân cấp huyện với Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn bảo đảm phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Thực hiện công tác tinh giản biên chế đảm bảo chỉ tiêu theo quy định của giai đoạn 2022-2026, gắn với hoàn thiện vị trí việc làm, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

5. Tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đối với cấp xã; thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao theo Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh và thực hiện chính sách thu hút, ưu đãi đối với bác sĩ, dược sĩ theo Nghị quyết số 08/2015/NQ-HĐND ngày 10/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh (và các nghị quyết sửa đổi, bổ sung).

L. NGHỊ QUYẾT SỐ 101/NQ-HĐND NGÀY 06/12/2023 KẾT QUẢ

GIÁM SÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ BẢO HIỂM Y TẾ ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ TỪ NGÀY 01/01/2021 ĐẾN 30/9/2023.

1. Nhiệm vụ “Chủ trì xây dựng chính sách hỗ trợ cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người dân tộc thiểu số chưa tham gia bảo hiểm y tế (ngoài các đối tượng do ngân sách nhà nước đóng và hỗ trợ một phần mức đóng)”

UBND tỉnh đã giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Ban Dân tộc tỉnh; Bảo hiểm xã hội tỉnh và UBND các huyện: Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão, Hoài Ân, Tây Sơn, Phù Cát rà soát số liệu. Theo kết quả rà soát của các ngành, địa phương; Sở Y tế đã tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh số liệu người dân tộc thiểu số chưa tham gia BHYT (ngoài các đối tượng do ngân sách nhà nước đóng và hỗ trợ một phần mức đóng) (tại Công văn số 962/SYT-NVY ngày 22/3/2024).

Ngày 02/4/2024, Sở Y tế đã chủ trì tổ chức cuộc họp bàn về chính sách hỗ trợ BHYT cho người dân tộc thiểu số chưa tham gia BHYT (ngoài các đối tượng do ngân sách nhà nước đóng và hỗ trợ một phần mức đóng) với sự tham gia của đại diện Ban Văn hoá Hội đồng nhân dân tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Ban Dân tộc tỉnh, UBND huyện Tây Sơn. Căn cứ các quy định hiện hành về chính sách BHYT và ý kiến thống nhất của các thành viên dự họp; Sở Y tế đã báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo Ban Dân tộc tỉnh chủ trì nghiên cứu, đề xuất chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế cho người dân tộc thiểu số chưa tham gia BHYT theo đúng các quy định hiện hành.

Tại Công văn số 2611/UBND-VX ngày 08/4/2024, UBND tỉnh đã đồng ý chuyển nhiệm vụ này từ Sở Y tế sang Ban Dân tộc tỉnh chủ trì thực hiện. Đến nay, Ban Dân tộc tỉnh đã báo cáo dự thảo chính sách cho UBND tỉnh để trình kỳ họp HĐND tỉnh giữa năm 2024 xem xét, quyết định.

2. Nhiệm vụ “Tăng cường điều động bác sĩ có trình độ chuyên môn cao của các bệnh viện đa khoa/chuyên khoa tuyến tỉnh về hỗ trợ, đào tạo, chuyển giao kỹ thuật cho các Trung tâm Y tế các huyện miền núi Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão.”

UBND tỉnh đã giao Sở Y tế chỉ đạo Bệnh viện đa khoa tỉnh chịu trách nhiệm hỗ trợ chuyên môn và chuyển giao kỹ thuật toàn diện đối với Trung tâm Y tế huyện Vân Canh và Vĩnh Thạnh; Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn chịu trách nhiệm hỗ trợ chuyên môn và chuyển giao kỹ thuật toàn diện đối với Trung tâm Y tế huyện An Lão. Tiến độ thực hiện hỗ trợ, đào tạo, chuyển giao kỹ thuật cho Trung tâm Y tế các huyện miền núi cụ thể như sau:

- Trung tâm Y tế các huyện: Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão đã rà soát, đăng ký nhu cầu hỗ trợ, đào tạo, chuyển giao kỹ thuật với Bệnh viện đa khoa tỉnh và Bệnh viện đa khoa khu vực Bông Sơn.

- Trên cơ sở nhu cầu đăng ký của các Trung tâm y tế, Bệnh viện đa khoa tỉnh và Bệnh viện đa khoa khu vực Bông Sơn đã tổ chức khảo sát thực tế tại từng Trung tâm y tế để xác định, thống nhất nội dung đào tạo, hỗ trợ chuyên môn và kỹ thuật chuyển giao cụ thể; theo đó:

+ Bệnh viện đa khoa tỉnh cử bác sỹ có trình độ chuyên môn cao hỗ trợ chuyên giao kỹ thuật, đào tạo tại chỗ về nội soi (tiêu hoá, tai mũi họng), phẫu thuật (lấy thai, thoát vị bẹn, kết hợp xương đơn giản, tháo kết hợp xương đơn giản), hồi sức cấp cứu (kể cả nhi khoa), điều trị bằng Máy phá rung tim; hướng dẫn sử dụng một số thiết bị y tế (máy đo chức năng hô hấp, Hệ thống X quang kỹ thuật số, Máy đo chỉ số khúc xạ, giác mạc),... cho khoảng 33 bác sỹ, điều dưỡng viên, kỹ thuật viên của các trung tâm y tế.

+ Bệnh viện đa khoa khu vực Bông Sơn cử bác sỹ có trình độ chuyên môn cao hỗ trợ chuyên giao kỹ thuật, đào tạo tại chỗ về hồi sức cấp cứu (sản khoa, nhi khoa, tim mạch), cơ xương khớp, siêu âm; hướng dẫn sử dụng một số thiết bị y tế (dụng cụ phòng mổ, monitoring sản khoa, bơm tiêm điện),... cho khoảng 79 bác sỹ, điều dưỡng viên, nữ hộ sinh, kỹ thuật viên của trung tâm y tế.

- Trên cơ sở nội dung đào tạo, hỗ trợ chuyên môn và kỹ thuật chuyển giao đã thống nhất; Bệnh viện đa khoa tỉnh và Bệnh viện đa khoa khu vực Bông Sơn đã xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể theo từng tháng.

Đến nay, các bệnh viện đã hoàn thành công tác chuẩn bị như sắp xếp, bố trí nhân lực, tài liệu, nội dung đào tạo, tập huấn... Theo kế hoạch, các bệnh viện triển khai thực hiện từ tháng 6/2024, sẽ cơ bản hoàn thành trong năm 2024 và sẽ tiếp tục hỗ trợ trong những năm tiếp theo để nâng cao năng lực chuyên môn cho Trung tâm Y tế các huyện: Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão.

3. Nhiệm vụ “Chỉ đạo các cơ sở y tế công lập trực thuộc đẩy mạnh chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính gắn với ứng dụng công nghệ thông tin; thường xuyên quan tâm công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, để đảm bảo đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân.”

Ngày 12/7/202, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 128/KH-UBND về việc triển khai thực hiện các nền tảng số y tế trong quản lý và chăm sóc sức khỏe người dân đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Để tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả công tác chuyển đổi số trong ngành Y tế, Sở Y tế thành lập Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số⁽⁶⁵⁾ do Giám đốc Sở làm Trưởng ban và ban hành các kế hoạch thực hiện cụ thể⁽⁶⁶⁾. Thực hiện chỉ đạo của Sở Y tế, các đơn vị trực thuộc Sở cũng đã thành lập Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tại đơn vị do người đứng đầu làm Trưởng ban để định hướng phát triển chuyển đổi số cho đơn vị và triển khai việc xây dựng chương trình, kế hoạch hành động có chú trọng đến ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phù hợp tình hình thực tiễn của đơn vị. Một số kết quả thực hiện đáng lưu ý như sau:

- 100% cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh đã triển khai và hoàn thành việc liên thông dữ liệu kết quả giấy chứng sinh phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ công liên thông “Đăng ký khai sinh - Đăng ký thường trú - Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi” trên địa bàn tỉnh (dịch vụ công thiết yếu của Đề án 06).

- 100% cơ sở y tế có chức năng khám sức khỏe giấy phép lái xe trên địa bàn tỉnh đã triển khai và hoàn thành việc liên thông dữ liệu kết quả giấy khám sức khỏe lái xe phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình “Cấp đổi giấy phép lái xe”; tích cực phối hợp với Sở Giao thông vận tải thực hiện các giải pháp thúc đẩy việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình “Cấp đổi giấy phép lái xe”, trong đó có mô hình triển khai hướng dẫn người dân thực hiện tại cơ sở y tế ngay sau khi công dân đã hoàn thành việc khám sức khỏe.

- Triển khai cho một số cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh hoàn thành chức năng thanh toán trực tuyến một số thủ tục viện phí trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh (được Văn phòng Chính phủ đánh giá cao Báo cáo số 8244/BC-VPCP ngày 23/10/2023).

- Triển khai và tiếp tục phát triển phần mềm Hồ sơ sức khỏe điện tử nâng cao (V2.0). Dữ liệu Hồ sơ được kết nối, liên thông từ các phần mềm Quản lý tổng thể bệnh viện (HIS), quản lý y tế cơ sở, tiêm chủng mở rộng và đã được liên thông với ứng dụng Sổ sức khỏe điện tử tích hợp vào VNeID. Tiếp tục thực hiện cập nhật liên tục, đầy đủ, chính xác, phổ cập, chuẩn hóa dữ liệu trên hệ thống phần mềm Hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân (được đối chiếu thông tin hành chính với cơ sở dữ

⁶⁵ Quyết định số 754/QĐ-SYT ngày 04/3/2023 về thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số của ngành Y tế, Quyết định số 1128/QĐ-SYT ngày 17/3/2023 về thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo chuyển đổi số ngành Y tế tỉnh Bình Định

⁶⁶ Kế hoạch triển khai chương trình chuyển đổi số y tế năm 2023, giai đoạn 2024 - 2025 và định hướng đến năm 2030 trong ngành Y tế tỉnh Bình Định kèm theo Quyết định số 1244/QĐ-SYT ngày 30/3/2023; Kế hoạch số 39/KH-SYT ngày 31/3/2023 về thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định trong ngành Y tế năm 2023; Kế hoạch số 103/KH-SYT ngày 22/12/2023 về Chuyển đổi số của ngành Y tế năm 2024; Kế hoạch số 31/KH-SYT ngày 28/02/2024 về thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh trong ngành Y tế năm 2024

liệu quốc gia về dân cư) để làm nòng cốt, trụ cột, trọng tâm hình thành kho dữ liệu chuyên ngành y tế dùng chung của ngành, của địa phương để phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành của ngành, của tỉnh.

- Sẵn sàng kết nối, chia sẻ với dữ liệu chuyên ngành dùng chung của Bộ Y tế để thống nhất chung trên toàn quốc và đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ cho phát triển Chính quyền số, Chính phủ số.

- Đã triển khai phần mềm khám chữa bệnh từ xa giúp người dân tiếp cận được dịch vụ khám chữa bệnh có chất lượng hơn, giảm tải cho các cơ sở y tế tuyến trên tại 30 trạm y tế xã trên địa bàn tỉnh.

- Bệnh viện Đa khoa tỉnh đã xây dựng dự án Đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số cho đơn vị và đã được UBND tỉnh phê duyệt cân đối, bố trí vốn đầu tư dự án theo Quyết định số 3581/QĐ-UBND ngày 28/9/2023. Hiện nay đang khẩn trương triển khai tiếp tục các bước tiếp theo để thực hiện hoàn thành bệnh án điện tử đảm bảo kịp tiến độ.

- Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở đã chủ động nâng cấp các thiết bị cần thiết, cơ bản để thực hiện chuyển đổi số y tế, trong đó bệnh án điện tử là nòng cốt theo khả năng tài chính thực tế của đơn vị. Thuê dịch vụ lưu trữ iCloud để lưu trữ dữ liệu khám bệnh, chữa bệnh hiện tại của đơn vị.

- Công tác truyền thông, tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của công chức, viên chức toàn ngành trong việc xây dựng, thực hiện Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số được ngành Y tế triển khai thực hiện nghiêm túc và hiệu quả. Đã đổi mới phương thức làm việc theo hướng chuyển đổi số, nâng cao chất lượng trong thực thi công vụ, quản lý điều hành và hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh.

- 100% công chức, viên chức được tiếp cận tài liệu triển khai thực hiện về chuyển đổi số; công chức, viên chức đã tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyển đổi số theo kế hoạch của các cấp tổ chức bằng nhiều hình thức trực tuyến và trực tiếp.

4. Nhiệm vụ “Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ y tế xã, để đảm bảo nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu chuyên môn, phục vụ chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.”

Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực luôn là nhiệm vụ trọng tâm được ngành Y tế quan tâm thực hiện nhằm từng bước nâng cao chất lượng công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân; trong đó ưu tiên nhân viên y tế tuyến xã, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi nhằm đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của người

dân thuộc vùng khó khăn. Hiện nay, số bác sĩ có trình độ sau đại học toàn tỉnh là 48,2%; trong đó, tại 03 huyện miền núi Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão là 46,8%.

UBND tỉnh đã giao Sở Y tế ban hành Kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2021 - 2025; hàng năm trên cơ sở kế hoạch đào tạo được xây dựng từ các đơn vị trực thuộc, Sở Y tế ban hành kế hoạch đào tạo cho toàn Ngành. Sở Y tế cũng đã tham mưu HĐND, UBND tỉnh ban hành Đề án Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế tại các cơ sở y tế công lập thuộc tỉnh đến năm 2025 và đang tổ chức triển khai quyết liệt nhằm đạt các chỉ tiêu đề ra.

Hàng năm, Sở Y tế chỉ đạo các Trung tâm y tế tăng cường điều động bác sĩ tuyến huyện về công tác tại Trạm y tế xã để đảm bảo 100% các Trạm y tế xã có bác sĩ làm việc; đồng thời điều động bác sĩ Trạm y tế xã định kỳ làm việc tại Trung tâm y tế để nâng cao năng lực chuyên môn. Hiện tại, 159 Trạm y tế xã đều có bác sĩ làm việc; trong đó 143 Trạm y tế có bác sĩ tại chỗ, 16 Trạm y tế có bác sĩ tăng cường; riêng tại 3 huyện miền núi, số Trạm y tế có bác sĩ tại chỗ là 25, chỉ 01 Trạm y tế có bác sĩ tăng cường.

5. Nhiệm vụ “Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện Đề án nâng cao năng lực hoạt động hệ thống y tế cơ sở của tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025, đã được HĐND tỉnh và UBND tỉnh phê duyệt; đề xuất kịp thời việc đầu tư xây dựng, cải tạo, mở rộng cơ sở hạ tầng và đầu tư trang thiết bị y tế cho các cơ sở khám chữa bệnh công lập, nhằm đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân trong thời gian tới.”

5.1. Triển khai thực hiện Đề án nâng cao năng lực hoạt động hệ thống y tế cơ sở của tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025

Thực hiện Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 07/9/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh tỉnh ban hành Đề án nâng cao năng lực hoạt động hệ thống y tế cơ sở của tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 - 2025; Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 07/9/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định số 4746/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của UBND tỉnh Sửa đổi một số nội dung Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh; theo đó, tổng kinh phí Đề án 941,175 tỷ đồng: trong đó:

- Xây mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng: 745,0 tỷ; trong đó:
- + Tuyến huyện: 507,0 tỷ đồng
- + Tuyến xã: 238,0 tỷ đồng

- Mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế: 196,175 tỷ đồng; trong đó:

+ Tuyến huyện: 147,585 tỷ đồng

+ Tuyến xã: 48,590 tỷ đồng.

5.1.1. Tiến độ triển khai thực hiện Đề án

a) Xây mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng

- Tổng số hạng mục được phê duyệt 144; trong đó tuyến huyện: 78 , tuyến xã 66.

- Tổng số kinh phí : 745,0 tỷ; trong đó tuyến huyện 507,0 tỷ đồng , tuyến xã 238,0 tỷ đồng.

- Tổng số hạng mục đã triển khai thực hiện 79; trong đó:

Tuyến huyện 51, tuyến xã 28.

Tổng số kinh phí đã thực hiện: 568,5 tỷ; trong đó tuyến huyện 412,5 tỷ đồng, tuyến xã 156,0 tỷ đồng.

b) Mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế

- Tổng số danh mục được phê duyệt 222, trong đó tuyến huyện: 171 (kinh phí: 147,585 tỷ đồng), tuyến xã: 51(48,590 tỷ đồng)

- Tổng số danh mục đã mua sắm 2023 (tuyến huyện) 37, tổng số tiền 32,074 tỷ đồng.

- Tổng số danh mục đang triển khai thực hiện mua sắm 2024: 84, trong đó tuyến huyện: 37 (50,7 tỷ đồng) , tuyến xã: 47(29,1 tỷ đồng)

- Tổng số kinh phí được giao năm 2024: 82,8 tỷ, trong đó tuyến huyện 53,7 tỷ, tuyến xã 29,1 tỷ

5.1.2. Tiến độ điều chỉnh, bổ sung của Đề án

Thực hiện Công văn số 3407/UBND-VX ngày 08/5/2024 của UBND tỉnh về việc xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung của Đề án nâng cao năng lực hoạt động hệ thống y tế cơ sở của tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025; Sở Y tế đã hoàn thành tổng hợp nhu cầu điều chỉnh, bổ sung danh mục và kinh phí thực hiện xây mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng các Trạm y tế thuộc Đề án theo văn bản đề nghị của UBND các huyện, thị xã, thành phố; thành lập đoàn công tác Liên ngành (gồm đại diện các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Y tế) làm việc trực tiếp với các UBND cấp huyện để kiểm tra hiện trạng thực tế, xác định quy mô đầu tư tại các Trạm y tế có nhu cầu điều chỉnh, bổ sung vào Đề

án; ngày 07/6/2024, Sở Y tế có Công văn số 2128/SYT-KHTC gửi UBND các huyện, thị xã, thành phố đề nghị kiểm tra, rà soát lần cuối nhu cầu điều chỉnh, bổ sung danh mục và kinh phí xây dựng cơ bản tại các Trạm y tế thuộc Đề án.

Hiện nay, UBND tỉnh đang hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 06/12/2023, đề báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; theo đó, nội hàm chính của dự thảo nghị quyết đề nghị HĐND tỉnh thông qua:

- Điều chỉnh danh mục dự án xây mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng các Trạm y tế (*dự kiến điều chỉnh 23 dự án*) so với danh mục dự án đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Bổ sung danh mục dự án xây mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng các Trạm y tế (*dự kiến bổ sung 05 dự án*) so với danh mục dự án đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Điều chỉnh kinh phí thực hiện xây mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng các Trạm y tế (*dự kiến tăng 116,581 tỷ đồng*) so với kinh phí đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh (*trong đó: kinh phí của các dự án điều chỉnh: tăng 108,573 tỷ đồng, kinh phí các dự án bổ sung: tăng 8,008 tỷ đồng*).

5.2. Đề xuất kịp thời việc đầu tư xây dựng, cải tạo, mở rộng cơ sở hạ tầng và đầu tư trang thiết bị y tế

5.2.1. Đề xuất đầu tư xây dựng, cải tạo, mở rộng cơ sở hạ tầng

Các hạng mục công trình đã có chủ trương đầu tư đang triển khai các thủ tục để thực hiện: Đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số; cải tạo, sửa chữa nhà Khoa khám; xây dựng sửa chữa các đoạn hành lang cầu nối cũ nhà vệ sinh công cộng; sửa chữa các khoa nội tổng hợp, nội tiêu hoá, ngoại lồng ngực Bệnh viện đa khoa tỉnh. Sửa chữa, cải tạo nhà điều bệnh + hành lang nối, khu khám + hành chính + kỹ thuật nghiệp vụ và nhà Dinh dưỡng Bệnh viện YHCT và Phục hồi chức năng. Sửa chữa, cải tạo khoa Nội tổng hợp; lắp đặt thang máy khoa Truyền nhiễm; xây dựng mới Khu điều trị hệ Ngoại, Sản, Phẫu thuật gây mê hồi sức và các hạng mục phụ trợ Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn. Xây dựng mới khu điều trị + nhà hành chính TTYT thành phố Quy Nhơn. Xây dựng mới khu nhà điều trị và các hạng mục phụ trợ TTYT thị xã An Nhơn. Sửa chữa, cải tạo Trung tâm kiểm soát bệnh tật. Sửa chữa nhà làm việc Trung tâm Pháp y.

5.2.2. Đầu tư thiết bị y tế (ngoài Đề án y tế cơ sở)

Năm 2023, đầu tư mua sắm 57 danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế cho các đơn vị tuyến tỉnh, tổng kinh phí 185 tỷ; Năm 2024, đầu tư mua sắm 43 danh mục, tổng kinh phí 63 tỷ đồng.

PHỤ LỤC 1

BẢNG 1: TỔNG HỢP THỰC HIỆN QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN CCN TỈNH BÌNH ĐỊNH ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2035

Stt	Địa phương	Quy hoạch		Quyết định thành lập		Quy hoạch chi tiết			CCN hoạt động			Tỷ lệ lấp đầy bình quân của các CCN đi vào hoạt động (%)
		Tổng số CCN	Diện tích (ha)	Tổng số CCN	Diện tích (ha)	Tổng số CCN	Diện tích (ha)	Diện tích đất CN (ha)	Tổng số CCN	Diện tích đất CN các CCN hoạt động (ha)	Diện tích đất CN cho thuê và có CTĐT (ha)	
TỔNG CỘNG		68	3.470,2	46	1.543,0	45	1.570,0	1.100,1	37	922,7	738,2	80,0
1	Quy Nhơn	1	43,3	1	23,3	1	41,7	24,6	1	11,9	1,9	15,6
2	Tuy Phước	5	273,5	2	87,7	2	87,7	63,5	1	40,2	40,2	100,0
3	An Nhơn	10	361,3	9	275,7	9	249,1	174,3	8	157,9	98,7	62,5
4	Tây Sơn	12	770,4	10	434,0	9	404,5	300,5	9	300,5	244,1	81,3
5	Phù Cát	7	315,2	4	140,4	4	140,4	100,6	3	65,8	60,6	92,2
6	Phù Mỹ	7	389,3	4	227,0	4	231,8	149,7	3	112,7	91,6	81,3
7	Hoài Nhơn	14	693,7	9	217,2	10	287,4	199,8	6	146,5	125,4	85,6
8	Hoài Ân	3	44,0	3	39,0	2	29,0	18,4	2	18,4	8,4	45,4
9	An Lão	2	58,8	2	25,8	2	25,8	16,7	2	16,7	16,1	96,5
10	Vĩnh Thạnh	1	70,7	1	35,7	1	35,7	25,5	1	25,5	25,0	98,1
11	Vân Canh	6	450,0	1	37,0	1	36,9	26,6	1	26,6	26,2	98,4

PHỤ LỤC 1

BẢNG 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN CCN TỈNH BÌNH ĐỊNH ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2035

Stt	Tên CCN	DT Phương án (ha)	Thành lập CCN		Quy hoạch chi tiết		DT đất đã BT-GPMB (ha)	DT đất công nghiệp (ha)						Tỷ lệ lấp đầy (%)	Tỷ lệ lấp đầy (cho thuê và có CTĐT) (%)	CCN hoạt động	CCN do DN làm chủ đầu tư				Ngành nghề hoạt động		
			Năm QĐ	DT (ha)	Năm QĐ	DT (ha)		Theo Phương án	Theo QHCT	CCN đã hoạt động	Đã cho thuê	Đã cho thuê và có CTĐT	Còn lại (theo QHCT)				Số CCN	DT (ha)	VĐT (tỷ đồng)	VTH (tỷ đồng)	Đa ngành	Chuyên ngành	
TỔNG CỘNG		3.470,2	46	1.543,0	45	1.570,0	990,3	2.426,4	1.100,1	922,7	613,4	738,2	362,0	66,5	80,0	37	18	602,9	2.996,8	811,8	64	4	
I	Quy Nhơn	43,3	1	23,3	1	41,7	23,3	24,6	24,6	11,9	1,9	1,9	22,8	15,6	15,6	1	0	-	-	-	1	0	
1	1	CCN Bùi Thị Xuân	23,3	2016	23,3	2008	23,3	23,3	11,9	11,9	11,9	1,9	1,9	10,0	15,6	15,6	X	-	-	-	X		
			20,0		-	2024	18,4	-	12,7	12,7	-	-	-	12,7	-	-		-	-	-			
II	Tuy Phước	273,5	2	87,7	2	87,7	49,5	193,6	63,5	40,2	40,2	40,2	23,4	100,0	100,0	1	1	38,2	305,0	0,6	5	0	
2	1	CCN Phước An	49,5	2013	49,5	2009	49,5	49,5	40,2	40,2	40,2	40,2	40,2	-	100,0	100,0	X	-	-	-	X		
3	2	CCN Bình An	38,2	2023	38,2	2023	38,2	-	23,4	23,4	-	-	-	23,4	-	-		Công ty TNHH Thịnh Tiến	38,2	305,0	0,6	X	
			36,8		-	-	-	-	25,7	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-			
4	3	CCN Qui Hội	53,0		-	-	-	-	37,1	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	X		
5	4	CCN Tây Hoàng Giang	66,0		-	-	-	-	46,2	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	X		
6	5	CCN An Sơn	30,0		-	-	-	-	21,0	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	X		
III	An Nhơn	361,3	9	275,7	9	249,1	215,8	246,8	174,3	157,9	97,5	98,7	75,6	61,7	62,5	8	5	185,7	1.284,0	405,7	10	0	
7	1	CCN Bình Định	14,4	2014	14,4	2003	14,4	14,4	9,8	9,8	9,8	8,3	8,3	1,5	84,7	84,7	X	-	-	-	X		
8	2	CCN Nhơn Hòa	21,6	2014	21,6	2002	13,8	21,6	11,3	11,3	11,3	11,3	11,3	-	100,0	100,0	X	-	-	-	X		
9	3	CCN Đồi Hòa Sơn	37,0	2014	37,0	2016	37,0	29,8	26,2	26,2	26,2	23,4	23,4	2,9	89,1	89,1	X	Công ty TNHH Thiên Hưng Mỹ Thọ	37,0	90,8	64,8	X	
10	4	CCN Thanh Liêm	4,6	2014	4,6	2004	4,6	4,6	2,8	2,8	2,8	2,8	2,8	-	100,0	100,0	X	-	-	-	X		
11	5	CCN Nhơn Tân	25,0	2014	25,0	2021	24,4	-	16,4	16,4	-	-	-	16,4	-	-		Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Minh Hiếu	25,0	104,6	3,1	X	
12	6	CCN An Mơ	29,4	2014	29,4	2015	29,4	27,9	20,7	20,7	20,7	2,4	2,4	18,3	11,4	11,4	X	Công ty CP ĐT TM TH Trường Thịnh	29,4	73,3	60,0	X	
13	7	CCN An Trường	28,3	2014	28,3	2009	28,3	28,3	20,3	20,3	20,3	7,0	7,0	13,3	34,3	34,3	X	Công ty CP Du lịch Hoàn Cầu	28,3	50,0	32,0	X	
14	8	CCN Tân Đức	31,5	2014	31,5	2016	31,5	22,1	23,7	23,7	23,7	22,1	23,3	0,4	93,1	98,3	X	-	-	-	X		
			18,5	2024	18,0		-	-	13,0	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-			
			20,0		-	-	-	-	14,0	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-			
15	9	CCN Nhơn Tân 1	66,0	2019	66,0	2020	65,7	67,1	43,1	43,1	43,1	20,3	20,3	22,8	47,1	47,1	X	Công ty TNHH MTV ĐTPT Kho bãi Nhơn Tân	66,0	965,4	245,8	X	
16	10	CCN Tân Nghi	65,0		-	-	-	-	45,5	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	X		
IV	Tây Sơn	770,4	10	434,0	9	404,5	236,3	556,6	300,5	300,5	158,9	244,1	56,3	52,9	81,3	9	4	163,8	551,4	227,4	12	0	
17	1	CCN Hóc Bơm	37,8	2015	37,8	2010	37,8	8,6	27,4	27,4	27,4	8,6	26,3	1,1	31,5	96,0	X	-	-	-	X		
			37,0		-	-	-	-	25,9	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-			
18	2	CCN Cầu Nước Xanh	38,8	2016	38,8	2008	38,8	38,8	28,1	28,1	28,1	14,8	14,8	13,3	52,6	52,6	X	Công ty CP CCN Cầu Nước Xanh	38,8	80,0	30,2	X	

Stt	Tên CCN	DT Phương án (ha)	Thành lập CCN		Quy hoạch chi tiết		DT đất đã BT-GPMB (ha)	DT đất công nghiệp (ha)						Tỷ lệ lấp đầy (%)	Tỷ lệ lấp đầy (cho thuê và có CTĐT) (%)	CCN hoạt động	CCN do DN làm chủ đầu tư				Ngành nghề hoạt động		
			Năm QĐ	DT (ha)	Năm QĐ	DT (ha)		Theo Phương án	Theo QHCT	CCN đã hoạt động	Đã cho thuê	Đã cho thuê và có CTĐT	Còn lại (theo QHCT)				Số CCN	DT (ha)	VĐT (tỷ đồng)	VTH (tỷ đồng)	Đa ngành	Chuyên ngành	
19	3	CCN Phú An	38,0	2014	35,7	2004	38,0	31,5	27,7	27,7	27,7	22,4	26,8	0,9	81,0	96,6	X		-	-	-	X	
20	4	CCN Cầu 16	38,0	2012	38,0	2013	38,0	16,1	28,2	28,2	28,2	15,9	24,7	3,5	56,4	87,6	X		-	-	-	X	
			37,0		-	-	-	-	25,9	-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	
21	5	CCN Bình Nghi	23,7	2013	23,7	2015	23,7	22,4	20,3	20,3	20,3	17,7	19,1	1,2	87,3	93,9	X		-	-	-	X	
			50,0		50,0		50,0	25,0	36,5	36,5	36,5	-	21,9	14,6	-	60,0			Công ty TNHH Đầu tư hạ tầng Kamado	50,0	199,2		86,0
22	6	CCN Tây Giang (CCN Gò Giữa)	35,0	2016	35,0		-	-	24,5	-	-	-	-	-	-	-	X		-	-	-	X	
			40,0		-	-	-	-	28,0	-	-	-	-	-	-	-		-		-	-		-
23	7	CCN Gò Cây	30,0	2015	30,0	2019	30,0	18,1	23,3	23,3	23,3	18,1	23,1	0,2	77,8	99,1	X		-	-	-	X	
			45,0		45,0		45,0	45,0	31,4	31,4	31,4	30,9	31,4	-	98,7	100,0			Công ty TNHH Thiên Hưng Mỹ Thọ	45,0	136,7		110,0
24	8	CCN Bình Tân	30,0	2015	30,0	2019	30,0	1,5	22,6	22,6	22,6	1,5	1,5	21,2	6,5	6,5	X		-	-	-	X	
			45,0		-	-	-	-	31,5	-	-	-	-	-	-	-		-		-	-		-
25	9	CCN Tây Xuân	52,1	2015	50,0	2016	52,1	24,2	39,3	39,3	39,3	23,8	39,3	-	60,6	100,0	X		-	-	-	X	
			22,0		-	-	-	-	15,4	-	-	-	-	-	-	-		-		-	-		-
26	10	CCN Rẫy Ông Thơ	21,0	2016	20,0	2018	21,0	5,1	15,8	15,8	15,8	5,1	15,5	0,3	32,5	98,2	X		-	-	-	X	
27	11	CCN Nam Bình Nghi	75,0		-		-	-	52,5	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-	X	
28	12	CCN Bình Thành	75,0		-		-	-	52,5	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-	X	
V		Phù Cát	315,2	4	140,4	4	140,4	90,4	222,9	100,6	65,8	60,6	60,6	40,0	92,2	92,2	3	2	77,0	79,0	79,7	6	1
29	1	CCN Gò Mít	13,4	2014	13,4	2002	13,4	13,4	10,2	10,2	10,2	10,2	10,2	-	100,0	100,0	X		-	-	-	X	
30	2	CCN Cát Nhơn	60,2	2013	60,2	2007	60,2	60,2	43,8	43,8	43,8	43,7	43,7	0,1	99,9	99,9	X		-	-	-	X	
			14,8		-	-	-	-	10,3	-	-	-	-	-	-	-		-		-	-		-
31	3	CCN Cát Hiệp	50,0	2012	50,0	2014	50,0	-	34,8	34,8	-	-	-	34,8	-	-			-	-	-	X	
32	4	CCN Cát Trinh	16,8	2015	16,8	2014	16,8	16,8	11,8	11,8	11,8	6,7	6,7	5,1	56,8	56,8	X		-	-	-		May mặc
33	5	CCN Cát Hanh	70,0		-		-	-	49,0	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-	X	
34	6	CCN Cát Tân	50,0		-		-	-	35,0	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-	X	
35	7	CCN Cát Lâm	40,0		-		-	-	28,0	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-	X	
VI		Phù Mỹ	389,3	4	227,0	4	231,8	120,1	263,3	149,7	112,7	89,6	91,6	58,0	79,5	81,3	3	1	50,0	311,5	1,0	6	1
36	1	CCN Bình Dương	75,0	2014	75,0	2009	75,0	56,6	46,3	46,3	46,3	37,3	37,3	9,0	80,6	80,6	X		-	-	-	X	
37	2	CCN Diêm Tiêu	38,2	2016	38,2	2008	43,4	27,9	28,3	28,3	28,3	21,4	21,5	6,8	75,5	75,9	X		-	-	-	X	
38	3	CCN Đại Thạnh	63,8	2016	63,8	2008	63,8	35,7	38,1	38,1	38,1	30,9	32,8	5,3	81,2	86,2	X		-	-	-	X	

Stt	Tên CCN	DT Phương án (ha)	Thành lập CCN		Quy hoạch chi tiết		DT đất đã BT-GPMB (ha)	DT đất công nghiệp (ha)						Tỷ lệ lấp đầy (%)	Tỷ lệ lấp đầy (cho thuê và có CTĐT) (%)	CCN hoạt động	CCN do DN làm chủ đầu tư				Ngành nghề hoạt động		
			Năm QĐ	DT (ha)	Năm QĐ	DT (ha)		Theo Phương án	Theo QHCT	CCN đã hoạt động	Đã cho thuê	Đã cho thuê và có CTĐT	Còn lại (theo QHCT)				Số CCN	DT (ha)	VĐT (tỷ đồng)	VTH (tỷ đồng)	Đa ngành	Chuyên ngành	
39	4	CCN Tân Tường An	50,0	2023	50,0	2024	49,6	-	36,9	36,9	-	-	-	36,9	-	-		Công ty TNHH MTV ĐTPT Kho bãi Nhơn Tân	50,0	311,5	1,0	X	
40	5	CCN thủy sản Mỹ Thành	26,3		-		-	-	18,4	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-		Chế biến thủy sản
41	6	CCN Trung Hiệp	61,0		-		-	-	42,7	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-	X	
42	7	CCN Trung Thành	75,0		-		-	-	52,5	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-	X	
VII		Hoài Nhơn	693,7	9	217,2	10	287,4	161,6	484,2	199,8	146,5	96,3	125,4	74,4	65,7	85,6	6	4	68,5	449,2	80,8	12	2
43	1	CCN Bồng Sơn	30,5	2012	30,5	2001	30,5	22,6	22,3	22,3	22,3	18,3	22,3	-	82,0	100,0	X		-	-	-	X	
44	2	CCN Tam Quan	16,3	2015	16,3	2006	16,3	16,3	14,3	14,3	14,3	13,4	13,4	0,9	93,8	93,8	X	Tổng công ty May Nhà Bè - CTCP	16,3	26,7	26,7		May mặc
45	3	CCN Hoài Châu	25,0	2018	25,0	2018	25,0	25,0	18,7	18,7	18,7	-	18,7	-	-	100,0		Công ty CP Lâm nghiệp Kim Thành Lập	25,0	256,1	45,6	X	
			15,0		-		-		-	10,5	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-	
46	4	CCN Hoài Tân	74,5	2014	74,5	2015	74,5	46,5	57,1	57,1	57,1	42,7	42,7	14,4	74,8	74,8	X		-	-	-	X	
47	5	CCN Hoài Hào	17,0	2018	16,8	2010	16,8	11,5	11,9	11,9	11,9	9,4	9,4	2,5	78,9	78,9	X		-	-	-	X	
48	6	CCN Hoài Hương	11,8	2014	11,8	2015	11,8	11,8	6,7	6,7	-	-	-	6,7	-	-		Công ty TNHH Thiên Kim Bình Định	11,8	80,8	3,0	X	
			62,2		-		-		-	43,5	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-	
49	7	CCN Đệ Đức - Hoài Tân	15,3	2017	15,3	2018	15,3	15,3	11,4	11,4	-	-	-	11,4	-	-		Công ty TNHH Tân Lập	15,3	85,7	5,5	X	
50	8	CCN Thiết Đính Bắc	50,0		-		-	-	35,0	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-	X	
51	9	CCN Tường Sơn	19,9	2012	15,0	2014	19,9	7,4	13,8	13,8	13,8	7,4	13,8	-	53,5	100,0	X		-	-	-	X	
			34,1		-		-		-	23,9	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-	
52	10	CCN Ngọc Sơn - Hoài Thanh Tây	12,0	2018	12,0	2019	12,0	5,1	8,5	8,5	8,5	5,1	5,1	3,3	60,7	60,7	X		-	-	-	X	
			35,6		-		-		-	24,9	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-	
53	11	CCN Giao Hội	65,0		-	2023	65,3	-	35,1	35,1	-	-	-	35,1	-	-			-	-	-		Lâm sản
54	12	CCN Mỹ An - Hoài Thanh	70,0		-		-	-	49,0	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-	X	
55	13	CCN Cự Lễ	74,0		-		-	-	51,8	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-	X	
56	14	CCN Thành Sơn - xã Hoài Châu	65,4		-		-	-	45,7	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-	X	
VIII		Hoài Ân	44,0	3	39,0	2	29,0	8,4	28,9	18,4	18,4	3,7	8,4	10,0	20,0	45,4	2	0	-	-	-	3	0
57	1	CCN Dốc Trường Sỏi	19,0	2011	19,0	2004	19,0	7,2	11,7	11,7	11,7	2,5	2,8	9,0	21,1	23,7	X		-	-	-	X	
58	2	CCN Du Tụ	10,0	2013	10,0		-	-	7,0	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-	X	
			5,0		-		-		-	3,5	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-	

Stt	Tên CCN	DT Phương án (ha)	Thành lập CCN		Quy hoạch chi tiết		DT đất đã BT-GPMB (ha)	DT đất công nghiệp (ha)						Tỷ lệ lấp đầy (%)	Tỷ lệ lấp đầy (cho thuê và có CTĐT) (%)	CCN hoạt động	CCN do DN làm chủ đầu tư				Ngành nghề hoạt động		
			Năm QĐ	DT (ha)	Năm QĐ	DT (ha)		Theo Phương án	Theo QHCT	CCN đã hoạt động	Đã cho thuê	Đã cho thuê và có CTĐT	Còn lại (theo QHCT)				Số CCN	DT (ha)	VĐT (tỷ đồng)	VTH (tỷ đồng)	Đa ngành	Chuyên ngành	
59	3	CCN Gò Bằng	10,0	2014	10,0	2014	10,0	1,2	6,6	6,6	6,6	1,2	5,6	1,1	18,1	84,0	X		-	-	-	X	
IX	An Lão	58,8	2	25,8	2	25,8	25,8	39,8	16,7	16,7	16,1	16,1	0,6	96,5	96,5	2	0	0	-	-	-	2	0
60	1	CCN Gò Búi	11,7	2016	11,7	2008	11,7	11,7	7,0	7,0	7,0	6,4	6,4	0,6	91,7	91,7	X		-	-	-	X	
61	2	CCN Gò Cây Duối	14,1	2016	14,1	2007	14,1	14,1	9,7	9,7	9,7	9,7	9,7	0,0	100,0	100,0	X		-	-	-	X	
			33,0		-	-	-	-	23,1	-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	
X	Vĩnh Thạnh	70,7	1	35,7	1	35,7	29,7	50,0	25,5	25,5	25,0	25,0	0,5	98,1	98,1	1	1	19,7	16,7	16,7	1	0	
62	1	CCN Tà Súc	19,7	2013	19,7	2007	19,7	19,7	15,1	15,1	15,1	15,0	15,0	0,1	99,7	99,7	X	Công ty CP XLĐ Tuy Phước Bình Định	19,7	16,7	16,7	X	
			16,0		16,0	2006	16,0	10,0	10,4	10,4	10,4	10,0	10,0	0,4	95,9	95,9			-	-	-		
			35,0		-	-	-	-	24,5	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-		-
XI	Vân Canh	450,0	1	37,0	1	36,9	29,4	315,8	26,6	26,6	23,7	26,2	0,4	89,1	98,4	1	0	-	-	-	6	0	
63	1	CCN TT Vân Canh	37,0	2016	37,0	2006	36,9	29,4	26,6	26,6	26,6	23,7	26,2	0,4	89,1	98,4	X		-	-	-	X	
			38,0		-	-	-	-	26,7	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-		
64	2	CCN Canh Hiền	75,0		-		-	-	52,5	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	X	
65	3	CCN Canh Hiệp	75,0		-		-	-	52,5	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	X	
66	4	CCN Canh Hiệp 1	75,0		-		-	-	52,5	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	X	
67	5	CCN Canh Vinh 1	75,0		-		-	-	52,5	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	X	
68	6	CCN Canh Vinh 2	75,0		-		-	-	52,5	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	X	

PHỤ LỤC 1

BẢNG 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Stt	Tên CCN	Hiện trạng bồi thường, GPMB (Hoàn thành/trên 50%/dưới 50%/chưa đầu tư)	Hiện trạng đầu tư hạ tầng (Hoàn thành/cơ bản hoàn thành/đang đầu tư/chưa đầu tư)	Trong đó:				Hiện trạng đầu tư hệ thống XLNT chung	Vốn đầu tư hạ tầng kỹ thuật (tỷ đồng)								
				San lấp mặt bằng	Giao thông trực chính nội bộ CCN	Hệ thống điện	Hệ thống cấp, thoát nước		Vốn đăng ký	Vốn thực hiện	Trong đó:						
											Cơ quan NN làm chủ đầu tư	DN làm chủ đầu tư	Vốn hỗ trợ/ ứng trước DN	Trong đó:			
														Ngân sách TW hỗ trợ	Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Ngân sách huyện	Vốn ứng trước DN
TỔNG CỘNG								6	4.723,2	1.256,5	293,7	817,8	144,9	2,3	35,6	8,1	99,0
I	Quy Nhơn							0	69,4	47,1	47,1	-	-	-	-	-	-
1	1	CCN Bùi Thị Xuân	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Chưa đầu tư	69,4	47,1	47,1	-	-	-	-
II	Tuy Phước							1	377,7	67,8	67,2	0,6	-	-	-	-	-
2	1	CCN Phước An	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Đã hoạt động	72,7	67,2	67,2	-	-	-	-
3	2	CCN Bình An	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	305,0	0,6	-	0,6	-	-	-
III	An Nhơn							1	1.440,0	450,2	21,6	403,9	24,6	0,2	-	1,5	22,9
4	1	CCN Bình Định	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Chưa đầu tư	43,3	20,0	4,2	-	15,8	-	-
5	2	CCN Nhơn Hòa	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Chưa đầu tư	8,7	11,0	11,0	-	-	-	-
6	3	CCN Đồi Hòa Sơn	Trên 50%	Đang đầu tư	15/37ha	Đang đầu tư	Đang đầu tư	Đang đầu tư	Đang đầu tư	Chưa đầu tư	90,8	64,8	-	64,8	-	-	-
7	4	CCN Thanh Liêm	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Đã hoạt động	10,4	10,4	3,3	-	7,1	-	-
8	5	CCN Nhơn Tân	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	104,6	3,1	-	2,9	0,2	0,2	-
9	6	CCN An Mơ	Trên 50%	Đang đầu tư	Đang đầu tư 80%	Đang đầu tư 80%	Đang đầu tư	Đang đầu tư	Đang đầu tư	Chưa đầu tư	73,3	60,0	-	58,5	1,5	-	-
10	7	CCN An Trường	Hoàn thành	Đang đầu tư	11 ha, đạt 40%	Đã xây dựng 5km	Đang đầu tư	Đang đầu tư	Đang đầu tư	Chưa đầu tư	50,0	32,0	-	32,0	-	-	-
11	8	CCN Tân Đức	Trên 50%	Đang đầu tư	Chưa đầu tư	Xây dựng 1 phần, đạt 0,5/0,79km	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	93,6	3,1	3,1	-	-	-	-

Stt	Tên CCN	Hiện trạng bồi thường, GPMB (Hoàn thành/trên 50%/dưới 50%/chưa đầu tư)	Hiện trạng đầu tư hạ tầng (Hoàn thành/cơ bản hoàn thành/đang đầu tư/chưa đầu tư)	Trong đó:				Hiện trạng đầu tư hệ thống XLNT chung	Vốn đầu tư hạ tầng kỹ thuật (tỷ đồng)									
				San lấp mặt bằng	Giao thông trục chính nội bộ CCN	Hệ thống điện	Hệ thống cấp, thoát nước		Vốn đăng ký	Vốn thực hiện	Trong đó:							
											Cơ quan NN làm chủ đầu tư	DN làm chủ đầu tư	Vốn hỗ trợ/ ứng trước DN	Trong đó:				
														Ngân sách TW hỗ trợ	Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Ngân sách huyện	Vốn ứng trước DN	
12	9	CCN Nhơn Tân 1	Trên 50%	Đang đầu tư	Đang đầu tư	Đang đầu tư	Đang đầu tư	Chưa đầu tư	965,4	245,8	-	245,8	-	-	-	-	-	
IV	Tây Sơn							1	1.095,6	332,4	33,0	227,4	52,0	1,6	6,2	-	44,3	
13	1	CCN Hóc Bơm	Dưới 50%	Đang đầu tư	DN tự san lấp 820m3, đạt 25,15%	0,49km, 46,34%	46%	10%	Chưa đầu tư	60,5	19,3	11,0	-	8,3	0,2	1,0	-	7,1
14	2	CCN Cầu Nước Xanh	Hoàn thành	Đang đầu tư	99%	75%	72%	900/1.800m (50%)	Chưa đầu tư	80,0	30,2	-	30,2	-	-	-	-	-
15	3	CCN Phú An	Trên 50%	Đang đầu tư	83%	25%	37%	30%	Đã hoạt động	57,1	18,0	7,4	-	10,6	0,4	2,3	-	7,9
16	4	CCN Cầu 16	Dưới 50%	Đang đầu tư	28%	1,4km, 34,4%	Đường điện trung thế	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	68,0	5,6	0,1	-	5,5	0,4	-	-	5,1
17	5	CCN Bình Nghi	Hoàn thành	Đang đầu tư	25%	0,05km, 0,02%	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	33,6	6,7	-	-	6,7	0,3	-	-	6,5
			Đạt 50%	Chưa đầu tư	Đang đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	199,2	86,0	-	86,0	-	-	-	-	-
18	6	CCN Tây Giang (CCN Gò Giữa)	Dưới 50%	Chưa đầu tư	10%	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	105,0	0,9	-	-	0,9	-	-	-	0,9
19	7	CCN Gò Cây	Trên 50%	Đang đầu tư	21%	0,3km, 12,98%	Đang đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	90,0	6,8	2,9	-	3,9	-	1,0	-	2,9
			Hoàn thành	Đang đầu tư	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Chưa đầu tư	136,7	130,0	-	130,0	-	-	-	-	-
20	8	CCN Bình Tân	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Sử dụng đường bê tông hiện có	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	135,4	1,2	-	1,2	-	-	-	-	-
21	9	CCN Tây Xuân	Dưới 50%	Đang đầu tư	40%	0,5km, 21,63%	10%	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	100,0	22,2	10,7	-	11,5	0,4	1,5	-	9,7
22	10	CCN Rẫy Ông Thọ	Dưới 50%	Đang đầu tư	45%	0,32km, 28%	Đang đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	30,0	5,6	0,9	-	4,8	-	0,5	-	4,3

Stt	Tên CCN	Hiện trạng bồi thường, GPMB (Hoàn thành/trên 50%/dưới 50%/chưa đầu tư)	Hiện trạng đầu tư hạ tầng (Hoàn thành/cơ bản hoàn thành/đang đầu tư/chưa đầu tư)	Trong đó:				Hiện trạng đầu tư hệ thống XLNT chung	Vốn đầu tư hạ tầng kỹ thuật (tỷ đồng)									
				San lấp mặt bằng	Giao thông trực chính nội bộ CCN	Hệ thống điện	Hệ thống cấp, thoát nước		Vốn đăng ký	Vốn thực hiện	Trong đó:							
											Cơ quan NN làm chủ đầu tư	DN làm chủ đầu tư	Vốn hỗ trợ/ ứng trước DN	Trong đó:				
														Ngân sách TW hỗ trợ	Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Ngân sách huyện	Vốn ứng trước DN	
V	Phù Cát							3	92,5	93,2	13,5	75,8	3,9	-	3,9	-	-	
23	1	CCN Gò Mít	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Đã hoạt động	13,5	13,5	13,5	-	-	-	-	-	
24	2	CCN Cát Nhơn	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Đã hoạt động	39,0	29,7	-	25,8	3,9	-	3,9	-	
25	3	CCN Cát Hiệp	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	-	-	-	-	-	-	-	-	
26	4	CCN Cát Trinh	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Đã hoạt động	40,0	50,0	-	50,0	-	-	-	-	
VI	Phù Mỹ								0	530,9	49,2	39,1	1,0	9,1	-	7,5	-	1,7
27	1	CCN Bình Dương	Trên 50%	Đang đầu tư	74%, còn 85m3 chưa san lấp	70,8% (5,1/7,5 km) Đầu tư đường BTXM ĐS1, ĐS2, ĐS7	Đang đầu tư	Đã đầu tư kênh thoát nước chính	Chưa đầu tư	90,0	22,7	16,6	-	6,2	-	4,5	-	1,7
28	2	CCN Diêm Tiêu	Trên 50%	Đang đầu tư	49%	1,45/2,51km, đạt 57,7%	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	51,4	8,4	8,4	-	-	-	-	-	
29	3	CCN Đại Thạnh	Trên 50%	Đang đầu tư	51%	1,82/3,75km, 49%	Hoàn thành (ĐZ 22kv, TBA 22/0,4kv)	Đầu tư hệ thống thoát nước trực chính 400m	Chưa đầu tư	78,0	17,1	14,2	-	3,0	-	3,0	-	
30	4	CCN Tân Tường An	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	311,5	1,0	-	1,0	-	-	-	-	
VII	Hoài Nhơn								0	834,6	169,6	59,0	76,0	34,6	0,5	-	4,8	29,3
31	1	CCN Bồng Sơn	Trên 50%	Đang đầu tư	15,52 ha	60%	Hoàn thành	Hoàn thành	Chưa đầu tư	64,5	40,1	28,2	-	11,9	-	-	-	11,9

Stt	Tên CCN	Hiện trạng bồi thường, GPMB (Hoàn thành/trên 50%/dưới 50%/chưa đầu tư)	Hiện trạng đầu tư hạ tầng (Hoàn thành/cơ bản hoàn thành/đang đầu tư/chưa đầu tư)	Trong đó:				Hiện trạng đầu tư hệ thống XLNT chung	Vốn đầu tư hạ tầng kỹ thuật (tỷ đồng)									
				San lấp mặt bằng	Giao thông trực chính nội bộ CCN	Hệ thống điện	Hệ thống cấp, thoát nước		Vốn đăng ký	Vốn thực hiện	Trong đó:							
											Cơ quan NN làm chủ đầu tư	DN làm chủ đầu tư	Vốn hỗ trợ/ ứng trước DN	Trong đó:				
														Ngân sách TW hỗ trợ	Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Ngân sách huyện	Vốn ứng trước DN	
32	2	CCN Tam Quan	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Mỗi DN thứ cấp đã đầu tư HTXLNT đạt chuẩn, xả thải chung	26,7	26,7	-	21,9	4,8	-	-	4,8	-
33	3	CCN Hoài Châu	Hoàn thành	Đang đầu tư	Đang đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	256,1	45,6	-	45,6	-	-	-	-	-
34	4	CCN Hoài Tân	Trên 50% (43,49 ha)	Đang đầu tư	Đang đầu tư dở dang 39,5 ha	Đang đầu tư	Đang đầu tư	Đang đầu tư	Chưa đầu tư	204,8	33,2	18,3	-	14,9	0,4	-	-	14,5
35	5	CCN Hoài Hảo	Trên 50% (9,42 ha)	Đang đầu tư	9,42 ha	100%	Hoàn thành	Hoàn thành	Chưa đầu tư	52,5	8,1	5,0	-	3,1	0,1	-	-	3,0
36	6	CCN Hoài Hương	Hoàn thành	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	80,8	3,0	-	3,0	-	-	-	-	-
37	7	CCN Đệ Đức - Hoài Tân	Trên 50%	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	85,7	5,5	-	5,5	-	-	-	-	-
38	8	CCN Tường Sơn	Dưới 50%	Đang đầu tư	4,14 ha	Đang đầu tư	Đang đầu tư	Đang đầu tư	Chưa đầu tư	30,0	0,5	0,5	-	-	-	-	-	-
39	9	CCN Ngọc Sơn - Hoài Thanh Tây	Dưới 50% (3,91 ha)	Đang đầu tư	3,91 ha	100%	Đang đầu tư	Đang đầu tư	Chưa đầu tư	33,6	6,9	6,9	-	-	-	-	-	-
VIII	Hoài Ân								0	89,2	13,9	8,7	-	5,1	-	5,1	-	-
40	1	CCN Đốc Truong Sỏi	Dưới 50%	Đang đầu tư	75%	100%	Đã đầu tư	Đã đầu tư	Chưa đầu tư	29,2	12,9	7,7	-	5,1	-	5,1	-	-
41	2	CCN Du Tụ	Dưới 50%	Đang đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	30,0	0,2	0,2	-	-	-	-	-	-
42	3	CCN Gò Bằng	Dưới 50%	Đang đầu tư	12%	Chưa đầu tư	Đã đầu tư	Đã đầu tư	Chưa đầu tư	30,0	0,8	0,8	-	-	-	-	-	-
IX	An Lão								0	44,4	10,0	1,6	-	8,3	-	7,8	-	0,6

Stt	Tên CCN	Hiện trạng bồi thường, GPMB (Hoàn thành/trên 50%/dưới 50%/chưa đầu tư)	Hiện trạng đầu tư hạ tầng (Hoàn thành/cơ bản hoàn thành/đang đầu tư/chưa đầu tư)	Trong đó:				Hiện trạng đầu tư hệ thống XLNT chung	Vốn đầu tư hạ tầng kỹ thuật (tỷ đồng)									
				San lấp mặt bằng	Giao thông trục chính nội bộ CCN	Hệ thống điện	Hệ thống cấp, thoát nước		Vốn đăng ký	Vốn thực hiện	Trong đó:							
											Cơ quan NN làm chủ đầu tư	DN làm chủ đầu tư	Vốn hỗ trợ/ ứng trước DN	Trong đó:				
						Ngân sách TW hỗ trợ	Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Ngân sách huyện	Vốn ứng trước DN									
43	1	CCN Gò Bù	Hoàn thành	Đang đầu tư	Hoàn thành	Hoàn thành 0,4/1,8 km	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	17,2	5,0	0,8	-	4,2	-	3,9	-	0,3
44	2	CCN Gò Cây Duối	Hoàn thành	Đang đầu tư	Hoàn thành	Hoàn thành 0,5/1km	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	27,2	5,0	0,9	-	4,2	-	3,9	-	0,3
X		Vĩnh Thạnh							0	79,0	19,1	2,2	13,1	3,9	-	1,8	1,8	0,3
45	1	CCN Tà Súc	Trên 50%	Đang đầu tư	Hoàn thành	Hoàn thành 0,69 km	Đang đầu tư	Đang đầu tư	Chưa đầu tư	16,7	16,7	-	13,1	3,6	-	1,8	1,8	-
			Trên 50%	Đang đầu tư	Trên 50%	Đang đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	62,3	2,5	2,2	-	0,3	-	-	-
XI		Vân Canh							0	70,0	4,1	0,7	-	3,4	-	3,4	-	-
46	1	CCN TT Vân Canh	Dưới 50%	Đang đầu tư	Hoàn thành	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	70,0	4,1	0,7	-	3,4	-	3,4	-	-

PHỤ LỤC 1
BẢNG 4: HẠ TẦNG KỸ THUẬT BÊN TRONG CỤM CÔNG NGHIỆP

Stt	Tên CCN	Hạ tầng chính							Hạ tầng bảo vệ môi trường							
		San lấp mặt bằng	Giao thông nội bộ CCN	Cấp điện	Điện chiếu sáng	Cấp nước	PCCC	Thông tin liên lạc	Hệ thống xử lý NT tập trung	Hệ thống thu gom, thoát nước mưa	Hệ thống thu gom NT	Hệ thống thoát nước thải	CT, TB phòng ngừa, ứng phó sự cố MT đối với NT	Hệ thống quan trắc NT	Tỷ lệ cây xanh/QHCT (%)	
2	1	CCN Phước An	Hoàn thành	Hoàn thành (1,5/1,5 km)	Hoàn thành	Hoàn thành	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	DN thứ cấp làm việc với nhà cung cấp dịch vụ	Đã đầu tư với công suất thiết kế 200m3/ngày đêm. Lưu lượng trung bình 35-50 m3/ngày. Đang nâng cấp duy tu, sửa chữa. Thu phí XLNT từ các DN trong CCN.	Đã đầu tư	Đã đầu tư	Đã đầu tư	Đã đầu tư	Đang đầu tư (hoàn thành trước 12/2024)	85%
6	3	CCN Đồi Hòa Sơn	San lấp 15/37ha	Xây dựng (1,5/3,75 km)	Đã đầu tư đường dây đến NM	Đã đầu tư khoảng 0,2/4,35 km	Đang đầu tư	Chưa đầu tư	DN thứ cấp làm việc với nhà cung cấp dịch vụ	Chưa đầu tư	Đã đầu tư	Đã đầu tư xây dựng dọc theo hệ thống giao thông nội bộ CCN.	Đã đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư lắp đặt	70%
9	6	CCN An Mơ	San lấp đạt 80%	Hoàn thành (1,36/1,36 km)	Đã đầu tư đường dây đến nhà máy	Đã đầu tư đường điện chiếu sáng 0,4/1,36 km	Đang đầu tư	Hoàn thành	DN thứ cấp làm việc với nhà cung cấp dịch vụ	Chưa đầu tư	Đã đầu tư	Đã đầu tư	Đã đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	90%

Stt	Tên CCN	Hạ tầng chính							Hạ tầng bảo vệ môi trường							
		San lấp mặt bằng	Giao thông nội bộ CCN	Cấp điện	Điện chiếu sáng	Cấp nước	PCCC	Thông tin liên lạc	Hệ thống xử lý NT tập trung	Hệ thống thu gom, thoát nước mưa	Hệ thống thu gom NT	Hệ thống thoát nước thải	CT, TB phòng ngừa, ứng phó sự cố MT đối với NT	Hệ thống quan trắc NT	Tỷ lệ cây xanh/QHCT (%)	
12	9	CCN Nhơn Tân 1	51,24/51,24 ha, đạt 100%	Xây dựng (2,74/6,17 km), chưa bố vỉa, vỉa hè	Đã xây dựng 2/3 TBA với tổng công suất 1190 KVA	Điện chiếu sáng khoảng 0,5 km	Đã thi công ống ngầm theo các tuyến đường, chưa đầu nối vào nguồn nước sạch dọc QL 19	Chưa đầu tư	DN thứ cấp làm việc với nhà cung cấp dịch vụ	Chưa đầu tư	Đã đầu tư dọc đường trục CCN	Đã đầu tư	Đã đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	10%
14	2	CCN Cầu Nước Xanh	San lấp đạt 99%	Xây dựng (0,7/3,41 km)	Có đường điện đến nhà máy	Chưa đầu tư	900/1.800m (50%)	Chưa đầu tư	DN thứ cấp làm việc với nhà cung cấp dịch vụ	Đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung ở phía Tây Bắc CCN với tổng vốn đầu tư 4,2 tỷ đồng.	Đã đầu tư	Đã đầu tư	Đã đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư do chưa vận hành HTXLNT Tập trung	10%
15	3	CCN Phú An	San lấp đạt 83%	Xây dựng đạt 25%	Có đường điện đến nhà máy	Chưa đầu tư	30%	Chưa đầu tư	DN thứ cấp làm việc với nhà cung cấp dịch vụ	Công suất 100m ³ /ng đêm. Không có nước thải sản xuất để vận hành HTXLNTTT.	Đã đầu tư hoàn thiện dọc theo đường trục và đường nội bộ của CCN.	Đã đầu tư	Đã đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	10%
19	7	CCN Gò Cây	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Chưa đầu tư	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	100%

Stt	Tên CCN	Hạ tầng chính							Hạ tầng bảo vệ môi trường							
		San lấp mặt bằng	Giao thông nội bộ CCN	Cấp điện	Điện chiếu sáng	Cấp nước	PCCC	Thông tin liên lạc	Hệ thống xử lý NT tập trung	Hệ thống thu gom, thoát nước mưa	Hệ thống thu gom NT	Hệ thống thoát nước thải	CT, TB phòng ngừa, ứng phó sự cố MT đối với NT	Hệ thống quan trắc NT	Tỷ lệ cây xanh/QHCT (%)	
23	1	CCN Gò Mít	Hoàn thành	Xây dựng (1,5/2,14 km)	Hoàn thành	Chưa đầu tư		Chưa đầu tư	DN thứ cấp làm việc với nhà cung cấp dịch vụ	Đang hoàn thiện hệ thống. Công suất thiết kế 60m ³ /ngày đêm. Lưu lượng trung bình 21-50m ³ /ngày.	Đã hoàn thành đầu tư dọc theo tuyến đường nội bộ CCN	Đã đầu tư, nhưng thu gom nước thải dọc theo tuyến đường nội bộ CCN	Đã đầu tư	Chưa đầu tư	Đang đầu tư lắp đặt	25%
24	2	CCN Cát Nhơn	Hoàn thành	Hoàn thành (3/3 km)	Hoàn thành	Hoàn thành khoảng 80%	Hoàn thành	Hoàn thành	DN thứ cấp làm việc với nhà cung cấp dịch vụ	Đã đầu tư với công suất 200 (m ³ /ngàyđêm); Vận hành với công suất nhỏ, hiện trạng HTXLNTTT không đủ nước để vận hành thường xuyên. Lưu lượng trung bình 16-20 m ³ /ngày. Thu phí xả thải từ các DN trong CCN.	Đã xây dựng chẫy dọc theo tuyến đường nội bộ CCN	Có hệ thống thu gom nước mưa, nước thải tách biệt và xây dựng hoàn thiện dọc theo các tuyến đường CCN	Đã đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư và quan trắc định kỳ theo ĐTM đã phê duyệt	95%

Stt	Tên CCN	Hạ tầng chính							Hạ tầng bảo vệ môi trường							
		San lấp mặt bằng	Giao thông nội bộ CCN	Cấp điện	Điện chiếu sáng	Cấp nước	PCCC	Thông tin liên lạc	Hệ thống xử lý NT tập trung	Hệ thống thu gom, thoát nước mưa	Hệ thống thu gom NT	Hệ thống thoát nước thải	CT, TB phòng ngừa, ứng phó sự cố MT đối với NT	Hệ thống quan trắc NT	Tỷ lệ cây xanh/QHCT (%)	
26	4	CCN Cát Trinh	Hoàn thành	Hoàn thành (0,5/0,5 km)	Hoàn thành	Chưa đầu tư	Hoàn thành	Chưa đầu tư	DN thứ cấp làm việc với nhà cung cấp dịch vụ	Đang vận hành ổn định hệ thống XLNT tập trung cho CCN với công suất thiết kế 500 m3/ngày đêm. Lưu lượng trung bình 280-670,53 m3/ngày. Thu phí xả thải từ các DN trong CCN.	Đã đầu tư hệ thống thu gom nước mưa dọc theo các đường trục và phía Đông CCN	Có hệ thống thu gom nước thải; Có đường dẫn nước thải.	Đã đầu tư	Đã đầu tư	Chưa đầu tư hệ thống quan trắc và quan trắc định kỳ theo ĐTM đã phê duyệt	80%
32	2	CCN Tam Quan	Hoàn thành	Xây dựng (0,9/1,1 km)	Hoàn thành	Chưa đầu tư	Hoàn thành	Chưa đầu tư	DN thứ cấp làm việc với nhà cung cấp dịch vụ	Không xây dựng HTXLNTTT của CCN vì các DN tự xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải riêng và thoát ra ống thoát nước thải chung của CCN đảm bảo theo quy định.	Đã đầu tư hoàn thiện, dọc theo tuyến đường trục chính của CCN.	Đã đầu tư ống thu dẫn nước thải	Đã đầu tư	Chưa đầu tư	Chưa đầu tư	90%

PHỤ LỤC 2
BẢNG 1. TỔNG HỢP TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP/ CƠ SỞ/ DỰ ÁN
TRONG CỤM CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Stt	Tên DN/ Cơ sở/ DA	Tình hình hoạt động			Diện tích (ha)	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn thực hiện (tỷ đồng)	Số lao động (người)	Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	Doanh thu 2022 (tỷ đồng)	KNXK 2022 (1.000 USD)	Nộp NSNN 2022 (triệu đồng)
		Hoạt động	Đang triển khai	Tạm ngừng hoạt động								
Tổng cộng		250	114	16	738,2	16.548,2	8.647,4	23.139	4,5-6,0	19.372,0	576.869,0	570.299,9
1	Quy Nhơn	1	1	0	1,9	46,0	20,0	71	5,5	54,0	-	948,6
2	Tuy Phước	17	4	2	40,2	623,8	345,3	1.337	5,0-6,0	3.857,8	69.459,0	60.859,1
3	An Nhơn	50	15	1	98,7	1.768,4	328,3	3.297	5,0-5,5	2.788,8	42.869,0	129.818,6
4	Tây Sơn	60	45	8	244,1	5.568,3	2.335,3	2.041	4,5-5,5	2.118,7	44.603,0	29.139,5
5	Phù Cát	35	1	3	60,6	3.105,2	3.126,9	6.574	4,5-6,0	3.228,4	129.073,0	127.521,7
6	Phù Mỹ	33	10	1	91,6	992,9	369,9	2.231	5,0-5,5	1.804,0	26.974,0	84.700,4
7	Hoài Nhơn	24	21	0	125,4	3.678,1	1.931,6	6.795	5,5-6,5	4.858,7	228.563,0	94.050,0
8	Hoài Ân	5	3	0	8,4	127,7	60,3	318	5,0-6,0	41,0	32.200,0	3.836,9
9	An Lão	12	3	1	16,1	135,2	59,2	258	5,0-6,0	149,3	-	6.382,2
10	Vĩnh Thạnh	8	7	0	25,0	191,0	45,4	161	4,5-5,0	85,1	-	9.132,7
11	Vân Canh	5	4	0	26,2	311,5	25,2	56	4,0-4,5	386,1	3.128,0	23.910,1

PHỤ LỤC 2
BẢNG 2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP/ CƠ SỞ/ DỰ ÁN
TRONG CỤM CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Stt	Tên DN/ Cơ sở/ DA	Tình hình hoạt động			Diện tích (ha)	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn thực hiện (tỷ đồng)	Số lao động (người)	Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	Doanh thu 2022 (tỷ đồng)	KNXK 2022 (1.000 USD)	Nộp NSNN 2022 (triệu đồng)	
		Hoạt động	Đang triển khai	Tạm ngừng hoạt động									
Tổng cộng		250	114	16	738,2	16.548,2	8.647,4	23.139	4,5-6,0	19.372,0	576.869,0	570.299,9	
I	Quy Nhơn	1	1	0	1,9	46,0	20,0	71	5,5	54,0	-	948,6	
1	1	CCN Bùi Thị Xuân	1	1	0	1,9	46,0	20,0	71	5,5	54,0	-	948,6
II	Tuy Phước	17	4	2	40,2	623,8	345,3	1.337	5,0-6,0	3.857,8	69.459,0	60.859,1	
2	1	CCN Phước An	17	4	2	40,2	623,8	345,3	1.337	5,0-6,0	3.857,8	69.459,0	60.859,1
III	An Nhơn	50	15	1	98,7	1.768,4	328,3	3.297	5,0-5,5	2.788,8	42.869,0	129.818,6	
3	1	CCN Bình Định	10	0	1	8,3	149,5	87,3	1.461	5,5	900,6	12.149,0	12.572,1
4	2	CCN Nhơn Hòa	6	0	0	11,3	85,7	55,8	769	5,0-5,5	877,1	19.236,0	14.108,7
5	3	CCN Đồi Hòa Sơn	6	2	0	23,4	354,5	10,0	490	5,0-5,5	60,6	1.555,0	1.471,1
6	4	CCN Thanh Liêm	9	0	0	2,8	34,5	52,2	102	5,5	45,8	-	1.723,3
7	5	CCN An Mơ	1	0	0	2,4	38,0	-	5	5,0-5,5	-	-	-
8	6	CCN An Trường	2	0	0	7,0	35,0	20,0	60	5,5	217,3	-	64,4
9	7	CCN Tân Đức	12	10	0	23,3	232,0	63,0	265	5,0	283,1	3.569,0	1.948,6
10	8	CCN Nhơn Tân 1	4	3	0	20,3	839,3	40,0	145	5,0-5,5	404,3	6.360,0	97.930,4
IV	Tây Sơn	60	45	8	244,1	5.568,3	2.335,3	2.041	4,5-5,5	2.118,7	44.603,0	29.139,5	
11	1	CCN Hóc Bọm	7	11	0	26,3	151,6	58,9	214	5,0	24,2	-	1.890,6
12	2	CCN Cầu Nước Xanh	2	1	0	14,8	257,6	170,3	58	4,3	89,3	1.168,0	3,9
13	3	CCN Phú An	23	1	6	26,8	196,6	142,7	498	4,5-5,0	494,3	8.958,0	17.771,3
14	4	CCN Cầu 16	4	4	0	24,7	689,7	195,8	255	6,0-7,0	881,7	33.350,0	2.564,3
15	5	CCN Bình Nghi	3	3	1	41,0	1.229,1	211,3	106	5,0-5,5	141,8	126,0	3.060,0
16	6	CCN Gò Cây	7	7	1	54,4	2.067,42	1.058,4	513	5,0-5,5	423,8	1.001,0	1.782,4
17	7	CCN Bình Tân	2	0	0	1,5	-	-	38	3,9	4,2	-	83,4
18	8	CCN Tây Xuân	9	13	0	39,3	844,2	455,9	260	5,0	36,5	-	868,3
19	9	CCN Rẫy Ông Thơ	3	5	0	15,5	132,1	42,2	99	5,0	23,0	-	1.115,2

Stt	Tên DN/ Cơ sở/ DA	Tình hình hoạt động			Diện tích (ha)	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn thực hiện (tỷ đồng)	Số lao động (người)	Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	Doanh thu 2022 (tỷ đồng)	KNXK 2022 (1.000 USD)	Nộp NSNN 2022 (triệu đồng)
		Hoạt động	Đang triển khai	Tạm ngừng hoạt động								
V	Phù Cát	35	1	3	60,6	3.105,2	3.126,9	6.574	4,5-6,0	3.228,4	129.073,0	127.521,7
20	1 CCN Gò Mít	20	0	2	10,2	149,4	80,0	260	4,5-5,0	421,1	325,0	10.356,8
21	2 CCN Cát Nhơn	10	1	1	43,7	1.293,8	1.384,8	2.082	4,5-6,0	1.008,8	44.607,0	98.085,9
22	3 CCN Cát Trinh	5	0	0	6,7	1.662,0	1.662,0	4.232	5,0-6,0	1.798,4	84.141,0	19.078,9
VI	Phù Mỹ	33	10	1	91,6	992,9	369,9	2.231	5,0-5,5	1.804,0	26.974,0	84.700,4
23	1 CCN Bình Dương	18	3	1	37,3	520,2	165,1	1.449	5,0-5,5	1.187,4	26.045,0	53.019,2
24	2 CCN Diêm Tiêu	7	4	0	21,5	196,0	107,0	571	5,0-5,5	481,5	30,0	7.932,8
25	3 CCN Đại Thạnh	8	3	0	32,8	276,7	97,9	211	5,0-5,5	135,2	899,0	23.748,5
VII	Hoài Nhơn	24	21	0	125,4	3.678,1	1.931,6	6.795	5,5-6,5	4.858,7	228.563,0	94.050,0
26	1 CCN Bồng Sơn	8	6	0	22,3	398,8	244,7	476	5,5-6,5	2.223,2	73.458,0	6.454,2
27	2 CCN Tam Quan	3	0	0	13,4	336,5	347,6	3.903	6,0-7,0	943,9	87.261,0	19.766,8
28	3 CCN Hoài Châu	0	1	0	18,7	503,0	-	-	0,0	-	-	-
29	4 CCN Hoài Tân	5	7	0	42,7	2.176,4	1.226,9	1.199	6,0-7,0	1.341,6	28.588,0	57.693,4
30	5 CCN Hoài Hảo	3	1	0	9,4	29,7	48,9	211	5,5-6,0	112,2	2.227,0	1.989,4
31	6 CCN Tường Sơn	2	5	0	13,8	181,8	35,0	459	5,5	124,8	17.684,0	3.987,6
32	7 CCN Ngọc Sơn - Hoài Thanh Tây	3	1	0	5,1	51,9	28,5	547	7,0	113,1	19.345,0	4.158,6
VIII	Hoài Ân	5	3	0	8,4	127,7	60,3	318	5,0-6,0	41,0	32.200,0	3.836,9
33	1 CCN Dốc Truong Sỏi	4	1	0	2,8	71,8	53,0	293	7,0	41,0	32.200,0	3.831,6
34	2 CCN Gò Bằng	1	2	0	5,6	55,9	7,3	25	3,0	0,0	-	5,3
IX	An Lão	12	3	1	16,1	135,2	59,2	258	5,0-6,0	149,3	-	6.382,2
35	1 CCN Gò Bù	6	1	0	6,4	70,4	38,0	144	5,0-6,0	13,3	-	246,9
36	2 CCN Gò Cây Duối	6	2	1	9,7	64,8	21,2	114	5,0-6,0	135,9	-	6.135,3
X	Vĩnh Thạnh	8	7	0	25,0	191,0	45,4	161	4,5-5,0	85,1	-	9.132,7
37	1 CCN Tà Súc	8	7	0	25,0	191,0	45,4	161	4,5-5,0	85,1	-	9.132,7
XI	Vân Canh	5	4	0	26,2	311,5	25,2	56	4,0-4,5	386,1	3.128,0	23.910,1
38	1 CCN TT Vân Canh	5	4	0	26,2	311,5	25,2	56	4,0-4,5	386,1	3.128,0	23.910,1